

NEUROTONIC

Từ thôn quê đến thị thành
ST. Nông, Công, Thương chạy dành **NEURO**

NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHỊ THẦN

- ★ BỒI BỒ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LỰC



2087
295
157



PHỔ THÔNG

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ





Thăng **Bờm**

TUẦN BÁO
HƯỚNG DẪN
GIÁO DỤC
THIẾU NHI
VIỆT-NAM

với những bài của:

- Thăng Bờm Quạt-Mo, Bé Kim Chích Chèo, Thăng Ngọng Thế-nà-thế-nào, Cu Tèo,
- Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Vũ-Hoàng-Chương, Thu-Mai, Lê-Thương, Phan-Bá-Phụng, Chí-Bửu, Thu-Minh, Chú Hai Ống Vó, Hùng Lân, Bình-nguyên-Lộc, Nguyễn Thuộc, Hoàng-Thăng, Kim Loan, Diệu Nga, Trần Hồng-Yến, Thu Thủy, Tin-Khanh Đông Tùng v.v...

★ 36 trang offset, nhiều màu. Bìa offset Thăng Bờm, mỹ thuật ấn loát Thăng Bờm.

Trình bày, kỹ thuật :

Họa sĩ Anh-Thương, Lê Huỳnh, và Nguyễn. Uyên.

Giá bán : 15đ.

Những mẹ trong số 1

- Các bờ ới, các bờ ạ, của *Thằng Bờm Quạt Mo Bé Kim Chích Chèo Thằng Ngọng*
- Thơ tặng các em, của *Bác Vũ-hoàng-Chương*
- Chuyện cậu bé Trần-Quốc-Toản, do *Bé Kim kê*
- Chuyện Thạch Bích Sơn bằng tranh, của *bác Nguyễn-Vỹ*
- Chuyện Nguyễn-thị-Mèo và Trần văn Chuột *chị Diệu-Huyền kê*
- Chuyện ông Đạo Sĩ *chị Thu-Mai kê*
- Các em hát và gảy đàn *bác Lê Thương dạy*
- Các em chơi (ô chữ, tô màu, cắt meo)
- Các em cười (Nụ cười thằng Bờm)
- Các em tìm hiểu của *Chú Hai Ông Vợ Quạt Mo*
- Đố các bờ nói trúng? (Sử, Địa, Toán) *Bé Kim, Thằng Ngọng Thế-nà-thế-nào*
- Đố trí khôn có giải thưởng *anh Thu-Minh và chú Phụng*
- Thi Văn Đoàn Thằng Bờm *của các em học sinh*
- Có chỉ thì nên *Chú Phụng*
- Kịch vui giáo dục cười vỡ bụng: Ông Thần kéo *chú Chít-Bừu*
- Trưng cầu tôn ý các Ông, Bà, Bác, các Thầy, Cô, các Anh, Chị lớn *Thằng Bờm*

Số 1, Phát hành toàn quốc

40.000 số

trong tuần lễ từ 3. 3. 1970

đến 10. 3. 1970



Chủ-Nhiệm : NGUYỄN-VỸ

Chủ-Bút : DIỆU-HUYỀN

Giám-đốc trị-sự : PHAN-NHƯ-HÒA

TRỤ SỞ

**522Bis, Trương . m . Giảng,
Saigon**

Đ. T. : 41.095



« Tụi mình là Con Tiên Châu Rồng, tụi mình là giòng dõi Hùng-Vương, Trưng Nữ-Vương, Lê-Lợi, Hưng-Đạo, Quang-Trung, Dục-Tân, Thái-Học, mà tụi mình lại cao-bồi, hippy, lưu manh, du đĩng, thế nà thế nào. Hiện sinh, bụi đời, thế nà thế nào? Hờ, các bờ, thế nà thế nào? »

(LỜI THẮNG NGỌNG)

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

CƠP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ bút; Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 240 — 1-3-1970

1 — Tại sao chúng tôi cho ra tuần báo Thăng Bờm	Nguyễn-Vỹ	8 — 9
2 — Ôi mùa xuân (thơ)	Hồ-tịch-Tĩnh	10
3 — Cung trăng; năm thứ hai	Võ-quang-Yến	11 — 17
4 — Vụ thám sát bên bờ sông Chảy (tt)	Phạm-văn-Son	18 — 25
5 — Làng Hòa-Bình dành cho trẻ em	Đào-thị Ngọc-Diệp	26 — 37
6 — Cảm đề — Canh-Tuất (thơ)	Tuần-Lý	38
7 — Bức thư Tây Đức (tt)	Nguyễn-khắc-Tiến-Tùng	39 — 43
8 — Từ Oklahoma... (tt)	Hồ-tịch-Tĩnh	44 — 47
9 — Ái khanh hành	Trần-Tử	48 — 53
10 — Binh đội, binh chí ngày xưa (t.t)	Tín-Khanh	54 — 59
11 — Việt sử qua ca dao	Trần Lê Nguyên-Vũ	60 — 71
12 — Công trình của Nguyễn-tấn-Lang và Phan Canh	Lan-Đình	72 — 76

13 — Bài hát Hồ-Khoang (Trung)	Sinh viên Quảng Ngãi	77 — 78
14 — Hoa Hà-Nội (Bắc)	Cao-nguyên-Lang	79 — 82
15 — Màu sắc trong Hội họa	Trần-lệ-Tài	83 — 86
16 — Cho quê hương (thơ)	Kim-Ngọc-Trần-Lê	87
17 — Người đàn bà chết	Giang-Tân	88 — 93
18 — Tưởng nhớ cụ Đào-Tấn	Hoàng-Trúc-Ly	94 — 102
19 — Hồ xuân Hương	Nguyễn-Vỹ	103 — 108
20 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	109 — 112
21 — Sách báo mới		113 — 117
22 — Hai chuyến phóng sự đầu năm	Thu-Mai	118 — 123
2g — Bạn đọc gửi về tòa soạn		124 — 126

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

Tại sao chúng tôi cho ra Tuần Báo « Thăng Bờm »

HÃNG ngày, tôi nhận được rất nhiều thư của bạn đọc thân yêu, mà đa số là các bậc Phụ Huynh, nhất là các bà Mẹ Học Sinh khắp các nơi trong toàn quốc, than phiền về việc thiếu một tờ báo lành mạnh cho con em đọc, một tờ báo giáo dục thiếu nhi xứng đáng với nhiệm vụ của nó.

Trên mười lăm năm chủ trương Tạp chí văn hóa *Phổ Thông*, tôi cũng đã có nhiều lần nghĩ đến sự cần thiết của một cơ quan văn hóa riêng biệt cho Thiếu Nhi. Năm 1948-49, tôi cũng đã xuất bản một loại *Phổ Thông nhi đồng* để thử giải quyết vấn đề hướng dẫn giáo dục các con em, nhưng rất tiếc vì lúc bấy giờ chúng tôi quá bận rộn về tờ nhật báo *Dân Ta* nên *Phổ Thông Nhi Đồng* không thể tiếp tục được.

Ngày nay nhu cầu trở nên cấp bách, Trước sự lo ngại của các bậc phụ huynh,

chúng tôi nhận thấy đến lúc cần phải cố gắng đào tạo một thế hệ Thiếu niên Nhi đồng lành mạnh và đạo đức, hướng dẫn con em của chúng ta trở về nguồn gốc giống nòi và truyền thống quý báu của quốc gia.

Đã đến lúc, không thể để chằm được nữa, đem tinh thần dân tộc thấm nhuần cho con em, để trong một tương lai rất gần gũi đây chúng có thể trở nên những công dân Việt, nam quật cường, lành mạnh, anh dũng, để tiếp nối trọng trách thiêng liêng của Lịch sử

Do ý nghĩ lo lắng đó mà Tuần báo *Thăng Bờm* ra đời, làm nhiệm vụ song-song với Tạp chí *Phổ Thông*.

Chúng tôi tha thiết mong rằng cái tên *Thăng Bờm* nói lên được tất cả ý nghĩa của tờ tuần báo thiếu nhi này, và mong nó sẽ cố gắng xứng đáng nhận lãnh trách nhiệm khó khăn nặng nề của nó. Tạp chí *Phổ Thông* vẫn tiếp tục phát hành mỗi tháng hai lần, đúng theo kỳ hạn thường xuyên và tiêu chuẩn văn hóa dân tộc, không bao giờ thay đổi.

Dĩ nhiên, Tòa soạn của *Phổ Thông* vẫn y nguyên như cũ. Chúng tôi hy vọng bạn đọc thân yêu của *Phổ Thông* sẽ tiếp đón Tuần báo *Thăng Bờm* cũng một cảm tình nồng nhiệt như với *Phổ Thông*. Xin các bạn nhận nơi đây lòng tri ân lưu luyến sâu đậm của tôi.





Ôi, mùa Xuân, mùa xuân...

Hãy sống lại một lần
Khi mùa xuân đã tới
Hãy nhìn mặt người thân
Với lời chưa kịp nói

Bàn tay mời băng giá
Trong giấc ngủ giao thừa
Hồn tội tình mê lả
Hết một đời hay chưa

Tôi ngắt một cành hoa
Cắm lên miền đất chết
Mùa xuân trôi dần xa
Một đời nào sắp hết

Ôi mùa xuân mùa xuân
Nụ cười vừa chợt tắt

TRẦN MẶC NGHỆ THỂ

Hồn trẻ Hai Mươi

KBC 3199

Cung Trăng

năm thứ HAI

▼ **VÕ-QUANG-YẾN**
(Paris)

SAU 1969, một năm kỷ niệm lịch sử với những chuyến bay Apollo 11, 12, năm 1970 cũng sẽ có một chương trình khảo cứu cung trăng khá đầy đủ. Sau cuộc đổ bộ thành công lên cung Quảng, cơ quan NASA đã quyết định cho phóng tiếp Apollo-13 ngày 12-3 sắp tới. Phi thuyền sẽ do James Lovell điều khiển, một trong những nhà phi hành lão luyện nhất của Hoa-kỳ (Gemini-7, 12 và Apollo-8). Ông sẽ cùng bay với Thomas Mattingly (chỉ huy ca-bin) và Fred Haise (chỉ huy chiếc LEM). Mục tiêu của cuộc thám hiểm sẽ là «biên» Báo Táp mà Apollo-12 đã chụp hình nhiều và người ta nghi đã có núi lửa ở đây. Đặc biệt kỳ này ca-bin sẽ không còn bay cao 112 cây số mà

sẽ xuống gần mặt trăng khoảng 15 cây số.

Qua ngày 8-7, chiếc Apollo-14 sẽ tiếp tục thám hiểm «miệng núi lửa» Littrow trên bờ phía đông «biển» An Tĩnh. Bay chuyến này sẽ có Alan Shepard (đã từng bay với ca-bin Mercury), Stuart Roosa và Edgar Mitchell. Sau đấy qua hôm 30-10 chiếc Apollo-15 sẽ nhằm mục tiêu «miệng núi lửa» Censorinus. Nhưng Apollo-15 sẽ là thí nghiệm đầu tiên của một chương trình mới khác. Các chuyên gia Mỹ chỉ quyết định chi tiết chương trình này sau khi kiểm điểm kết quả của tất cả bốn chuyến bay Apollo-11, 12, 13, 14.

Công tác các Apollo

Hai chuyến bay Apollo-11 và

12 đã là những thí nghiệm bất tiền khoáng hậu mà không một khám phá khoa học nào có thể đem so sánh được. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, con người đã lên được cung trăng, hiên ngang đi đứng, chạy trong một bầu trời mà từ xưa ta chỉ biết ca ngợi từ xa. Các phi hành gia chỉ tiếc thời gian lưu trú quá ngắn. Nhưng tầm mức khoa học thật đã là vô cùng quan trọng. Rồi đây, kết quả cuộc phân tích các mảnh đá đem về sẽ thật sự mở đầu cho môn nguyệt học. Tuy nhiên, những thí nghiệm thực hiện tại chỗ có phần ít trong chuyến Apollo-11. Người ta chỉ có đặt một tờ nhôm để đo các luồng gió mặt trời, một máy phản xạ laser và một địa chấn kế. Chiếc máy này độc nhất có kèm theo máy điện để chuyển tài liệu về mặt đất.

Apollo-12 hoàn hảo hơn đã đưa lên cung trăng gần như một phòng thí nghiệm gói gắm thành bao ALSEP (Apollo Lunar Surface Experiment Package). Hai phi hành gia Conrad và Bean đề bắt đầu đã lắp một máy phát điện 74

watt chạy với chất phóng xạ plutonium 238 để cho vận dụng :

— Một máy phát, nhận tin để trò chuyện với mặt đất ;

— một địa chấn kế thứ nhì, rất nhạy, có ghi những động đất cỡ phần ngàn micron ;

— một từ kế đo được vừa từ trường riêng của cung trăng vừa từ trường thay đổi vì những tác dụng bên ngoài như những luồng gió mặt trời hay đuôi quả đất ;

— một quang phổ kế để khảo cứu các luồng gió mặt trời nói trên ;

— một máy đo bụi bặm, một máy đo các tiếng, một máy đo khí quyển,...

Những máy này đã và đang đưa lại cho các nhà bác học những tài liệu về hệ tinh của quả đất. Những tài liệu này thật có cần yếu không, đây là câu hỏi mà nhiều công dân Hoa kỳ đã bắt đầu đặt ra. Hiện nay, chương trình Apollo đang bị nhiều người chỉ trích. Thứ

nhất là vì tiền của tiêu vào chương trình Apollo quá nhiều nên người ta đã phải xóa bỏ nhiều chương trình khảo cứu khác. Mà chương trình Apollo thật có quan trọng đến nỗi phải bỏ hầu hết công quỹ vào đây không ? Vẫn biết xuất vốn vào không gian là một chuyện chí lý hiện nay ở một quốc gia tân tiến như Hoa kỳ, nhưng người ta đòi hỏi một nền chính trị không gian. Người ta trách chương trình Apollo đã buộc chế tạo một số máy móc, dụng cụ chẳng dùng được ở các ngành khác. Mặt kia, trong cuộc khảo cứu thật sự cung trăng, những người không bằng lòng bảo sức khỏe của phi thuyền quá kém cỏi cho nên dụng cụ đo lường chẳng đem theo được bao nhiêu. Nặng dưới 200 kilô, những dụng cụ này đã là những máy móc tí hon mà những nhà kỹ thuật Mỹ đã khéo léo chế ra, nay có thể thay đổi chứ không làm sao cho thành nhỏ hơn để phi thuyền chở được nhiều thêm.

Tính chung mỗi chiếc Apollo tốn khoảng 350 triệu Mỹ Kim.

Chỉ xét về mặt khoa học, máy móc đưa lên cung trăng tốn như vậy mỗi kilô hai triệu đô la. Như thế quá đắt vì nếu chẳng gọi người mà chỉ gọi máy tự động thì có thể đưa lên cung trăng một số lượng tương tự dụng cụ đo lường với một số tiền hai mươi ngàn đô la mà thôi, tương đối một trăm lần rẻ hơn. Đây là điểm khác nhau giữa hai nền chính trị không gian của hai nước từ mấy năm nay đang xông vào một cuộc chạy đua ra vũ trụ : Mỹ chơi kiểu nhà giàu, tốn thì tốn, gọi cho kỳ được người lên cung trăng ; Nga thì chỉ dự định gọi máy tự động lên mà thôi. Thật ra, ta biết gì về chương trình không gian Nga ?

Từ Soyuz qua Zond.

Từ đầu năm 1965, một chương trình gọi người lên cung trăng đã được các nhà lãnh đạo Nga ghi vào kế hoạch năm năm. Thời ấy, nhiều phi hành Nga đã có to ý Nga muốn có người đạp đất chi Hằng trước tiên. Ta không biết chi tiết của chương

trình đã được chọn giữ, nhưng một điều rất rõ là dù chọn giữ bất cứ chương trình nào các chuyên gia Liên xô cũng cần phải đặt lên quanh quả đất hơn 100 tấn mồi mong tiến lên được cung trăng, mà muốn phóng số lượng ấy, dù làm nhiều lần rồi cho ráp nhau lại, cần phải có hỏa tiễn lớn. Như tưởng các chuyên gia Nga đã gặp nhiều trở ngại trong công việc chế tạo các hỏa tiễn khổng lồ. Cách đây hơn một năm người ta đã chú ý thấy nhiều tuyên bố rải rác khắp các bản diễn văn : «... chương trình khảo cứu cung trăng của Liên xô phải hoãn lại... những phi hành Nga có thể lên cung trăng khoảng 1975... » Vậy thì Nga đã rời bỏ ý định lên cung trăng trước nhất tuy chương trình bay quanh cung trăng trước nhất như tưởng vẫn được tiếp tục. Một phi thuyền loại Soyuz đã được trang bị trong mục đích này. Sau thí nghiệm Zond-4 tháng 3-1968 với một quỹ đạo quanh quả đất thật lớn để có thể chuyển qua một quỹ đạo quanh cung trăng, Nga đã cho

phóng luôn hai phi thuyền bay quanh cung trăng Zond-5 và Zond 6 tháng 9 và 11-1968. Zond-5 rơi về lại Ấn độ dương. Còn Zond-6 thì sau một cuộc «nhảy xạ thuật» trong khí quyển để giảm hạ tốc độ, đã về lại đất Liên xô. Độ giảm tốc không quá 7g, nghĩa là nếu có phi hành gia trong phi thuyền, họ sẽ chịu đựng được. Sau Zond-6, người ta chờ đợi Zond-7 đã được định vào hôm 7-12-1968. Trong lúc Apollo-8 cũng được các chuyên gia Mỹ quyết phóng vào hôm 21-12-1968. Cuộc chạy đua rới đây rất gắt gao vì hơn thua chỉ là việc một và tuần lễ. Nếu Zond-7 được phóng lên mang theo phi hành gia thì Nga sẽ thắng được một ván, nhưng phi thuyền chẳng thấy ra đi. Người ta đang đặt câu hỏi : thật Nga có muốn bay quanh cung trăng trước không hay kết quả của Zond-6 đã đủ cho họ ? Hồi ấy, giáo sư Sedev đã có cho biết trước khi cho phi hành gia vào phi thuyền họ cần phải bảo đảm mọi phương diện. Vì vậy cuối năm 1968 chẳng có một

cuộc phóng nào và qua năm 1969 cũng còn là một chiếc Zond tự động được gửi đi để hoàn hảo bộ thống hướng dẫn và kỹ thuật thu hồi. Nhưng trong lúc ấy các Apollo đã lại vượt quá chương trình Nga.

Tháng 12-1958, Borman bay quanh cung trăng ; phi thuyền Apollo thí nghiệm quanh quả đất tháng 3-1969 rồi quanh cung trăng tháng 5 : với Apollo-11, hai phi hành gia đổ bộ lên cung trăng hôm 21-7-1969. Trước những thành tích ấy, liệu Nga có nên phóng một phi thuyền chỉ biết bay quanh cung trăng mà thôi ? Lê tất nhiên là không. Còn muốn đổ bộ lên mặt trăng để rút kịp chương trình Mỹ thì cần phải có hỏa tiễn lớn. Theo giáo sư Keldych thì như tưởng Nga bỏ hẳn chương trình đổ bộ cung trăng. Rất có thể Nga quyết định một chương trình khác : không hấp tấp vội lên làm gì trên ấy, đợi lên một lần với rất nhiều dụng cụ, máy móc, dù phải đợi lâu năm và không phóng thẳng lên mà là qua những trạm đặt

quanh quả đất.

Chương trình tương lai

Thật vậy, những chuyến bay sau này sẽ dựa lên công thức hai chặng: Phóng lên quỹ đạo quanh quả đất trước rồi từ đấy mới tiến lên cung trăng. Phóng kiểu này tương đối rẻ hơn, nhất là vào lúc thám hiểm cung trăng thật sự, người ta cần phải đưa lên trên rất nhiều máy móc, dụng cụ. Nhưng làm sao phóng lên được quanh quả đất một vệ tinh thật lớn ? Giải quyết được vấn đề này tất là tiến được bước lớn ra vũ trụ mà trạm thiên nhiên đầu tiên sẽ là cung trăng.

Bên Nga thì như tưởng họ đã nhắm đích này với những kỹ thuật đang được hoàn hảo từ tám năm nay : những cuộc gặp gỡ quanh quả đất, những cuộc phóng chung nhiều vệ tinh, những cuộc bay lên, về giữa mặt đất và các vệ tinh đang di chuyển. Năm 1970 tất nhiên chương trình sẽ được tiếp tục trong mục tiêu này.

Người ta sẽ chứng kiến những đài thí nghiệm bay quanh quả đất từ 15 đến 20 tấn, phóng riêng biệt nhau và lên đến quỹ đạo mới ráp lại với nhau. Cũng theo giáo sư Keldych, đài thí nghiệm thật sự của Nga có thể ra đời trước 1975. Lâu như vậy là vì mọi kết quả đều bị vấn đề hỏa tiễn chi phối.

Dù sao Nga cũng bắt đầu khảo sát cung trăng với những đài tự động, với máy móc đã thử tháng 7 năm ngoái với chiếc Luna-15. Những Luna khác sau này có thể lớn đến 5 tấn, thật đã lớn so với các Luna từ 5 đến 14 nặng có 1600 kilô. Về mặt kỹ thuật, phi thuyền tự động (3,8 tấn) sẽ bay quanh cung trăng rồi từ đấy một đài khảo sát (2,4 tấn) sẽ rời phi thuyền xuống mặt trăng. Sức nặng hữu ích là vào khoảng một tấn. Để so sánh ta nên nhớ sức nặng hữu ích của các chiếc LEM chỉ có 200 ki lô. Thành thử cuộc chạy đua vẫn còn hào hứng tuy vẫn đầu tháng bại đã có phần rõ ràng. Đàng khác, vấn đề sẽ dùng người hay máy

vào việc khảo sát cung trăng cũng không kém phần lý thú.

Nhiều người cho dùng máy thì lợi rõ ràng vì không phải lo đến tính mạng phi hành gia tuy máy không làm đủ được mọi việc như con người. Một mặt khác, máy không cần phải đưa về lại quả đất tất nhiên lại có một món lợi khác về phía năng lượng. Theo chương trình Mỹ thì phải đợi đến Apollo-17 mới có một chiếc xe được đưa lên. Nếu Nga thật nhắm đích chỉ dùng máy cho lên cung trăng thì họ có thể đưa máy lên trước Mỹ. Hơn nữa, vì kỹ thuật của họ quy tụ vào máy, máy có thể lớn và hoàn hảo hơn. Nhưng cuộc chạy đua có những phần bí mật, phải đợi thực hành mới rõ thắng bại.

Trong lúc chờ đợi kết quả này, người ta để ý thấy cả hai bên Nga Mỹ đang cùng làm một thí nghiệm : Apollo-11 có để lại trên mặt trăng một máy phản chiếu laser để từ mặt đất người ta đo được sự thay đổi của khoảng cách mặt đất cung trăng, từ đấy

người ta có thể suy ra những tính chất của quả đất. Trong năm 1970 một Luna cũng sẽ lập lại thí nghiệm : máy laser vừa mới mua ở Pháp. Kỹ thuật dùng có hơi khác là vì Nga không gửi phi hành gia lên mặt trăng, máy hoàn toàn tự động và có thể điều khiển từ quả đất. Hai quốc gia, hai

kỹ thuật : tuy kết quả sẽ giống hệt nhau nhưng xem xét cuộc cạnh tranh của hai phương pháp cũng có phần bổ ích. Ta cũng còn nên chú ý đến một điều khác là con người phải nhờ đến cung trăng để tìm hiểu quả đất mình !



● Phải là người điên mới cãi nhau với người đàn bà.
Coi ai cãi nhau với nước, với lửa, với gió không ?

(Il est fou de disenter avec un femme. D'sentes tu avec l'eau le feu, le vent ?)

SAADI

(Thi hào Á Rập)

(Il est fou de discuter avec une femme. Discutes-tu avec l'eau, le feu, le vent ?)

(Le coeur est la cage du secret d'amour. Une fois parti, l'oiseau ne revient plus dans sa cage).

SAADI

(Thi hào Á Rập)

Vụ thám sát Bên bờ sông Cháy

(Tiếp và hết)

● PHẠM-VÂN-ION

Chúng tôi và họ Đàm luôn ba hôm liền trao đổi ý kiến về thời cuộc, bàn soạn việc đánh Nhật, thấy đều tâm đầu ý hợp. Xét ra họ Đàm tuy đã cao niên mà còn nhiều tráng khí lắm. Chúng tôi rất phục ông cả về sự lịch duyệt trên nhiều phương diện nhất là tấm lòng của ông đối với đất nước chúng ta mà ông đã hành thực đến yêu như một quê hương thứ hai.

Khi nói chuyện về thực dân Pháp, ông nói :

— Dân da vàng của chúng ta hai thế kỷ vừa qua thật là nhục nhã với bọn Bạch quý. Ở Trung quốc chúng kéo nhau đến làm ăn, trao đổi hàng hóa. Mình đối đãi

rất tử tế vậy mà chúng lại còn mạnh tâm hiệp nhau xâm xé nước này làm nhiều mảnh, cây có súng đồng tàu chiến đánh phá các thành ải, phố phường, giết người như ngoé. Vua tôi nhà Thanh lạc hậu đã phải ký hết hàng ước này đến hàng ước khác. Nếu họ biết nghe những nhà cách mạng Khang, Lương cuối thế kỷ vừa rồi thì đâu bị thảm nhục như vậy. Tôi theo Lưu Đê Đốc sang An-nam cũng chỉ là để có dịp đánh bọn Pháp. Tôi coi cái thù của người Việt không kém sâu đậm đối với cái thù của Hán tộc chúng tôi... Đó là cái lý do anh em mình gặp nhau ở đây hôm nay. Ông ngừng lại một phút, tiêm một liều thuốc phiện. Sau khi, ngớt tiếng sè sè bên ngọn đèn dầu lạc, ông đặt đọc

VỤ THĂM SÁT

tàu xuống khay, chiều một ngụm nước chè rồi khoan khoái nói tiếp :

— Tôi nay ngoài bảy chục tuổi trời rồi, vẫn còn lòng hăng hái như thuở nào, chỉ tiếc trong những ngày vừa qua không có dịp ba được bọn Pháp vì tội Nhật đã đi trước mình, thì nay ta chơi tội Nhật vậy.

Tôi hỏi :

— Ý tiên sinh về tội Nhật thế nào ?

— Thì bọn này cũng dễ quốc cũng hực dân như ai. Các ông không thấy chúng nó đã tiếp tay với Liệt-cường đánh Mãn-châu, cướp Triều-tiên, đuổi các nhà cách-mạng Việt-Nam sao ! Các ông không thấy chúng đỡ cái chiêu bài « Đại Đông Á » cách đây vài năm (1942) để lừa gạt, phỉnh phờ anh em da vàng phen nữa. Xét ra đã là Đế quốc, là tài phiệt chúng chẳng thương xót ai cả. cái nghĩa đồng văn, đồng chủng chỉ là câu đầu lưỡi của chúng mà thôi.

Nói đến đây, nét mặt ông đánh lại rồi ông ngồi phất dậy, tay đập xuống xập :

— Phải đánh ! Đánh chết cha chúng ! Tôi già rồi chẳng đáng tiếc đời, các ông còn trẻ càng phải hy sinh hơn mới cứu được đất nước này !

Vài hôm sau chúng tôi cùng ông Đàm đi nghiên cứu vị trí chiến trường. Vực châu Đôn Vàng là con đường độc đạo, đi vòng vào như khúc rồng khúc rắn, lên cao xuống thấp bất thường vì đường xuyên qua rừng núi. Dưới chân đồi là vực thẳm, sâu tới trăm thước, còn đồi thì vách cao như núi, cây lớn rất nhiều bởi đây là vùng rừng già từ ngàn năm chưa có khai thác.

Dầu lừng ở các thung lũng có xã Sơn hạ. Thượng tân và Bài chúc, lặc đác có trên dưới một trăm nóc nhà, chúng tôi triết để dùng con đường độc đạo, mai phục bốn mặt, đặt đại liên bắn tréo bốn phía, đao công sự chiến

đầu ở các nơi hiểm, cho tiện đường tiến thoái.

Tuần lễ sau, chúng tôi rải truyền đơn khắp châu Đồn Vàng và cả ngoài tỉnh lỵ P.T nữa, lại đánh tiếng cho bọn do thám của Nhật biết đang có hoạt động của chúng tôi ở châu Đồn Vàng. Chính viên Tri châu ở đây cũng làm báo cáo về tỉnh, dĩ nhiên các báo cáo này được bay sang Đại bản doanh của Nhật.

Một buổi sáng sớm anh em chúng tôi được tin một đoàn xe nhà binh Nhật đã vượt sông Thao đổ bộ tại Hưng Hóa và tiến vào Đồn Vàng.

Chúng tôi đã chuẩn bị đón chúng từ mấy bữa trước.

Súng đạn và người đã trực sẵn ở các vị trí.

Đoàn xe của địch có khoảng 10 chiếc, mỗi chiếc có chừng 20 tên binh sĩ và cấp chỉ huy đầy đủ vũ khí và lương thực. Đoàn xe cứ từ từ bò lên giong rồi tới. Cây số 10 là khoảng giữa vào

Đồn Vàng. Chúng đã được báo đúng chỗ chúng tôi đang hoạt động để ngừng lại, lúc này chúng tôi cũng mong sớm gặp chúng để ra tay cho thỏa chí bởi chúng tôi đã được chọn trước vị trí.

Chúng tôi đúng mục tiêu của chúng tôi, bọn chúng tôi liền khai hỏa. Chúng chưa kịp sửa soạn xuống xe đã bị ngay cơn bão lửa. Chúng liền vội nhảy xuống, nằm rạp bìa bên đường. Vài chiếc xe bị lửa xuống vực vì tài xế hoảng hốt lạc tay bánh. Chúng tôi nhờ đứng được ở trên cao nên bằng đại liên quét xuống rất ngon lành. Tiếng súng vang khắp vùng gây nên cảnh thần sầu quý khóc. Chúng chạy tán loạn tuy có chống trả nhưng rất ít hiệu lực, phần bị chết, phần bị thương la hét ầm 1. Các cành cây bị đạn kêu rảng rác, đổ xuống như mưa rào. Chúng tôi đã cắt đoàn quân của địch ra làm hai, theo phương pháp chốt đầu khóa đuôi nên chúng chỉ chạy thoát được vài chục tên, thế là ngót hại đại đội tan tành gần hết. Năm phút sau, như được tin

báo, năm chiếc phi cơ chiến đấu xuất phát từ tỉnh lỵ P.T. nhào đến, nghĩa quân chúng tôi đã rút qua Xuân Đài cách đó 15 cây số do một con đường bí mật xuyên qua rừng. Chỉ có những người buôn thuốc phiện lậu mới biết con đường này, bọn lính doan (quan thuế) có lần mò tới đây đã chết cả lũ do những ngọn súng Pooch-hoc là một thứ tiểu liên, dân buôn lậu xử dụng rất thành thạo súng này đã mua được bên kia biên giới Tàu (tại Vân Nam phủ).

★

Trước cuộc xung đột với đám quân đội Thiên hoàng một tuần lễ, tôi đã qua tỉnh T.Q gặp Lục Tôn là Đại đội trưởng của Mặt trận ở địa phương này. Tư Phủ Doan Hùng tôi ngồi thuyền đi sang bên kia bờ sông chảy.

Trong khi sát cánh với một số dân quê cùng thuyền, vô tình tôi được nghe mấy người đàn bà đi chợ thithầm với nhau về chị Tư Bê.

Một người nói :

— Chị Tư-Bê bị mất tích từ

tuần lễ trước.

Có kẻ hỏi :

— Tại sao mất tích ?

Người khác trả lời :

— Có lẽ chị ta bị đắm đò bởi độ này có một hai cái đò vì nước to lại chớ nặng nên đã bị up, chị ta có thể bị nước cuốn đi chăng ?

Một người nữa có vẻ thao vấn đề hơn đã gạt phất những ý kiến đã nêu ra :

— Chị ta bị giết rồi... này nhé, từ ngày bọn áo nâu (VM) đến đóng ở khu rừng già gần đồn điền Nguyễn-Vượng có tới bốn năm người vô tình đi qua đây bị họ bắt rồi bị bắn hay bị đâm chết. Tôi có con cháu lấy chồng ở gần đây hôm nọ về ăn giỗ bên nhà kể chuyện rằng chị Tư-Bê hôm đó có sang mua sắm như thường lệ rồi có người trông thấy chị bị bọn áo nâu bắt đi. Chị than van lay khóc thế nào cũng không được. Hình như chị ta bị đâm chết rồi bị chôn

ở gốc cây đa bên cạnh suối về phía Bắc đồn điền ông Vương.

Có người chép miệng than :

— Tội nghiệp chị ấy đang có chửa lại một nách 6 con, chồng lại bị mù... thế này thì đàn con đại chết đói à?... sao lại có bọn người tàn ác đến thế nhỉ.

Một lời phẫn uất được đưa ra giữa mấy người đang râm rì.

— Người ta có tội gì cho cam !

— Thì ai bảo đi vào mật khu của chúng nó ?

— Ai biết ! Biết thì ai có vào.

— Bọn này ở đâu đến ? Kẻ nào cầm đầu ?

— Nghe nói chúng nó ở Cao-Băng kéo đến đây. Thăng cầm đầu là một thằng Thổ Mù tên là Lục Tôn.

Tôi nghe đến đây giật mình và càng lưu ý đến câu chuyện của

những người đàn bà ấy...

Được người liên lạc dẫn đường tôi đi hơn hai cây số đường rừng ngoắt ngoéo rồi đến một căn nhà dài ngoài ba chục thước lợp lá, vách đất nằm dưới những lùm cây xanh ngắt đen tối. Tôi được đưa vào gặp Lục Tôn. Y người nhỏ con mặt nhọn, mắt sâu, tiếng nói thê thê. Tuy y nói tiếng Việt nhưng còn ngập ngừng vì chưa thạo lắm. Tôi có cảm tưởng, vừa do câu chuyện đã nghe được ở giữa chuyến dò lại vừa được nhận xét tướng mạo của Lục Tôn y là một kẻ nguy hiểm, gian ác. Nhưng tôi đã vào Mật trập tức là đồng chí của hắt nên nghĩ việc xảy ra chỉ là điều hiều lầm đáng tiếc do lẽ chúng cần bảo vệ bí mật của chiến khu và lo bị gián điệp Nhật theo dõi nên đã có những hành động quá xốc nổi đến tận hắt.

Sau cuộc hội kiến với Lục Tôn tôi đã ra lệnh cho ba chục anh em chiến sĩ Đồn Vàng chuyển vận vũ khí, đạn dược qua chiến khu của

Lục Tôn đề tạm tránh cuộc bố ráp của Nhật. Việc dời thường có nhiều chuyện bất ngờ và nhiều cuộc bất ngờ đã làm cho chúng ta phải sa nước mắt.

Tháng 10-1945.

Tôi đang ngồi xem xét các giấy tờ ở Ủy ban chánh trị tỉnh bộ sau ngày Cách mạng lên cầm quyền thì vào một buổi sáng người tùy phái vào báo cho tôi hay có một người tên là Phún Tài muốn gặp. Tôi mừng quá vì mấy tháng nay quá bận về các việc của Chánh phủ Cách mạng tôi đã quên khu ấy đi mất vụ anh em chiến sĩ Đồn Vàng từ ngày rời sang chợ Khổng (Tuyên-Quang). Tôi liền yêu cầu cho Phún Tài vào.

Rồi trước mặt tôi đã hiện ra một gã đàn ông cao lớn đầu tóc bù xù, râu ria xồm xoàm, mặt đen đui, mặc chiếc áo trắng kiểu tàu lem nhem và chiếc quần đen, chân mang đôi dép hải sào.

Phún Tài mừng thấy tôi, tôi cũng rất cảm động được gặp

mặt Phún Tài. Tôi nhớ y là tay xạ-thủ đại liên ngày đánh Nhật ở Đồn Vàng đã quạt bay chiếc xe chỉ huy của Nhật xuống vực thẳm trước nhất.

Phún Tài chạy lại ôm lấy tôi; tôi cũng nắm lấy hai tay của y và tôi xừng sốt thấy y chảy nước mắt. Tôi kêu lên :

— Phún Tài ở đâu ra, sao bây giờ mới tôi đây ?

— Ông giáo ơi, anh em chết hết cả rồi.

Y vừa nói, nước mắt vừa đổ xuống như mưa. Tôi hoảng hốt hỏi :

— Làm sao mà chết ?

Phún Tài đáp :

— Thằng Lục Tôn giết hết cả anh em rồi !

Tôi kéo y xuống ghế và đến ngồi ở ghế trước mặt y cho gần.

Đây câu chuyện đau khổ do Phún Tài kể :

— Nghe ông giáo bọn chúng tôi ba chục người sau khi đánh tan bọn Nhật ở Đồn Vàng liền đi chuyển hết sang chợ Khổng để tá túc ít lâu. Không ngờ bọn Lục Tôn đã phản bội, chúng nó thấy anh em Đồn Vàng có nhiều súng ống tối tân, chúng sinh tâm nhất là bọn chúng tôi có mang theo hai tạ thuốc phiện đáng kể là một món tiền lớn.

Qua đó được ba ngày, nghỉ ngơi để chịu, Lục Tôn liền cho giết một con heo gọi là đề khao quân. Tiệc mở vào một đêm tối, Anh em thực lòng chè chén no say, không ngờ chúng bỏ thuốc mê vào rượu. Anh em ngã hết, chúng trói tất cả lại rồi khuâng ra thả xuống sông Chảy...

Tôi vội hỏi :

— Cụ Đàm ra sao? Chú làm sao thoát tay chúng?

— Cũng còn may ông giáo à, cụ Đàm không đi với chúng với chúng tôi, cụ ở lại Xuân Đài với

một người bà con nên không việc gì hết. Còn tôi tôi vốn cử rượt nhưng mỗi khi dự định đâm vào giả vờ như có uống nên khi chúng hạ độc thủ tôi nhờ bóng tối, lách qua cái phên sau nhà chạy ra được bờ sông rồi lặn qua sông mà về bên Đồn-Hùng kịp khi chánh phủ cách mạng ra mắt quân chúng tôi vẫn không dám ra mặt, nay ở ẩn chỗ này một tuần, mai ở chỗ kia nửa tháng, bây giờ nghe nói ông giáo cầm quyền lớn ở tỉnh mới dám tìm đến.

Tôi nghe Phún Tài nói, lòng tôi tê tái, đau như muốn đứt từng khúc ruột. Thì ra bọn Cộng đã mê những khẩu đại liên, tiểu liên, Pơc-hooc (bởi lúc đó chiến khu Cao-Bắc-Lạng chỉ có ít khẩu súng mát mà thôi) nhất là số thuốc phiện là thứ vàng đen hôm qua cũng như hôm nay mà đã muối mặt với anh em Dân chủ đảng để có những hành động lừa thầy phản bạn, tàn ác bất lương như vậy. Sau này bao nhiêu vụ hạ sát các chiến sĩ quốc gia khác đã không làm cho tôi ngạc nhiên vì

tôi và các chiến sĩ dưới quyền đã là những nạn nhân trước tiên của những đệ tử Mác-Xít.

Cầm tay Phún Tài, nước mắt tôi rỏ xuống, tôi nói :

— Lỗi ở tôi hết Phún Tài à, tôi có ngờ đâu đã đem anh em đến chỗ chết. Tôi có bao giờ nghĩ bọn Lục Tôn lại đều giả, chó má như vậy. Giờ thì Phún Tài hãy về, ta sẽ gặp nhau ở bên ông Đàm, điều chắc chắn là tôi sẽ rời nơi này chẳng lâu đâu.

Phún Tài đứng dậy, bộ điệu

càng thiếu não thêm, cúi đầu chào tôi rồi bước ra. Nhìn theo hẳn, lòng tôi thất lại.

PHẠM VĂN SON



Chú thích (1) Bài này có rất nhiều sự thật do bạn N.V.Đ thuật. Bạn thuở 1940-1947 đã đứng trong hàng ngũ V.M. và là cựu giáo sư ở miền Trung du Bắc-Việt.



● *Lúc khó khăn nhất của tình yêu, là lúc mà người ta nằm ngoài ra sau khi đã chán chường.*

(Le moment le plus difficile en amour est celui où l'on retombe, rassasié.)

SAADI
(Thi hào A rap)

Làng Hòa Bình dành cho trẻ em Việt-Nam Nạn nhân chiến tranh tại Oberhausen, Tây-Đức

★ ĐÀO-THỊ NGỌC-DIỆP
(Munich)

CHÚNG tôi đã tạo thành điều đó ! Một thành phố đã tạo nên được điều đó. Làng Hòa bình cho trẻ em nạn nhân chiến tranh của chúng tôi là Làng Hòa bình đầu tiên tại Âu châu. Ở làng Hòa bình Oberhausen hiện có những trẻ đang sống, những em bị tàn tật, đói khổ hay có thể bị chết chóc ở quê hương mình. Chúng tôi chỉ rõ cho thế giới thấy thế

nào là giá trị của một em bé...» Đó là những lời trong tờ giới thiệu Làng Hòa bình.

Chúng tôi đến làng vào xế trưa sau khi lạc đường ngoài xa lộ mặc dầu đã được chỉ dẫn trước. Làng nằm ở ngoại ô thành phố Oberhausen thuộc khu kỹ nghệ nặng của Đức từ ngay xa lộ rẽ vào. Tôi cứ tưởng tượng sẽ thấy

LÀNG HÒA BÌNH

trước mặt mình những nóc nhà lỏ nhỏ của «làng», nhưng thực ra đó chỉ là một khu gồm ba căn nhà gần nhau làm trên một khoảng đất rộng trên cao, phía sau là đồng ruộng. Bên cạnh đó thấy một căn nhà lớn hơn đang xây cất. Lúc đó khoảng 2 giờ trưa, làng có vẻ im lặng. Vào đến văn phòng mới biết hôm đó không phải ngày tiếp khách vì ngày tiếp

khách là thứ tư và thứ bảy buổi chiều. Tuy nhiên ở xa đến và là người Việt nam, câu chuyện cũng dễ dàng hơn khi gặp mấy nhân viên Việt nam làm tại đó.

Làng Hòa bình được lập năm 1967 do sáng kiến của Mục sư Berghaus với sự trợ giúp của nhiều cơ quan từ thiện, tôn giáo và tư nhân, nhất là của 4000



Các em sum họp trong bữa ăn (Ảnh của Làng Hòa Bình)

dân chúng thành phố Oberhausen. Những trẻ em nạn nhân chiến tranh, tật nguyền được chính phủ Việt Nam và tổ chức «Làng Hòa Bình» lựa chọn để đưa sang Đức chữa bệnh. Sau khi chúng tôi đến thăm làng ít lâu được biết có thêm 64 em sang Đức chữa bệnh nữa và trong tương lai sẽ tăng dần. Hiện nay 3 làng Hòa bình khác đang được xây cất để tiếp đón các em.

Rời Việt nam sang Đức, trước hết các em được phân phát đi khắp các nhà thương ở Đức để chữa bệnh: hoặc là lắp chân tay giả, hoặc giải phẫu những trường hợp khó khăn... Sau khi rời nhà thương các em về Làng Hòa bình để dưỡng bệnh hoặc học tiếp theo ý muốn của các em và gia đình.

Tại Oberhausen có chừng trên 30 em tuổi từ 6 cho tới 21, cả trai và gái. Trừ các em còn nhỏ quá, các em khác đều đi học. Ban ngày các em đi học trường Đức tại địa phương, xen vào đó có những buổi học bổ túc giảng dạy thêm

những bài nào khó hiểu do một người Việt nam, anh Thiệt chỉ dẫn. Các em lớn hơn từ khoảng 15 tuổi trở lên, trai cũng như gái, hàng ngày đi học nghề. Các em gái học nghề may, học sửa sắc đẹp. Một em học sửa sắc đẹp kể là sau khi thi xong sẽ ở lại 2 năm nữa để trau dồi kinh nghiệm nghề nghiệp và học hỏi thêm. Chính nghề sửa sắc đẹp là nghề em đã ao ước từ nhỏ. Các em trai thì theo lớp sửa radio, sửa vô tuyến truyền hình, có em thích nghề nhiếp ảnh và các nghề khác nữa. Học phí có thể là do cha mẹ nuôi của các em đài thọ, ngoài ra khi tập nghề trong nhiều trường hợp các em cũng được trả thêm tiền túi tiêu vặt.

Các em sống trong ba căn nhà có nhiều phòng, các em bé ở khu riêng, còn các em lớn ở chung nhau 3.4 người một phòng và vì lớn rồi nên phòng rất thú tự gọn ghẽ. Dĩ nhiên phía con trai có phần bừa bộn hơn và trong số các em trai này cũng có ít bộ tóc dài rất «thời đại»! Hàng ngày có

người đến lau dọn phòng các em, họ cũng là người Đức như mấy người khác phụ trách bếp núc và các nhân viên văn phòng. Đứng lo việc quản trị Làng Hòa bình là một người Đức do hội có tên là «Tổ chức làng Hòa bình Oberhausen» cử ra. Mục sư Berghaus, người sáng lập, không ở ngay trong Làng mà chỉ đến những ngày giờ nhất định. Vì Oberhausen là một tỉnh không lớn lắm, nhiều khi các em học trường ở tỉnh khác cách xa tới 30 cs và vì các em lại học những giờ khác nhau không tiện sử dụng phương tiện chuyên chở công cộng nên Làng có riêng một xe buýt nhỏ để đưa đón các em cũng như chạy các công việc cần thiết khác.

Về phía Việt nam, các em được sự trông nom săn sóc của Bà Xuân và bà Phúc, hai nữ hộ sinh kinh nghiệm, có khả năng được Bộ Y Tế lựa sang Đức đảm nhận việc này. Lần đầu tiên đến Làng, chúng tôi chạy sang «trại Má Xuân» khoảng 5 giờ trưa thấy các em đang ăn chè đậu xanh và

cười nói vui vẻ, các em gọi 2 Bà là Mẹ xưng Con. Các bà kể nhiều khi các em ăn món Đức ngán quá nhớ cơm nhà thì các Bà lại tìm cách nấu cho các em ăn những món của quê hương. Ngoài Bà Xuân và bà Phúc trước kia còn có Sư cô Đàm Lưu cũng ở đây một thời gian chăm lo các em nhưng nay đã về lại Saigon. Người dạy thêm các em tiếng Đức, tiếng Việt và giảng giải các bài vở nào ở trường các em không hiểu là anh Thiệt, một người ở Đức đã lâu năm, và đã từng lo cho các em từ trước khi Làng Hòa bình được thành lập.

Người tương đối mới là ông Nguyễn hữu Lăng, được gọi là Hauptzieher tức người chính để lo việc giáo dục cho các em. Ông được đưa từ Việt Nam sang để dạy các em tiếng Việt. Tuy nhiên theo như chúng tôi thấy, có khi các em lại được học cả tiếng Pháp trong một khung cảnh chưa cần thiết cũng như có khi ông đem Kiều ra giảng cho những em bé vào lớp tuổi chưa thể hiểu thấu và chưa thể nhận ra những cái



Các em nhỏ nạn nhân chiến tranh VN tại Tây Đức
(Ảnh của Nguyễn-Giao, Hamburg)

LÀNG HÒA BÌNH

hay cái đẹp dưới ngọn bút Nguyễn Du. Không hiểu sao người Đức gọi Ông là Professor, tức là Giáo sư, một tước hiệu ở Đức chỉ dành cho những người dạy tại Đại học, thường là những học giả tên tuổi đại diện xứng đáng trong ngành của mình. Ông Lãnh ngày trước là Tổng giám Thị lại trường Trung học Chu văn An. tục gọi «Tông Làng» trong giới học sinh Chu văn An thời đó, nay đang về hưu, chẳng hiểu vì sự thiếu hiểu biết hay cố ý mà nghe được gọi là Professor (Giáo sư đại học) ông không hề cãi chính. Mà dù Ông có là Giáo sư trung học thực thụ Việt nam đi nữa thì danh hiệu Giáo sư cũng không thể áp dụng được trong khung cảnh này vì lẽ vừa kể trên. Ngoài ra tôi rất lấy làm «lo sợ» nếu có một tổ chức Đức nào nghe tiếng Ông Professor Việt Nam, một học giả Việt nam, đến mời ông diễn thuyết về văn hóa nước mình thì tình thế sẽ ra sao? Thiết tưởng cơ quan đã cử ông đi cũng nên lưu ý tới vấn đề này và sau

khi hội ý với những người có khả năng kinh nghiệm từng lo việc giáo dục cho các trẻ em Việt nam tại Đức. từng tiếp xúc nhiều với các em cần phác họa một chương trình giáo dục thích hợp cho các em không những chỉ ở làng Hòa bình Oberhausen mà còn ở cả những Làng Hòa bình có thể sẽ thành lập nữa. Bà Xuân đã nêu ra những ý kiến rất đáng chú ý là làm sao để các em ở đây sau khi về sẽ thích hợp lại được với xã hội Việt nam là nơi các em đã sống, nơi bà con họ hàng nghèo nàn của các em còn sinh sống. làm sao để các em dù quen những nếp vệ sinh ở đây, khi về thấy mẹ mình, chị mình mặc quần đên không chê là bẩn thỉu, và dù queo nằm giường đệm, về nằm phản gỗ sẽ không coi đó là một cực hình. Chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm một lần nữa đến vấn đề cần thiết phác họa một chương trình giáo dục đặc biệt cho các em ở Đức bởi vì chỉ người Việt nam và chính người Việt nam mới có thể lo việc đó một cách thích hợp. Bằng không sự hiện

diện của một Haupe zieher (người chính lo việc giáo dục) trong 1 làng Hòa bình cũng không có lợi, đúng như ý muốn của người tổ chức. Về vật chất có thể nói các em Việt nam tại Oberhausen không thiếu thốn gì, chẳng hạn đồ chơi của các em nhỏ thấy đầy rẫy trong tủ. Tuy nhiên về tinh thần còn cần săn sóc hơn để các em đỡ nhớ nhà và sau khi hết nhớ nhà rồi thì để *đừng quên nhà!*

Sinh viên Việt nam nếu có dịp vẫn thường lại thăm các em. Họ cũng tiếp xúc với các em từ ngay khi các em mới tới còn nằm tại các bệnh viện rải rác trên khắp nước Đức. Đã có những buổi văn nghệ do các em cùng các sinh viên tổ chức và các em vẫn liên lạc thư từ với sinh viên. Các em lớn thường viết thư về cho gia đình bên Việt nam, các em nhỏ quá chưa biết viết thì được văn phòng Làng báo cho gia đình biết tin tức và sức khỏe cùng việc học hành. Ngoài ra các em có một cơ quan để nói lên tiếng nói của chính

mình, để liên lạc với cá- ban đồng cảnh tại nhiều nước khác ở Âu châu cũng như các ban trong nước: đó là tờ báo HẢI NGOẠI do một ban biên tập của chính các em lập thành với sự cộng tác hướng dẫn của anh Thiệt mà các em gọi bằng Chú. Qua tờ báo in ronéo này ta hiểu được những nỗi buồn vui, những tâm sự thường ngày của các em nơi xứ người và cả một thứ tình bằng hữu sâu đậm nảy nở giữa các em (1). Về tinh thần như thế các em cũng cảm thấy thoải mái, thêm vào đó như đã kể, các sinh viên có dịp là đến thăm các em, ngoài ra các kiểu bào khác như các linh mục và nhân viên sứ quán cũng có tới. Ai đến thăm các em cũng vui mừng và sung sướng cả. Tôi hỏi một em gái 12 tuổi em có nhớ nhà không, em bảo là có chứ. Em còn cha mẹ, anh em ở Việt nam, nhưng muốn ở lại Đức học nhà em ở Quảng Ngãi, tận đồng quê xa lắm. Em qua Đức được gần 3 năm, lúc đầu chữa bệnh ở nhà thương Francfort, sau khi lành bệnh em về làng Hòa bình.

Khi mới sang em nhớ nhà nhiều nhưng bây giờ đã quen thầy quen bạn và quen cuộc sống ở Đức hơn. Một vài em bé 5, 6 tuổi khác mới qua không lâu mà nói tiếng Đức rất thông thạo.

Rời khỏi Làng Hòa bình Oberhausen tôi mừng nhiều cho các em, nhưng đồng thời nhớ lại lời của một bình luận gia dài vô tuyến truyền hình Đức khi nói tới những cố gắng hàn gắn vết thương chiến tranh cho đó chỉ là một giọt nước tan vào biển cả. Trên 30 em nhỏ tật nguyền và nạn nhân của chiến tranh Việt nam sống trong làng Hòa bình quả thực chỉ là con số vô cùng ít ỏi so với những em cùng lứa tuổi đang chịu đau đớn và thiếu thốn trong

Và riêng ở cái xứ phần thịnh này, từ một hai năm trước đây người ta có nhắc tới tổ chức

Terre des Hommes và tổ chức Làng Hòa bình qua báo chí, vô tuyến truyền hình, nhưng tôi đã thử hỏi nhiều người Đức về những tổ chức này thì có người cũng không biết những tổ chức đó là gì cả! Cuộc sống ào ạt theo chiều hướng kỹ thuật và máy móc không lưu giữ lại trong ký ức thiên hạ gì ngoài bình ảnh tổng quát về chiến tranh Việt nam xa xôi với bom đạn chết chóc kéo dài.

«Con vật chiến tranh» — như một em viết trong tờ HẢI NGOẠI — vẫn còn lộng hành ở đất nước chúng ta!

ĐÀO THI NGỌC-DIỆP

1) Kèm đây chúng tôi xin trích một số văn thư của các em in trong Hải Ngoại.

Bài của các em ở làng Hòa - Bình viết gửi về Phê-Thông tạp chí Việt-Nam

thoáng buồn

của L.T.T.

THẮM thoát một thời gian kéo dài đã hai năm rồi mà tôi có cảm tưởng như đã lâu lắm rồi.

Tôi xa gia đình của tôi, xa luôn cả bạn bè thân yêu của tôi để đi tới một phương trời xa lạ, để tìm lại hy vọng cho đời tôi sau này. Tôi còn nhớ lúc tôi ra đi chữa bệnh trên tay tôi cầm hai cây nạng và bây giờ tôi chữa xong xuôi hết rồi vẫn còn hai cây nạng trên tay, mà lại còn hơn nữa lại thêm một gánh nặng

trong mình tôi, đó là đôi giày sắt.

Nhiều khi tôi nghĩ đến đôi giày sắt mà tôi ghét nó thậm tệ. Có đôi lúc ngủ dậy trễ hoặc cần việc gì gấp mà nhìn lại đôi giày tôi phát chán luôn. Vì mỗi lần mang vào thì ít nhất tôi ngồi xỏ những giây giày cũng 15 phút rồi. Thật ra tôi nghĩ đời của tôi biết bao nhiêu cay đắng đối với tôi.

Nhưng bắt buộc tôi phải cần đến đôi giày sắt, vì cũng nhờ nó mà tôi mới đi được, phải không các bạn ?

Nhiều khi tự tôi an ủi lấy tôi chẳng nên buồn làm gì cả, chỉ do định mệnh mà thôi. Mặc dầu tôi bị mẹ: cảm vì bệnh tình của

BÀI CỦA CÁC EM

mình nhưng đôi khi nghĩ đến những bạn khác xấu số hơn tôi, tôi vẫn thấy mình còn rất nhiều may mắn. Điều ấy đã đưa tôi bớt buồn và thấy thương những người khác như chính mình.

Thăm bạn

VÀO một buổi chiều cuối tuần, tôi ra quan mở để thăm người bạn đồng hương của tôi. Một người bạn đang yên giấc nghìn thu trong lòng đất lạ. Mộ của bạn đã trở thành như mộ đám cỏ hoang nằm trong nghĩa địa. Ôi! Thăm thương cho chiếc mộ vô danh với những đám cỏ vàng nằm yên lặng trên đất lạ. Không một ai hương đèn và cũng chỉ ai chăm sóc. Nhưng mộ của bạn tôi vẫn vững bền giữa gió mưa lạnh lẽo.

PHÁO ĐĂNG

Tạm biệt

Biệt cha mẹ gục đầu con cúi
lạy

Vuốt hạt lạnh, run rẩy bước
ra đi

Gửi hoa tươi cho ngọn cỏ
xanh rì

Gạt nước mắt ra đi, mờ
bóng nguyệt.

PHÁO ĐĂNG

Một chuyến đi

hồi bút của H.H.S.

ĐÊM nay mưa thật to như muốn nhắc tôi là ngày phải rời khỏi đất mẹ yêu, dẫu và mái nhà mến yêu. Đêm nay, chỉ còn đêm nay nữa thôi là tôi sẽ đi sang Tây

Đức đề chữa vết thương mà chiến tranh đã gây nên. Nằm trên giường tôi sao không ngủ được cứ trằn trọc mãi vì chỉ còn có đêm nay nữa là tôi sẽ xa tất cả mọi người, cho nên tôi cứ nghĩ bâng quơ mãi, không làm sao nhắm mắt ngủ được.

Sáng nay tôi dậy thật sớm, nói má tôi mua cho tôi cơm và tép để tôi ăn bữa cơm cuối cùng với gia đình, đầy hương vị của quê hương trước khi tôi lên đường sang xứ lạ. Ăn xong tôi coi lại đồ đạc, mặc quần áo chỉnh tề và rời khỏi ra xe. Má tôi đưa tôi lên tận phi trường. Giao túi sách cho người quen, tôi ngồi cạnh má tôi nói lung tung chuyện này chuyện nọ để cho vui đi niềm sầu cách biệt. Một lát sau họ bỗng tôi lên máy bay. Má tôi không quên nhìn theo, dặn tôi thật nhiều với giọng nói ấm ức, với đôi hàng lệ chảy dài trên gò má gầy mòn của mẹ tôi..

Ngồi trên máy bay, tôi lấy dây buộc lại theo lời chỉ dẫn của một

nhân viên đường hàng không. Bên cạnh tôi là Vận và Loan, cả hai đều là nạn nhân của chiến tranh. Vận bị cháy cả mình, Loan bị cụt mất một tay. Tôi ngồi im không nói một lời. Vận hỏi tôi đủ chuyện, tôi trả lời rất ít vì buồn quá! Hơn nữa trong lúc đó Loan khóc lủ.. Máy bay cất cánh, tôi có cảm tưởng như đang ở giữa lưng mây. Tôi sợ quá không dám nhìn xuống. Bay được ít lâu rồi máy bay đáp xuống «Cam Bốt». Ở đây được 15 phút lại tiếp tục bay. Đến Bangkok thì trời đã trưa. Chiêu đãi viên cho tôi một ổ bánh mì ít thịt nguội và một ly nước. Ăn uống xong tôi cũng như các trẻ em khác được đưa sang một chiếc máy bay khác để tiếp tục cuộc hành trình.

Chiếc máy bay này toàn người Mỹ. Tôi ngồi một mình 3 cái ghế vì dư chỗ ngồi. Một lát sau máy bay cất cánh, bay cao khỏi mây tôi thấy chóng mặt, nôn ói nhưng tôi cầm lại được. Đến xế chiều cô chiêu đãi viên người Mỹ phát

cho mỗi người một phần ăn. Phần ăn của tôi gồm có cơm, đậu «bơ tí bơ», một ổ bánh mì có chét bơ sắn, một trái cam và một ly nước. Ăn xong, trời bắt đầu tối, cô Năm đi theo chúng tôi kêu chúng tôi ngủ. Nằm xuống tôi có ngủ được đâu. Máy bay lại đáp xuống một phi trường khác. Tôi dắt máy bay dần như điên, mình tôi cứ tung lên tung xuống như trái banh. Tôi phò mặc cho chiếc máy bay hành hạ tôi rồi tôi thim thíp ngủ đi hồi nào cũng không hay. Mãi đến lúc tôi bừng thức dậy thì trời cũng vừa sáng. Viên phi công âm tôi lên đầu phi cơ ngồi, chàng cho tôi nghe điện thoại, nhưng rất tiếc tôi không hiểu ngoại ngữ. Xong tôi chàng lại âm tôi về chỗ cũ. Một lát sau cô chiêu đãi viên đến, cho tôi một nắm kẹo. Ăn một viên đã thấy ngán rồi, số còn lại tôi bỏ túi để dành khi nào buồn lấy ra nhai...

Máy bay đáp xuống rất nhiều phi trường, nhưng tôi không biết là đâu cả. Đúng 10 giờ 30 ngày

hôm sau thì chúng tôi đến Thụy Sĩ, Khí trời ở đây có khác, lạnh hơn ở Việt nam nhiều. Chúng tôi được đưa sang một phi cơ khác. Có lẽ phi cơ này của quân đội Đức vì mình tàu bay có sơn cờ đen vàng đỏ và những người âm chúng tôi lên máy bay là binh lính.. Máy bay lại cất cánh và đúng 11 giờ 30 chúng tôi đáp xuống phi trường Stuttgart, trạm kiểm cuối cùng của cuộc hành trình. Xe Hồng thập Tự đậu sẵn, phóng viên báo chí quay quần chụp hình, một số sinh viên VN và nhân viên của hội Terre des Hommes mang quà tới tặng cho chúng tôi tới tấp, trông đông và vui ghê.

Xe H.T.T. chở chúng tôi đến bệnh viện. Cô y tá mắt xanh, tóc vàng âm tôi lên lầu ba, nằm chung với Vận và Thu. Chuyển đi đã xong. Việt Nam bây giờ xa quá!

HỒNG HOÀNG SƠN



Cảm đề

(sau khi mở mắt về nhà)

Hết năm Khỉ phá tới Gà-bươi.
Cuộc thế kỷ khởi, nghĩ tức cười :
Cắm bánh trung thu cho bỏ ghét,
Về tuồng liếm ước đề mà chơi.
Mấy thằng tay trắng lo ôm bạc,
Một lũ dân đen khổ thấu trời,
Thần lý buồn tình vô bệnh viện,
Coi đời chỉ có một con người !

TUẦN-LÝ
(26-1-1970)

Canh-tuất

Kỷ Dậu qua rồi, Canh Tuất đây !
Mang chăng hạnh phúc đến nơi này ?
Xuân trong khung hoàng tinh xuân lạnh.
Tết giữa cơ hàn cảnh tết cay.
Ngoài chợ bóng hoa không bạc trả,
Ở nhà thịt cá có tiền vay.
Đố ai hiểu nỗi lòng thi sĩ
Nửa miệng cười đời, dở tình say...

29 th. chạp Kỷ Dậu

TUẦN-LÝ (1)

(1) LỜI TÒA SOẠN : - Tuần-Lý là bút hiệu của ông Chánh Biện lý Tòa Án Saigon nổi danh là một Quan Tòa rất nghiêm chỉnh và một Thi sĩ rất mơ mộng.

THƯ ĐỨC QUỐC

TÂY ĐỨC

trong lễ Giáng Sinh

□ NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG

(Munich, Tây-Đức)

(tiếp theo và hết)

Sau đây là những trường hợp cùng khổ của một số những người này :

Một cụ bà 60 tuổi các con trai cũng như chồng đã gục ngã trên chiến trường trong những năm cuối thế chiến thứ hai. Cụ không còn cả họ hàng thân thích, hay nếu có thì ai lo việc này, nên đã từ bao năm nay không ai viếng thăm cụ cả. Từ 15 năm nay cụ bị bệnh tim và tâm thần bất an và cũng từ mười lăm năm nay cụ

sống với số tiền hưu bổng nhỏ nhoi dưới mức tối thiểu của một người cần có. Với số hưu bổng này cụ chỉ mua được bánh mì rau cỏ không còn tươi và thịt cũ, tất cả đều rẻ giá đê độ nhất. Một miếng bí-tết đối với cụ là món xa xỉ không bao giờ dám nghĩ tới. Còn mùa đông tuyết lạnh cần sưởi nhiều, nhưng cụ không đủ tiền mua than thường xuyên phải đi nhặt những thùng gỗ vứt đi hay thùng «các tông» tại các cửa

hiệu mang về sưởi một vài giờ trong ngày để chống lại cái lạnh nhiều khi — 25 độ của những đêm đông giá buốt đã không thương xót tuổi già và sức khỏe mong manh của cụ. Một cái gối để ngồi dựa lưng, một chiếc áo ấm để mặc, một chiếc chăn len dày để đắp, đó là những ước vọng khó thành sự thực của cụ. Cụ đã cố hết sức tận tụy để dành «*an Noel*» với dự định mua một con gà và một chai rượu trong 4 ngày dịp lễ cuối năm; một chiếc bánh bông lan là điều đã tính tới nhưng «*ngân khoản*» không cho phép!

Đồng số kiếp hẳn cùng với cụ là gia đình một người thợ mài dao. Nghề nghiệp đã khiến cho gia đình này với chiếc xe để đi chèo đồng thời để ở lang thang khắp nơi. Vì ít học và tuy có được giảng giải về cách thụ thai theo ý muốn nhưng không hiểu rõ nên đã nghèo sản mà lại sinh năm đẻ bảy: gia đình này có cả bảy con. Có lẽ với bên mình số đó không nhiều, nhưng với

hoàn cảnh Âu châu thì đó là một số «*kinh khủng*». Do đó đã nghèo lại nghèo thêm, nhất là khi nghề mài dao là một nghề không còn tương lai vì trước hết ngày nay nếu cần mài dao đã có máy làm vừa nhanh vừa rẻ hơn, sau nữa trong 1 cuộc sống dư thừa thì người ta cũng chẳng cần đưa mài dao làm gì, dao mòn vất đi mua một con mới là giản dị nhất! Với 7 miệng ăn và một nghề «*vô dụng*» dĩ nhiên gia đình này sống lay lắt. Cái xe dùng để ở ngày một cũ kỹ với thời gian, nhất là mỗi năm mùa đông lại tàn phá thêm. Tuyết xương thấm vào vách xe làm ẩm mục hết giấy giáo vào thành tường gỗ, gió lạnh do đó lùa vào nhiều hơn và người lớn cũng như trẻ con đều yếu sức đi vì thiếu lò sưởi ấm. Tiền mua than sưởi còn thiếu nói gì đến những đồ chơi mà lũ trẻ thèm khát qua những cửa kính sáng choang chúng chỉ ước sao ai tặng cho chúng bất cứ một món đồ chơi gì, cũ cũng được. Cha mẹ thì thực tế hơn nên ngoài ra còn mong sao ai cho con cái của họ được

quần áo ấm và giày lông để đi chống lạnh. Ước vọng tha thiết nhưng cũng vô vọng của họ là tìm ra được 1 căn nhà thực sự đáng hoàng để ở với túi tiền của họ.

«*Kể khổ*» ra thì còn có thể nhiều hơn nữa, nhưng thiết tưởng hai trường hợp trên cũng giúp chúng ta biết sơ qua bề trái của một xã hội văn minh cao với nền kinh tế tự do đã tạo được cái gọi là «*kỳ quan kinh tế*» sau thế chiến thứ 2. Ngay chính người Đức, cụ thể như đã nói, là các cơ quan ngôn luận đã nhìn thấy được khiếm khuyết trầm trọng này và lên tiếng kêu gọi từ tâm của những người dư giả san sẻ cho những người nghèo khó đôi chút để họ cũng được hưởng một lễ Noel không ưu phiền và một cái Tết đầm ấm. Kết quả cuộc lạc quyên trong các năm trước cũng như năm nay đều khả quan. Từ than củi, quần áo ấm, cho đến rượu, bánh trái, đồ chơi trẻ em v.v... được gửi tới tấp tới tòa báo. Các hãng buôn góp những tặng phẩm chính

hãng mình có hoặc sản xuất, những tiệm ăn nhận mời trưa ngày Giáng sinh 20 cụ già đến dùng một bữa tiệc thật long trọng, tổ chức vui chung và sau đó tặng quà các cụ. Ngoài các báo cũng còn các cơ quan bác ái của Công giáo cũng như Tin lành lên tiếng hô hào quyên và giúp đỡ đồng loại thiếu thốn trong dịp lễ đầu năm và cuối năm này.

Mới đây từ Bá linh xuất phát phong trào chống sa hoa lãng phí dịp Giáng sinh và tết tây. Hiện nay họ vẫn còn là một nhóm nhỏ, tiếng nói còn khiếm tốn nhưng giá trị hành động của họ được đề cập đến nhiều. Họ xuất hiện trên đường phố buôn bán sầm uất nhất Bá linh: một người con gái mặc áo trắng dài đi đầu dương cao cây thánh giá lớn trên đó mắc những gói quà Giáng sinh sắc sỡ người ta mua tặng lẫn nhau, theo sau là nhiều thanh niên khác cầm những biểu ngữ. Họ phản đối sự ồn ào của thiên hạ sửa soạn Giáng sinh

và phản đối tục lệ gần như bắt buộc là tặng quà nhau dịp này, tặng mà ư ờu khi không hề tâm hồn thực sự vào việc tặng và người mình tặng. Điều họ đòi hỏi thay vào đó chính là xây cất phát triển thêm nhà thương; nhà dưỡng lão, trường học tán tiền cho trẻ em và những dự án giúp đỡ người nghèo đói tại những nước thuộc thế giới thứ ba. Ưu điểm của phong trào là họ không dùng bạo lực như phong trào tương tự chống sa hoa năm trước tại Thụy Điển. Tại Thụy Điển đã xảy ra những vụ phong tỏa siêu thị Giáng sinh, ngăn cản không cho dân chúng sắm sửa mua bán. Một ưu điểm khác của phong trào phát xuất từ Bá linh là họ có một mục đích rõ rệt chứ không lãng mạn mơ hồ như một số những thanh niên sinh viên thiên tả cũ Đức đi biểu tình mà chẳng biết biểu tình để làm gì ngoài việc hô to những khẩu hiệu hay nhắc lại những từ ngữ thời trang trống rỗng.

Tại những nước thanh bình đã có phong trào chống sa hoa lãng phí như thế, đáng lẽ phong trào chống sa hoa lãng phí ở một nước chiến tranh và cũng khổ như VN mình phải được phát triển rộng rãi hơn nhiều. Nhưng nó có phát triển được thực sự ngoài hình thức công văn giấy tờ không, khi chính những kẻ chủ xướng lại có khuynh hướng hủ hóa cao độ? Khi giáo dục công dân cố ý bị quên lãng, khi con người không còn tự trọng? Mỗi dịp Giáng sinh và tết dương lịch, lại có người này hay người khác hỏi tôi ở nước mình có ăn lễ Noel và ăn tết không? Tôi thường trả lời là có. Rồi họ hỏi mình ăn Tết thế nào; sau khi nghe trả lời, họ trầm ngâm nói: «Nhưng có lẽ bây giờ đang chiến tranh chắc không thể ăn Tết và mừng lễ như những lúc thanh bình.» «Tôi đang gặt đầu, nhưng nghĩ liền đến cảnh tết ở thành thị miền Nam với cảnh đốt phá cướp bóc tranh nhau mua cho được một cành mai đắt giá, cảnh

một số sinh viên VN du học ở đây sau khi được biết những tàn phá tan hoang kỳ tởm Mậu thân vẫn «trơ như đá, vững như đồng» tụ họp nhau «đốt» nhảy đờ đi một bal lớn của kỳ hội giả trang! Nhưng tôi phải tự ngừng dòng tư tưởng lại kẻo nghĩ lan man đề kết tội những

kẻ trách nhiệm đã làm hồng hiện tại, làm mất tương lai.

Những lúc tư tưởng như thế tôi bỗng muốn mình là người mau nước mắt !...



● Tiếng la tinh

Tiếng La-tinh (latin) khó học và học lâu cho đến đời Thi-sĩ Đức Heinrich Heine đã phải viết: «Người La-Mã sẽ không có thì-giờ để đi chinh phục thế-giới nếu trước hết họ phải học tiếng la-tinh»

● Sốt ruột

Nhà Đại hùng-biến Pháp Mirabeau, lúc còn trẻ có lần được vinh-dự vào châu Vua Louis XVI, tháng 3 năm 1771. Nhưng vì các quan châu rìa quá đông, Mirabeau còn phải ngồi đợi quá lâu. Sốt ruột, ông nói với viên Tể tướng-Richelieu:

— Thế này, chắc tôi phải ngồi chờ đến Triều-đại sau quá!

(J'aurais dû attendre le prochain règne !)

từ Oklahoma thu đầu năm cho em gái ở quê nhà

★ HỒ-TỊCH-TINH

(Tiếp T.T,theo 239)

— Ba, young women : Yên, chữ thật dễ nhưng thật khó xác định vị trí của nó. «Young women» có giá trị theo tầm mắt mỗi người. Theo anh, họ là những người con gái trên hai mươi và những đàn bà dưới ba mươi lăm. Với họ, khi em (lại tưởng tượng em là trai nghe Yên) bắt bớ, em sẽ cảm thấy tự do và thoải mái về phương diện vật chất hơn các «high school girls». Bởi lẽ, em không bị ràng buộc vào một luật lệ nào của Mỹ. Rượu, bia, thuốc lá phải đến như thân xác phải đến với nhau. Với họ thật dễ ở bụng cũng thật chóng quên. Nằm với họ, em đừng bao giờ nghĩ cũng đừng đại nói «Đêm mai chúng ta sẽ nằm lâu hơn đêm nay và ít thua đêm mới. Lâu như tình yêu vãn vãn». Với họ gần như không tình yêu. Đến

với nhau như một sự trao đổi và thỏa mãn.

● Six plags linh hồn tiểu bang Texas

«Six plags» cách mấy mươi cây số thành phố Dallas thuộc tiểu bang Texas. Nếu không nhầm nước Mỹ lập quốc không quá năm trăm năm trở lại. (4-7-1776 quốc hội Mỹ mới ban bố bản tuyên ngôn độc lập). Texas sát nhập thật sự trong năm mươi tiểu bang của Mỹ sau khi đã lệ thuộc ba quốc gia (Spain, France, Mexican) rồi dành được quyền tự trị (Republic of Texas) xong sát nhập vào Hiệp Chúng Quốc (United States) rồi tách Hiệp Chúng Quốc nhập liền Bang một số tiểu bang Mỹ (Confederate States of America) và

cuối cùng mới chịu hẳn làm một trong năm mươi tiểu bang Mỹ (United States). Lẽ ấy, sáu lá cờ được treo trước «Six plags over texas amusement park» tượng trưng cho sáu quốc gia đã có mặt trong giải đất Texas.

«Six plags Over texas amusement park » chỉ mở cửa vào cuối tuần (weekend). Mỗi người phải mất hơn bốn dollars vào cửa. Tiền vào cửa mắc vì lẽ em không mua vé một số trò chơi trong «Six plags»

Khi đến khu vực Six plags em sẽ đáp trên một chuyến xe lửa giả thật đẹp vào đến cổng. Phải nói «Six plags quá đẹp. sông, núi, đèo, hang, động, thuyền, cầu... đều có trong «Six plags. Em đến «Six plags» là em đến với người hòa xa cầm lái chuyến xe lửa chạy dọc nhất trên một đường sắt. Em đến «Six plags» là em đến với một tay chơi tham dự đoàn xe du lịch cùng chiều. Và nếu không khéo lái có thể sẽ úi nhào vào xe trước đội ngược cả người lên

cùng lúc bị xe sau bồi thêm một quả sau đuôi, quẹp cả người xuống. Em đến «Six plags» là em đến với người thượng lưu ngồi trong lồng kính chạy trên hai giây thép giữa trời nhìn xuống thiên hạ. Em đến «Six plags» là em đến với một người dai chân trèo lên một kỳ đài bằng ngàn bức thang và chài từ đỉnh cao xuống đất với một mẫu vải bố. Em đến «Six plags» là em đến với một kẻ chịu sức ly tâm (centrifugal Force) hút hồng mặt đất đến gần nửa thước dính cứng lưng vào mặt ván theo sức quay của mặt ván chung quanh mọi người.

Yên rất quý. Em đến «Six

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE.V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- G

«lags» là em đến với trăm ngàn trò chơi không sao kể xiết. Nhưng các trò chơi ở đây hầu như ít «lạnh mình» và «độc ác» như ở «State Fair» — Hội chợ hằng năm của tiểu bang Texas — Ở «State Fair» với bảy cửa địa ngục hay những hang động toàn ma quái chỉ chực chờ vấp lấy em. Hoặc em sẽ lạc lối trong những ô gương hình chữ nhật. Mỗi ô bốn mặt nhưng hết ba mặt gương, và những ô chấp với nhau tạo thành một thế giới toàn gương với gương. Nếu không sáng mắt em sẽ đâm mặt vào gương vỡ cả trán đấy.

Tội nghiệp nhất lúc anh tham dự «đoàn xe vượt đèo». Anh mỗi mình ngồi trên một chiếc xe đua giả. Đoàn xe đua nối nhau chạy thật nhanh trên một vòng sắt, xuống thật thấp và thật lên cao gần trăm thước. Xuống lên vào vào trên mười phút nhưng người lại không buộc lấy một sợi chỉ. Nhiều lúc người như muốn

văng ra ngoài, và hồn vía tưởng chừng bay đầu mất. Nhà cửa thiên hạ nhào lộn trước mặt. Một lúc anh khiếp quá «chui xuống gầm xe, bấu cứng ở đó». Và suốt một ngày hôm ấy một tưởng chừng mình sắp chết.

Các trò chơi ở «Six plags» đều hiền. Hiền như giòng sông nhỏ em đáp thuyền máy do các «paucess» giữ lái. Hiền như những gian hàng xinh xắn bán toàn vật kỷ niệm. Texas là miền của «cowboy» nên phần lớn vật kỷ niệm ở đây đều mang ý nghĩa đó.

Ở «Six plags» trong các mùa kịch thật sống giữa trời, bay những điệu vũ thật vui trên một sân khấu nhỏ em sẽ được trở về

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa.Lan

với lịch sử Texas, sống lại những ngày Texas với những chàng «cowboy» ném dây bắn súng như điên. Hay trong những căn nhà được lập dựng, trang hoàng y hệt khi xưa thật xưa của Texas. Ở đó có quán rượu, có vũ điệu, có nhà giam có anh chàng «cowboy» tay chân bị xích âm ngày như bò rống.

● Trên từng thứ mười
Black hotel, Oklahoma

Kim Yến rất quý, thư này anh viết cho em trên từng thứ mười «Black Hotel» trong thành phố Oklanoma thuộc tiểu bang «Oklahoma» — Thành phố của «ma cô» và «nghèo khổ». Cái nghèo khổ được so sánh với những nơi trên đất Mỹ anh đã đi qua.

Yến ơi, em phải nghĩ những gì anh đã và đang viết cho em là viết cho em là viết về những gì anh đã và đang sống trên đất Mỹ. Nói khác đi, anh không nhằm giới thiệu nước Mỹ ở bất cứ khía cạnh nào. Ở đây chỉ là những

trình tự từ anh — Một thanh niên Việt Nam — đang viết về những gì đã sống. Viết có thể thật hàm hồ có thể thật chính chắn. Tất cả tùy thuộc vào cái sống và nghĩ của mình.

Trong thiết tha này, thư sau anh sẽ dành kẻ cho em em «người Mỹ trên đất Mỹ». Họ là ai? Họ là những người Mỹ như trăm ngàn «người Mỹ trên đất Việt»? Hay họ là những người Mỹ nào khác quá khác. Không hề thấy, không một lần bắt gặp ở xứ sở chúng ta. Một xứ sở nghèo đói và chiến tranh. Khuya quá, anh tắt đèn đây. Mọi an lành và hạnh phúc nhất trong năm mới sẽ đến với em gái vô cùng quý của anh.

Anh trai của Kim-Yến
HỒ TỊCH-TỈNH
(Mỹ cuối năm sáu chín)

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

AI KHANH HÀNH

Tác giả của bài Hành độc đáo này là ai?

Đôi lời của người đưa bài
HÀNH này ra đăng tải.
● TRẦN TỬ

Trong khoảng 20 năm vừa qua của thời Hậu Chiến, xứ sở có bao nhiêu thi sĩ? Và có bao nhiêu bài thơ được lưu truyền?

Từ một Tạ Ký, Hồ Hán Sơn thời chiến tranh qua một Nguyễn Sa, một Thanh tâm Tuyền, một Tô thủy Yên tới một Nhã Ca, có hàng chục nhà thơ thật có tên tuổi, đã xuất hiện. Đã để lại một vài bài thơ được một đối tượng độc giả nhỏ bé yêu mến hết lòng trong một thời gian nào đó: thời gian của tuổi trẻ. Lớp độc giả này lớn dần và kéo thần tượng thi ca của riêng họ đi vào Văn đàn bảo giám. Con số thi phẩm được một lớp thanh niên yêu mến vẫn còn rung cảm được thế hệ thanh niên kế tiếp thực là quá ít. Như các thi sĩ kể trên chẳng hạn, mỗi người chỉ có được một hay

hai bài thơ có một tuổi sống nào đó mà thôi. không dài lắm; độc giả yêu thơ và giữ cho thơ một tuổi đời dài lâu lại không được bao nhiêu, càng ngày càng ít đi.

Đây là một sự thực. Sự thực này làm cho người ta nhớ đến một hiện tượng đặc biệt:

Chỉ có một số ít bài thơ «Quốc cảm» đối với dân chúng cả hai Miền là có một sức sống mãnh liệt, mặc dù nó không được ra đời một cách đàng hoàng trên một thi phẩm in hay trên các tạp chí văn nghệ. Những bài thơ không được phổ biến chánh thức này dĩ nhiên phải có một số yếu tố nào đó mới có thể lôi cuốn thanh niên của cả hai Vùng cùng phổ biến cho nhau biết, cùng nhớ và cùng truyền lại cho lớp đến sau: Yếu tố ấy, phải chăng là tính chất «Người»? và nội dung của nó phải là Tình Yêu, một thứ

AI KHANH HÀNH

tình yêu của con Người cùng với những rung động cảm nghi chân thực nhất không bị màu sắc chánh trị nhuộm màu?

Ở bên này, các cơ quan thông tin Việt Nam khoảng thời gian 1946-1954 thường phải cất xén những bài thơ của người dân muốn kháng chiến, của người thi sĩ ở bên này nếu thơ của họ có bao hàm một nội dung chiến đấu. Dù không bị kiểm duyệt thì thơ của người không chiến đấu nói về chiến đấu dĩ nhiên không đủ yếu tố truyền cảm và thơ tiền chiến lại không lôi cuốn được thanh niên thời đại mới này.

Ngược lại, ở bên kia, người chiến đấu vì lý tưởng Dân tộc độc lập có tâm hồn Văn nghệ thường bị những ấn ức về mặt sáng tác khi nhà nước chỉ chấp nhận văn chương chiến đấu và loại trừ bất cứ một sáng tác nào có nội dung thuần túy cá nhân và hướng tới cứu cánh cá nhân phần lớn là tiếng nói của tình yêu, là tâm trạng của người chiến đấu giữa khổ sống bằng những mơ ước

thiếu tính chất vô sản...

Những dồn nén ấy đã bộc phát thành thơ hình thức diễn đạt quen thuộc và dễ dàng nhất của văn nghệ dành cho những người có một tâm hồn nhạy cảm và một khả năng truyền đạt niềm xúc động thiên phú. Thành loại Thơ không được phổ biến chánh thức trên các ấn phẩm của các Ngành tuyên Truyền và Văn nghệ, tác giả chỉ làm đề cho mình, cho đối tượng riêng là bạn bè, anh chị em... là người yêu.

Nhưng dân chúng Việt nam ta lại cũng là «người tình» như lời Ông Nghệ Chu mạnh Trinh. Bằng số là những bài thơ không được đăng tải, những bài thơ bị nhà nước cấm như «Màu Tím Hoa Sim», «Tây Tiến» của Hữu Loan và Quang Dũng được hầu hết học trò trung học của hai Miền thuộc lòng qua một sự truyền rĩ tai vô cùng có hiệu lực trong khi thơ văn và nhạc tuyên truyền, đầu là của một Phạm Duy, một Văn Cao và cả một Xuân Diệu nữa cũng bị quên lãng. Trừ

một thiếu số phải nhớ vì bốn phận, vì áo cơm hay vì một động cơ có tính chất óa nhân. riêng rẽ...

Trên một khía cạnh khác, người viết bài này nghĩ rằng phổ biến những bài thơ hay chưa đăng báo, với Dân chúng Việt nam có hồn thi sĩ, là một bổn phận tự nhiên của người có một thời tuổi trẻ có trách nhiệm tạo cho tuổi trẻ của tất cả những chất liệu cần thiết để làm cho tâm hồn người thanh niên Việt nam phong phú thêm.

Đây là lý do người viết đưa bài «HÀNH» sau đây ra đăng tải với một vài điều minh xác sau đây :

Bài Hành này người viết đã được nghe cách đây khoảng 8 hay 9 năm bên mâm đèn của một nhà giáo bất đắc chí, Ông Nguyễn ngọc S. Cái mâm đèn này đã được hân hạnh cống hiến cho nhà thơ tác giả các yếu tố xúc cảm, theo lời nhà giáo nói trên vốn là người được nghe bài Hành này khi nó vừa chào đời. Đứng sinh thân ra nó thi sĩ Nguyễn Bình đang say

khởi thuốc lá đảo... đã đề ra bài Hành độc đáo này.

Tám chín năm sau, đến lượt một giáo sư Việt văn, anh Nguyễn hữu I chép cho tác giả. Và tác giả thấy có trách nhiệm phổ biến khi một sinh viên Văn khoa, một cô giáo tiểu học cho đến một chuyên viên về ngôn ngữ Anglo Saxon và một đạo diễn điện ảnh kiên giám đốc đài phát thanh Đalat đều chép lại sau khi tác giả «đọc» lại cho nghe. Để sau đó cùng thắc mắc về tác giả vì có nhiều lý do khiến cho người ta khó tin bài Hành sau đây là của Nguyễn Bình.

AI KHANH HÀNH

Không phải (lẽ ?) gặp em từ buổi ấy
 Có lẽ gặp em từ ngàn xưa
 Lòng anh yêu em không có bến
 Tình anh yêu em không có bờ.
 Viết ra có đến ngàn trang giấy
 Làm ra có đến nghìn bài thơ.

Trong tư một đêm năm canh trắng
 Nhớ nhung một ngày mười hai giờ
 Dầu một ngàn năm anh vẫn đợi
 Dù một vạn năm anh vẫn chờ
 Bàn cả trần gian anh cũng bán
 Mua bằng ngàn vàng anh cũng mua,
 Chao ôi, em đẹp như hoa cải
 Chao ôi, em hiền như củi đira.
 Chao ôi, em mềm như rau rút
 Chao ôi, em hiền như nước mưa.
 Em ngọt hơn mía, thơm hơn mít.
 Em lạnh như tương, mát như dưa
 Người em không một cái gì thiếu
 Người em chẳng một cái gì thừa
 Xoán xuýt lấy nhau như nương chẻ

Ngo ngần tình nhau như phải bùa
 Anh thấy «bắt» em hơn thuốc phiện
 Anh thấy thèm em hơn của chua
 Anh là hoàng tử đẹp như ngọc
 Em ngủ trăm năm trong mộng mơ
 Chiếc giày anh nhặt qua cầu đó
 Chỉ một mình em là đi vira
 Em nhỏ nước miếng xuống mặt biển
 Mặt biển thơm lên hai mươi bốn giờ
 Em cười nửa miệng khi qua đó
 Mỗi vạn loài hoa thây trái mùa.
 Em là con tướng trong tam cúc

ANACINE
 TRỊ PHONG NGŨA
 MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Em là con xe trên bàn cờ
 Vì chẳng có một nước tình ái
 Em làm hoàng hậu anh làm vua,
 Yêu em đến nỗi điên lên được
 Yêu em đến nỗi không thể ngờ
 Yêu em đến nỗi, yêu em đến
 Đặt ngay lên ngai vàng mà thờ
 Em ơi, em ơi mùa xuân sang
 Nhớ em đôi mắt say lơ đãng

Một vài nhận xét

Như đã trình bày, ông bạn già nguyên là giáo sư ở Gia Định, ông S có cho người viết và nhiều người bạn khác (ngồi «chầu» bên cạnh cái Tây gọi là «pò la tô» để chờ thêm một chân «chăn» hay «phé» trong làng giáo trẻ và đề «hít chơi cho đỡ buồn» dăm bảy bi) biết : rằng tác giả là Nguyễn Bính ; rằng bài thơ được sáng tác ngay trên cái sập

này trong một buổi tối khi người cầm hứng của thi sĩ được gọi dậy.

Bây giờ, sau bảy năm trời, người thuộc lòng bài thơ này — một nhà giáo trẻ — cũng không biết và không nhớ rõ tác giả là ai.

Người viết bài này dĩ nhiên phải tin vào ông giáo sư già Nguyễn ngọc S. Ông ta dù sao cũng không phải là một thứ «nhây vọt» cần có thêm chút đỉnh tiếng tăm về trí thức như rất nhiều ông bà lớn của xã hội. Và lại, ông bạn già còn quả quyết rằng bài thơ vọt ra từ cái sập năm của ông trước sự chứng nhận của ngọn đèn...

Nhưng người viết lại cũng có nhiều thắc mắc khác về thi sĩ tác giả: 1) Nguyễn Bính là một thi sĩ của nông thôn miền Bắc, ngôn ngữ tiết điệu và âm hưởng trong thơ của ông là sản phẩm thuần chất của «Thôn Đông Thôn Đoài» của bến đò làng, cây đa và cửa vườn chè đêm trăng. Nơi Nguyễn Bính Tây phương chỉ chiếm có một góc nhỏ trong con người toàn diện của ông. Chất lãng mạn trữ tình của

văn nghệ Tây phương vẫn là một cái gì xa lạ với con người lớn lên với thôn Đông thôn Đoài, với con đò ngang của cô lái đò trẻ đẹp.

Thơ Nguyễn Bính, nói một cách tóm tắt là đời sống tình cảm của người thôn dân Việt nam hiện tình, tròn vẹn tình nguyên.

2) Ngược lại, nếu tác giả của bài Ai Khanh Hành cũng hòa đồng với nông thôn, cũng có một tâm hồn đặc biệt Việt nam nông thôn, thì thi sĩ cũng không xa lạ gì với ngôn ngữ và văn nghệ Tây phương.

Từ những văn thơ tả người đẹp chỉ có người đã sống thực sự ở nông thôn mới viết nổi, chiều rung cảm của tác giả lại chạy sang khung trời văn nghệ Tây phương một cách rõ rệt. Không phải là người đã đi sâu vào văn nghệ Pháp, thi sĩ làm sao có thể vận dụng những «diễn tích» Pháp để viết những câu nhỏ «Em ngủ trăm năm trong rừng mơ» ?

3) Một điểm ta cũng không thể không chú ý là :

Trong bài Hành này quả thực có nhiều động điệu : từ động của một người Việt nam ở đồng ruộng lãng mạn kiểu Đông phương tác giả lại trở ra là người của thị thành với cái nhận xét rất tạch tạch xè : «Người em chẳng.. thừa» rất «tếu» và trẻ trung vui vẻ. Bên cạnh đó, lại có những văn thơ rất long trọng của người thanh niên trí thức Tây phương..

Tóm lại, nội dung bài thơ làm cho ta phải nghĩ rằng : Tác giả có thể không phải một mà là nhiều người qua những «động điệu» không một thi sĩ nào có thể có một mình được. Có những khúc hình như là của Huyền Kiều, Thâm Tâm và cả Đinh Hùng nữa.

Như vậy, Nguyễn Bính nếu có thì cũng chỉ là một trong số vài ba thi sĩ đồng tác giả của bài Ai Khanh Hành này mà thôi ?

Nhận định này nghe ra có thể hợp lý hơn cả. Như là hợp với lời của nhà giáo Nguyễn ngọc S là người đã cho người viết bài này nghe trước đây 7. 8 năm vốn không phải là người có thể liễu lĩnh trong một vài địa hạt của trí thức và cảm tình để tuyên bố bừa bãi.

Binh Đội, Binh Chẽ Việt-Nam ngày xưa

Bài II

● Các canh cải từ thế kỷ thứ 10 về sau

MỖI đời vua, không nhiều thì ít đều có chỉnh đốn lại quân đội. Vì thời bình «trọng Văn khinh Võ» nên ngành Võ đương nhiên tùy thuộc vào ngành Văn. Khi bên văn có canh cải thì bên võ cũng thay đổi theo. Do đó, chức vụ, quân số cũng như phương pháp điều khiển, chỉ huy cũng đều theo đường lối mới. Trong trường hợp có biến, quân đội mới được đơn phương canh cải cho thích hợp với chiến trường và đủ khả năng đối phó với địch.

Theo như trên, vào thế kỷ thứ 10, lãnh thổ Việt Nam chia ra thành từng Đạo, mà qua thế kỷ

thứ 12 lại chia thành Lộ, và đến thế kỷ 15, dưới triều Nhà Lê, lại trở về hình thức Đạo.

Từ đầu thế kỷ thứ 11, dưới đời Vua Lý thái Tông, ngoài đội quân Phòng vệ của nhà vua, gọi là Cẩm Vệ độ 2.000 lính, quân đội gồm có 9 Quân (quân số mỗi quân bao nhiêu không rõ.)

Thành phần binh sĩ, cũng như các đời trước, toàn là nông dân, tuyển vào ngũ lúc cần và khi thái bình, trả về nguyên quán, không trợ cấp, không lương bổng.

Đời Nhà Trần

Dưới đời Nhà Trần (1225-1400) tổng số quân đội độ

BINH ĐỘI

100.000 người. Thành phần gồm có :

1) — Quân Cẩm vệ hay Cẩm quân như đời Nhà Lý (đề bảo vệ cung cấm).

2) — Chư lộ quân (quân của các Lộ).

3) — Binh hải quân (thủy quân) đóng tại An Giang (Quảng yên ngày nay).

Mỗi đạo quân trên lại chia ra từng Quân, mỗi Quân có 30 Đô, mỗi Đô 80 người, tức 2.400 người.

Số với đời nhà Đinh, mỗi quân đến 100.000 người, đến đời Nhà Trần chỉ còn 2.400 người.

Số Chư lộ quân gồm 20 Đô tức 1.600 người thì thành một Đội gọi tên là Phòng đoàn (Đội xung kích) phụ trách việc nội an trong các Lộ.

Dường như đến đời Vua Trần nhân Tông, vào năm thứ nhất

Thiếu bảo (1279), đề chống quân Tàu hiệu quả hơn, đã cho phép các vị Hoàng hay Chúa trong Hoàng Tộc được tuyển cho mình một đội binh riêng. Nhờ đây mà quân số lên đến 200.000 người rải dọc theo biên giới Trung hoa và chống lại được các tướng Mông cổ như Ô mã Nhi, Sogatu tràn sang.

Quân đội ấy do Tướng Trần quốc Toản cháu Vua Trần nhân Tông chỉ huy, Nhà binh pháp đã viết cuốn «Binh gia yếu lược» và cuốn «Vạn kiếp tôn bí truyền thư» trong đó có một đoạn nói về chiến lược :

« Nếu điều kiện khôn khéo, thì không cần phải có lệnh tấn công. Nếu lệnh tấn công khôn khéo không cần phải xuất quân : nếu

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

xuất quân hay, không khi nào thất trận và nếu thất trận mà sắp đặt khôn khéo thì khỏi hư hao, mất mát...

Đời Nhà Lê

Qua thế kỷ thứ 15, dưới đời Nhà Lê, quân đội được chỉnh đốn lại chia ra làm ba «quân» khác nhau, không những để chiến đấu mà còn để phục vụ cho thời bình.

Vệ đội, tức đạo quân bảo vệ nhà Vua thì tuyển chọn riêng ở các Tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

Đến năm thứ bảy Quảng Thuận (1469) Vua Lê thánh Tông vẫn giữ các tổ chức phân quân ở các địa phương xưa nhưng lại chia quân đội ra làm 5 Phủ (như Sư đoàn ta ngày nay). Trên hết có một Đại nguyên soái cầm quyền. Còn 4 phủ thì lấy tên 4 phương trời. Mỗi Phủ cũng có một thống chế cầm đầu và phạm vi phụ trách của mỗi Phủ là hai Tỉnh.

Tổ chức trên đây tuy có sửa

đổi nhưng trên đại cương vẫn giữ theo đường lối của Vua Lê thái Tông (1428).

Theo nhà khảo cổ R.P. Cadière căn cứ theo sách Càng-mục, thì quân đội đời Vua Lê thánh Tông vào năm 1467 có Nội quân gồm có 66 Tù và 51 Vệ, và ngoại quân gồm có 26 Vệ. Mỗi tù có 100 lính, tức 6.600 lính; Tính chung 77 Vệ cả nội và ngoại quân là 154.000 quân cộng với 6.600 của 66 Tù thì quân đội thời ấy lên đến 160.000 người.

Cách tuyển lính

Về thể thức tuyển chọn lính, sách chép như sau :

Thanh niên từ 18 tuổi đúng 20 tùy từng Tỉnh được lệnh nhập

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

ngũ để xung vào các đội «Hầu» Vua hay Quan. Theo từng đợt 6 năm một lần, nhà Vua chọn lại, lấy những tay tráng kiện để vào đội Cẩm vệ hay đưa về binh ngũ. Cũng có người muốn thiết tha ở lại trong quân đội nên tìm cách hối lộ bằng tiền bạc.

Những tài liệu của Đức Alexandre de Rhodes và Linh mục Tissanier về vấn đề này có nói :

«Lính thời ấy mang gươm hay kiếm bằng đai đeo. Lính Việt xưa kia rất dễ cảm xúc, dễ dãi, trung thành vui vẻ, không có nhiều thói xấu như lính Tàu hay Nhật. Lúc cần nhà vua có thể huy động một số lớn. Một phần lớn số lính do số 600 quan lớn cung cấp: người 1.000 kẻ 2.000 người. Lính do tiền các quan ấy bỏ ra đãi thọ cho đến lúc chấm dứt chiến tranh.»

Tài liệu này do Ông Baldinotti, người đã ở tại Bắc Việt từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1626 dưới đời Vua Lê thần Tông bỏ

túc nhưng không nói rõ hơn khoản tiền đãi thọ cho lính này là do công quỹ hay tiền riêng của các quan. Một điểm cần chú ý là các quan này được hưởng một hay hai quận do Vua ban và ngược lại phải cung cấp số lính ấy cho Vua.

Thủy quân

Ngoài ra nhà vua còn có một lực lượng về thủy quân «khá quan trọng». Thủy quân gồm 4.000 chiến thuyền loại 52 chèo, đóng ở khắp nơi, lúc cần thì trang bị nhiều loại súng và thêm vào là một khẩu Thần công, đạn nặng 7 ký ngày nay. Phía lái thuyền đều sơn son thếp vàng rất đẹp.

Nhà vua cũng rất chuộng tinh

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- G

BINH BỘI

thần thượng võ. Ông thường tập bản bia, cỡi ngựa, cỡi voi...

Các loại lính

Đến thế kỷ thứ 19, từ đời Nhà Nguyễn, quân sĩ thường tuyển mộ ở các Tỉnh phía nam Trung Việt như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên v.v...

Cũng như trước, quân đội chia làm 3 lực lượng.

Trước hết là Vệ đội để phòng thủ cung nội rồi đến các Cơ đóng tại các Tỉnh, nhất là ở các Tỉnh sát biên giới ngoài Bắc cũng như trong Nam.

Cuối cùng là lính lệ, lính hầu ở các Tỉnh phục vụ các quan. Đội này còn gồm thêm các lính trạm dùng trong việc đi thư tín, giấy tờ.

Những tài liệu nói về quân đội từ thế kỷ thứ 17 đến 19 khá rõ ràng nhất là trong cuốn: «Lịch triều hiến chương loại chí» của

Phan Huy Chú hoặc trong các sách ghi chép của các nhà Truyền giáo thời ấy như A. de Rhodes, Tissanier, Vachet v.v... Những lời ghi chép của các vị này phần lớn đều giống như sách Việt thời ấy.

Tổ chức binh bị qua các thế kỷ từ 15 đến 18

Ta hãy xem qua sơ lược tổ chức binh bị trong thời gian này. Qua thế kỷ thứ 19, có sửa đổi phần nào nhỏ nhỏ không đáng nêu ra đây.

Năm 1428, Vua Lê Thái Tổ sau khi chiến thắng quân Tàu, liền chia nước về mặt quân sự ra làm 5 Đạo (như Quân khu ngày nay), mỗi Đạo chịu trách nhiệm trên nhiều Tỉnh.

Một đạo chia ra nhiều Vệ. Viên chỉ huy Vệ gọi là Tổng quan (Đại tá ngày nay).

Năm 1446, Vua Lê Thánh Tông chấn chỉnh lại tổ chức từ đời Vua Lê Thái Tổ để lại. Đạo đổi ra Phủ vẫn giữ con số 5: Phủ

Trung ương chung quanh có 4 phủ theo phương hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi Phủ cũng chịu trách nhiệm trên nhiều Tỉnh. Mỗi Phủ về nguyên-tắc, gồm có 6 Vệ và mỗi Vệ, 5 hay 6 Cơ, mỗi Cơ độ 400 lính.

Đứng đầu mỗi Phủ là viên Đô đốc, dưới quyền có một Đô đốc Đồng-Trí và một Đô đốc Thiêm-Sự.

Mỗi Vệ do một Tổng-Trí (ngang Đại-Tá ngày nay) cầm đầu, dưới quyền có một Đồng-Tổng-Trí và một Thiêm-Tổng-Trí.

Mỗi Cơ thì lại do 2 quan Lãnh theo chức Chánh và Phó Lãnh. Mỗi Quan Lãnh lại có 2 phụ-tá gọi là Võ-Úy. Cơ chia ra thành Đội hay Ngũ do một Tổng-Cơ cầm đầu.

Đội Cận-vệ nhà Vua gọi là Thân-Tùy-Cuộc tổ chức theo nguyên-tắc đặt ra từ đời Lý-Thái-Tôn năm 1028 do một Đô-Trí chỉ huy, dưới có 2 Giám, Chánh và Phó giám.

Qua thế kỷ thứ 17, lối tổ chức ở Bắc khác ở Nam. Tại Miền Nam, ở các đất do Chúa Nguyễn cai trị, quân đội gồm có Cơ và Dinh tổ chức gần như nhau.

Lãnh thổ vào thời này đã mở rộng nên số quân lính không rõ được là bao nhiêu cũng như lối tổ chức, mỗi nơi khác nhau thế nào vì mỗi vùng mỗi khác và hơn thế nữa ngay ở mỗi Tỉnh cũng có sự khác biệt nhau.

Lối chuyển vận.

Tổ chức vận chuyển quân đội và tiếp tế lương thực, theo nhà khảo cổ R.P. Cadière dựa theo sách «Thất lục» kể lại về vùng Tỉnh Quảng Bình ngày nay như sau:

Có hai cách vận chuyển, đường thủy và đường bộ. Về đường bộ có hai Đội xe gọi là Xa nhất Đội.

Mỗi Đội gồm 50 người do 4 Đội trưởng chỉ huy.

Đội gồm 37 xe và 74 con trâu kéo và mỗi lần chở được 1200 đấu lúa già rồi.

(Còn nữa)

VIỆT - SỬ QUA CA-ĐẠO

● TRẦN-LÊ NGUYÊN-VŨ

(tiếp theo P.T. 239)

Dân Việt lại được tự chủ. Thời đại Thái bình kéo dài non một trăm năm (1428-1527) thì Mạc Đăng Dung nổi lên cướp ngôi nhà Lê. Mạc Đăng Dung nguyên làm nghề chài lưới ở đất Hải Dương, có sức mạnh được vua Lê tin dùng. Họ Mạc nhân đó tìm cách soán ngôi. Lòng người không phục, có kẻ cầm nghiên đập vào mặt nghịch thần, có kẻ chửi bới tìm phương kế giết họ Mạc. Năm 1532, Nguyễn Kim khởi nghĩa giúp nhà Lê trung hưng. Họ Mạc thua chạy lên Cao Bằng :

Nội chiến tiếp diễn, dân gian khổ cực, trai tráng bị trầy lên Cao Bằng tòng chinh, lòng ai oán dâng cao ngất trời :

*Cái Cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng miệng
khóc nỉ non,
Nàng về nuôi cái cùng con
Đề anh đi trẩy nước non
Cao Bằng.*

Nguyễn Kim chết truyền nghiệp cho rể là Trịnh Kiểm. Năm 1570 Trịnh Kiểm chết, Trịnh Cối và Trịnh Tùng tranh nhau. Dân chúng hát đồng ,

*Khôn ngoan đối đáp người
ngoài
Gà cùng một Mẹ chó hoai
đá nhau*

*Một nhà hai chủ không
hòa,
Hai vua một nước ắt là
không yên.*

VIỆT SỬ

Nguyễn Uông bị Trịnh Kiểm giết. Năm 1558 Nguyễn Hoàng theo lời khuyên của cụ Trạng Nguyễn Bình Khiêm «Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân» bèn nhờ chị xin cho vào trấn đất Thuận. Họ Nguyễn gây thế lực, chính bị quân đội, xưng làm chúa phương Nam. Năm 1627 đời chúa Nguyễn phúc Nguyên hai bên kinh chống nhau mãnh liệt. Trịnh Nguyễn đánh nhau nhiều trận lớn trong đó có trận Lũy Thầy (năm Mậu tý 1648) và trận Võ Xá nổi tiếng nhất :

*Thứ nhất là trận Lũy
Thầy,
Thứ nhì Võ Xá đồng lay
gồm ghê.*

Lũy Thầy tức là lũy Trường Dục hay là Định-Bắc-Tương Thành do Hoàng Quốc Công Đào Duy Từ đắp năm 1630 và lúc bấy giờ do tướng Trương Phúc Phần cùng con là Trương Phúc Hùng trấn giữ. Lũy kiên cố quân Trịnh tiến lên không nổi phải rút về. Trận Võ Xá tức là ở dinh cũ Võ Xá ruộng bùn

ngập lụt rất sâu. Khi quân Trịnh kéo vào, quân Nguyễn ập đánh bất thần, quân Trịnh kinh hồn vỡ mặt do đó có câu :

*Nhất khả ky hề Động Hải
trường lũy,
Nhị khả ky hề Võ Xá nê điền*

Dân gian loạn lạc, trai tráng bị bắt sung vào đủ thứ lính, lính vua riêng, lính chúa riêng, mạnh ai nấy bắt :

*Lính vua lính chúa lính còng
Vì vua bắt lính nên chàng
phải ra,
Ước vua bắt lính đàn bà,
Bề anh đi lính chàng và
bốn năm,
Vì vua bắt lính đàn ông
Tiên tưng gạo bị sấm trong
nhà này.*

Chỉ có người chinh phụ là khổ, tháng năm mùa mỗi nhìn theo gót chinh phu, ruột thắt gas bào ;

*Khi trông lên Đò Tràm
Khi ngó xuống Lũy Thầy,
Đố ai ai biết lòng này nhớ
ai.*

Hoặc :

VIỆT SỬ

*Nhớ ơn khai quốc Nguyễn
văn Thành ngày xưa.*

Quân Trịnh chiếm Thuận Hóa, chúa Nguyễn đem gia quyến lên nấp ở chùa Tam Thai. Nửa đêm giặc đến đánh, chúa và quần thần kịp tháo thân trốn chạy. Toàn gia quyến bị giặc bắt. Dân chúng thờ than :

*Trông lên hòn núi Tam
Thai,
Thấy đôi chim nhận ăn xoi
chín cây.
Quạ kêu ba tiếng quạ bay,
Đề đoàn chim én đêm ngày
chất chiu.*

Sau quân Nguyễn phản công đánh bại quân Trịnh. Quân Trịnh phải dời về chùa Tiên gần Nam Giao do chúa Trịnh Tráng (1623-1657) lập, rồi rút chạy :

*Vì đâu nên nổi nước này,
Chùa Tiên vắng vẻ ít thầy
xa nhau,*

Họ Trịnh với loạn Kiều binh, với những tranh chấp quyền hành nội bộ, dần dần kiệt quệ. Trịnh

Sâm (1767-1782) sủng ái Đặng thị Huệ, một cô gái hái láu tuyệt đẹp. Dân gian ví von :

*Chiều chiều mang giỏ hái
dâu.
Hái dâu không hái nhờ câu
ân tình.*

Trước đó ở đằng trong Công Thượng Vương tức chúa Thượng (1635-1648) cũng đã mê say cô gái hái dâu họ Đoàn con của Quận công Đoàn Công Nhạn người huyện Diên Phước tỉnh Quảng-Nam. Tương truyền, vào một đêm trăng thề từ Nguyễn phúc Lan dạo chơi qua một vườn dâu; bỗng nghe tiếng hát âm áp lạ thường. Thề từ bước vào thấy một cô gái 18 xuân xanh đẹp như Tiên giáng trần. Chúa bèn về khẩn khoản tâu xin phụ hoàng (Chúa Sãi) cưới nàng làm vợ. Dân gian hát gheo nàng :

*Ơi o nhỏ nhỏ mang giỏ hái
dâu,
Bước qua năm nữa tôi bung
trần cưới o.*

Cô gái hái dâu họ Đoàn về sau

VIỆT SỬ

được phong là Hiền Chiêu Hoàng Hậu.

Được Trịnh Sâm sủng ái, Đặng thị Huệ lộng quyền, ra vào chốn triều nghi xem thường phép nước. Huệ ơn ỉ với Trịnh Sâm lập Trịnh Cán con riêng của mình làm thế tử, phế bỏ Trịnh Tông. Dân chúng thấy việc lũng củng đặt câu hát chế nhạo :

*Đục cùn thì giữ lấy Tông,
Đục long Cán gãy còn mong
nổi gì.*

Trịnh Tông về sau khi Nguyễn Huệ ra Bắc diệt họ Trịnh phù Lê bị đuổi chạy lên mạn Sơn Tây. Trịnh Tông chạy đến bến đò An Lăng quân sĩ lạc mất, phía sau quân Tây sơn đuổi gấp, Tông phải lấy một chiếc đò tự chèo qua sông, một toát mồ hôi. Dân thương hai :

*Một mình vừa chống vừa
chèo,
Không ai tát nước đỡ nghèo
một khi,*

Chúa Trịnh Sâm mất (1782) Thị Huệ lại tự thông với quận

công Hoàng đình Bảo. Bảo lúc bấy giờ làm phụ chính. Một buổi sáng Bảo đến phủ thấy hai câu thơ nguệch ngoạc :

*Bá quan có mắt như mờ,
Đề cho Huy Quận vào rờ
chính cung.*

Bảo sai lính cạo bỏ, nhưng sáng hôm sau bàn tay vô hình nào lại kẻ lên hai câu khác. Bảo điên tiết nhưng chẳng làm được gì.

Thị Huệ bắt ép Thái tử Lê duy Vỹ tự tử. Thái tử chết, Huệ hối hận lập chùa chuộc tội. Dân chúng đàm tiếu :

*Dù xây chín đợt phù đờ,
Không bằng làm phúc cứu
cho một người*

Năm 1771 ba anh em Tây sơn khởi nghĩa chống Trương phúc Loan. Bình Tây Sơn khi lâm trận lo ó để cướp tinh thần địch, nhất là đội quân Tứ Linh của Nguyễn Nhạc :

*Trách ông Biện Nhạc Tứ
Linh*

*Làm cho con gái thất kinh
hoảng hồn, Chiều chiều qua nói với điều
Vườn cau kia rậm lại nhiều
gà con.*

Năm 1777 Thái Thượng Vương và Tần Chính Vương Nguyễn phúc Dương bị quân Tây Sơn bắt giết. Dân chúng nhớ ơn khai quốc của các chúa thì thăm:

*Ngồi buồn nhớ chùa ta xưa
Long Xuyên hận cũ bao giờ
cho người*

Khi Nguyễn Huệ ra Bắc thu dùng Nguyễn hữu Chính. Dù biết lòng Chính phản trắc vẫn để cho Chính trở về Nghệ an. Chính chiêu binh mãi mã giúp vua Lê Chiêu Thống, tự cho mình có công ra vào lộng quyền. Dân chúng trách cứ:

*Ai đem con sáo qua sông,
Cho nên con sáo sồ lồng bay xa.*

Nguyễn hữu Chính đàm luận với Nguyễn Huệ nói rõ thực trạng miền Bắc, lại tự cho mình là kẻ nhân sĩ tài ba nhất đất Bắc ngoài ra không còn ai nữa, do đó khuyên Nguyễn Huệ ra chiếm ngôi:

Năm 1788, quân Thanh theo lời cầu khẩn của Thái hậu nhà Lê Tiến quân vào Việt Nam. Tôn sĩ Nghị vào Thăng Long hống nách, mỗi ngày bắt vua Lê Chiêu Thống sang châu. Được tin Nguyễn Huệ lên ngôi vua xưng là Bắc Bình Vương, thống lĩnh đại quân ra Bắc đánh đuổi quân Thanh. Ra đến Thanh hóa ngài dừng quân để chiêu mộ thêm sĩ tốt. Hào kiệt bốn phương ùn ùn đổ tới. Dân chúng bảo nhau:

*Anh ơi việc nước thời đi,
Cửa nhà đơn chiếc đã thì
có em.*

Đúng ngày 27 tháng chạp, ngài cho quân ăn Tết trước và bện sớ vào thành Thăng Long mở tiệc khai hạ. Với một chiến thuật thần tốc tài tình chỉ trong mấy hôm quân Việt quét sạch 20 vạn quân Thanh ra khỏi bờ cõi. Tôn sĩ Nghị bỏ cả ấn tín ôm đầu lui chạy về Tàu. Sầm nghi Đống

thất cổ tự tử. Dân chúng thoát họa ngoại xâm thành kính biết ơn vị anh hùng áo vải đất Tây sơn:

*Non tây áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước xiết
bao công trình.*

Vua Lê Chiêu Thống lui thủ chạy theo Tôn Sĩ Nghị. Bà Nguyễn thị Kim vợ vua theo không kịp phải ở lại trốn tránh trong vùng Lạng Sơn. Khi các di thần đem nài cốt vua Lê về nước, bà ra lay năm lay rồi tự tận. Do đó trong dân gian có câu hát:

*Giò đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.*

Năm 1801 Võ Tánh giữ thành Bình Định bị quân Tây Sơn vây khốn biết chống không nổi bèn nổi lửa đốt kho thuốc súng tự thiêu. Dân Bình Định ngậm ngùi thương tiếc:

*Ngó lên chùa Tháp Canh
Tiền,
Cảm thương quan Hậu thủ
thiêng ba năm.*

Viên Lành binh Nguyễn tấn Nguyên càng người ái thiếp và lão bộc trung thành nhảy vào lửa chết theo. Khi vua Gia Long lên ngôi (1802) lại chỉ nhớ đến Võ Tánh quên mất mấy vị kia, dân chúng thì thăm:

*Trai ngay vì chúa,
Gái ngay vì chồng,
Nhờ ngọn lửa hồng,
Tỏ lòng son sắt,
Dù ai không mắt,
Dù ai vô tâm,
Dù không thể trúc tượng
đồng,
Tiếng thơm còn với non sông
để đời
Lừng lơ bia miệng giây
trời.
Âm thầm bút thép đời trung
trình*

Vua Gia Long, nghe lời xâm tấu, giết hại các khai quốc công thần trong đó có Nguyễn văn Thành người làng Bắc Vọng, Dân chúng thương tiếc làm câu hát:

*Nước sông Bắc-Vọng xanh
xanh,*

*Tiếng ai than khóc nỉ non
Như vợ chú lính treo hòn Cù
Mông.*

Cũng vì xiềng mà Lê văn Duyệt mà Lê văn Khôi nổi loạn ở Gia Định. Quân tiếp viện lấy ở ba tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa đều thất bại nên vua Minh Mạng phải hạ chiếu truyền cho quân Trấn Vũ, thủy sư tinh nhuệ của kinh đô, đóng ở bến đò Trường Tiền và Bồ Đề vào Nam tiếp cứu. Cảnh chia ly được un đúc thành lời ca não ruột :

*Nơi bến Trường Tiền có cây
đũa bóng mát,
Gần Bồ Đề có bãi cát phẳng
lì.*

*Trời ơi ! sinh giặc làm chi,
Đề quân Trấn Vũ phải ra đi
cơ hàn.*

Đời triều Gia Long, Minh Mạng quân lính ở các tỉnh Nam Ngã Bình Phú phải thay phiên ra lưu thú Bắc Thành. Vợ con lính tiễn chông thương khóc :

*Anh đi lưu thú Bắc Thành,
Đề em khó héo như nhánh Tì
bi.*

Đến đời Tự Đức có loạn Hồng Bào. Bọn Đoàn Trưng, Đoàn Trục phò Đinh Đạo xúi dân phu xây Kiềm Lăng nổi dậy kéo về chiếm Thủ đô, vừa đi vừa hát :

*Vạn Niên là Vạn nào ?
Thành xây xương lính, hào
đào máu dân.*

Quan Thị Vệ Hộ Oai hô quân đóng cửa thành giặc. Toàn gia Hồng Bào bị tru di. Lúc sinh thời Hồng Bào thường dùng chiếc dây gấm đưng thuốc và đi đâu khoác chiếc khăn đỏ. Dân chúng thương xót :

*Chiều chiều lại nhớ chiều
chiều.
Nhớ người dây gấm khăn
điều vắt vai.*

Đùng một cái giặc Pháp đổ bộ cửa bể Thuận An. Các đồn lũy của quân ta không thể chống nổi với tàu đồng súng lớn lần lượt tan vỡ. Thế mà tại triều các quan Văn, Võ còn cãi nhau chí chèo. Thậm chí có kẻ còn dâng sớ bàn đến chuyện viễn vông như : «Chí như vô địch bắt lao phạt

áp chi s.r, Khoan đức hữu dụng tiên đắc công tâm chi sách». Dân chúng không chịu nổi đặt câu hỏi mai mỉa :

*Văn khen văn giỏi, vợ nói
võ tài,
Cớ sao cửa Thuận An thất
thủ, Trấn Bình Đài cờ xiêu?*

Toàn dân phản-vất cương quyết chống trả :

*Ai vô cửa Thuận cho không
Tây vô cửa Thuận gây tàn
vong đánh liền.*

Giặc tràn lên chiếm Huế. Quân Việt phục-kích hai bên đường vào đản Xả-Tắc, lấy trái mù-u liêng ra dày đường. Quân Pháp đi giày Săng-đá trượt bổ ngã-nghiêng. Quân Việt dùng đoàn đao nhảy ra đánh xáp lá-cà, Pháp thua lèng-xằng :

*Văn-Thánh trồng thông,
Võ-Thánh trồng bàng,
Ngó vô Xả-Tắc hai hàng mù-
u.*

Giữa lúc ấy vua Tự-Đức băng hà. Nguyễn-văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết lộng quyền sinh-sát sửa di-chiều phế vua Dục-Đức giam dối chết trong ngục. Vua Dục-Đức chết, Tường và Thuyết tôn Kiến-Phúc mới 6 tháng lên làm vua, sau đó phế bỏ lập ông Hoàng văn-Lãng phong lên kế-vị tức là vua Hiệp-Hòa. Tức-vị chưa được một tháng, vì nghi-ngờ, Tường và Thuyết sai ÔNG-ÍCH KHIÊM giết vua Hiệp-Hòa và tôn Ưng-Lịch lên làm vua, hiệu là Hàm-Nghi. Dân xứ Huế bỗng nghe truyền-tụng câu hát :

*Nhất giang lưỡng quốc nân
phân Thuyết.*



*Từ nguyệt tam vương triều
bất Tường.*

Làm vua được 3 tháng Kinh-thành Huế thất-thủ, vua Hàm-Nghi bôn-tàu.

*Một nhà sinh đặng ba vua
Vua còn vua mất vua thua
chạy dài.*

Ngày 28-5 Ất-Dậu là một ngày bi thảm trong lịch sử Việt. Các cửa thành thây chết như rạ, nhà cửa bị đốt cháy tan hoang. Gót giày giặc Pháp dẫm lên đê-đô găm vóc, nước mắt nhà tan :

*Kể từ ngày thất-thủ Kinh-
Đô*

*Tây giăng giày thép họa địa
đồ nước Nam.*

*Kể từ thất thủ Thuận-An
Tài ba Bà-hộ mấy làng kêu
ca,*

Sự này tự việc Tây qua.

Thuyết và Tường phò vua bôn tàu. Nửa đường Tường trí-trá giao vua cho Thuyết hộ-giá ra Tân-Sở, còn Tường trở về Phú-Cam nhờ giám-mục LÝ sang thương-thuyết với Rheinart cho

Tường lên làm vua. Rheinart biết Tường là tay lưu-mạnh bắt đày ra đảo xa. Được tin trên dân chúng chửi vào mặt Tường :

*Chém cha thằng Nguyễn-văn
Tường
Tham danh trục lợi lộn sông
tào Tây*

Một câu hát khác được truyền tụng công khai :

*Nước Nam có bốn anh hùng
Tường gian Viêm đối Ích
khùng Thuyết ngu.
Lại thêm hai thằng vũ-phu
Đề Đức Đề Soạn giương khu
chịu đòn.*

Đề Đức, Đề Soạn tức là Đề Đốc Nguyễn văn Đức và Trần xuân Soạn, bộ tướng của Thuyết. Viêm là Hoàng kẻ Viêm cũng là một tay đối gạt nổi tiếng. Y đã dám cả gan đối gạt cả vua. Lúc làm Lãnh Binh tỉnh Bắc Ninh, được lệnh đưa quân tểu phạt giặc Ngô Côn ở Hải Dương. Nghe quân Triều đình đến, biết chống không nổi, Ngô Côn tẩu thoát. Viêm sai quân bắt một

thương khách chặt đầu đệ về kinh báo là thủ cấp của Ngô Côn. Triều đình thưởng công phong làm Đại tướng. Năm sau Nguyễn văn Tường ra thanh tra. Chuyện bại lộ Viêm phải dứt lót bạc vàng cho Tường mới yên. Viêm vốn xuất thân ẩm sanh được chọn làm phò mã. Đề được công chúa Vĩnh Lại yêu, Viêm liền về bỏ vợ. Còn Khiêm là Ông Ích Khiêm nguyên gốc người Chăm, tướng lùn thấp thường tự phụ cho mình tài giỏi ngang với Không-Minh. Khiêm bốc đồng nói khoác với các bạn đồng liêu rằng nếu triều đình sai Khiêm đánh Pháp thì chỉ trong một giờ là quét sạch bọn Bạch quỷ. Không ngờ chuyện đến tại Thuyết. Thuyết bèn trao cho Khiêm một lá cờ Đại tướng và 8000 quân xuống trấn đồn Hà Quân (cửa Từ Hiên). Khiêm sai quân đóng rải rác trên bờ, lại lấy 500 chiếc thuyền đậu giăng ngang bãi khấu. Chiều 13-5 Ất dậu. Khiêm leo lên vọng lâu thấy rõ hai chiến hạm Pháp. Khiêm sai quân hò m grom giáo dục tàu đổ bộ đánh liền. Sáng hôm sau hai chiến hạm Pháp nhờ neo đến đổ bộ cửa

Thuận. Khiêm nhìn không thấy bèn sai quân trương cờ giống trống kéo lên kinh đô báo tin chiến thắng. Lên đến Vỹ Dạ nghe tin kinh đô thất thủ, Tường và Thuyết đã phò vua bôn tàu. Còn tam tài bay phát phới khắp nơi. Sự quá Kiêm cuốn cờ xếp trống dẫn quân trốn vào núi.

Hòa ước Patenôtre (1884) đặt Việt Nam dưới quyền bảo hộ của Pháp. Toàn dân Việt nam phần uất, nhất loạt vùng lên. Phong trào Cần Vương bột phát từ Nam chí Bắc. Khắp nơi rầm rộ quyết chiến :

*Ai vô xứ Nghệ thì vô
Tây vô xứ Nghệ lấy chày vô
đập ra.*

Đàn bà con gái cũng xông ra đường :

*Tiếng rằng con gái Định
Quang,
Tay bằng tay bế ra đàng đánh
Tây.*

Các bà lão cũng không chịu yên nghĩ :

Trước giờ Tổ Quốc lâm nguy,
Kìa câu lão giả yêu chi khoan
dùng

Trai tráng bèn nhất bị khinh bị
ra mặt :

Nghe đồn anh nặng nợ quốc dân
Rứa chơ mấy lâu ni anh đã
trả được phần mô chưa ?

Năm 1916 nhà Cách mạng Trần
cao Vân lên vào hồ Tịnh Tâm
gặp đức Duy Tân xin ngài ấn chỉ
để kết nạp nhân sĩ chống Pháp.
Ngày 2-5-1916 nghĩa quân các
nơi tụ họp chờ lệnh. Không ngờ
tên Trần quang Trứ bội phản báo
cho Pháp biết. Thế là cuộc khởi
nghĩa tan vỡ. Các chí sĩ Trần
cao Vân, Tôn thất Đề, Nguyễn

Siêu, Thái Phiên ra pháp trường
An Hòa đền nợ nước. Dân Huế
tiếc :

Chiều chiều trước bến Phu
văn Lâu,
Ai ngồi ai câu ai sầu ai thăm
Ai thương ai cảm ai nhớ ai
trông,
Đưa câu mái đầy chạnh lòng
nước non

Di Việt trị Việt, bọn thực
dân Pháp đưa những tên chó săn
bán nước như Nguyễn-Thân,
Hoàng-Cao-Khải, Trần-bá-Lộc,
Lê-Tuân . . . đàn-áp các sĩ-phu yêu
nước. Dân chửi thẳng vào mặt :
Hỏi ai bán nước buôn dân,
Họ Hoàng tên Khải. Nguyễn
Thân một phường.



Chém cha thẳng giặc Nguyễn
Thân
Theo Tây bán nước giết dân
phá làng
Mồ cha thẳng Lộc việt gian,
Làm cho sò nghé tan đàn
lương dân.

Và các hiền mẫu Việt nam cũng
đốt khoát cảm tình :

Trồng trầu trồng lộn cây
tiêu
Con theo giặc Pháp mẹ liều
con hư.

Trước sức mạnh của súng đạn
con cháu Rồng-Tiên biến thành
một lũ tù. Nước mất nhà tan,
giang-sơn gấm vóc bị giặc cày xé.
Nhưng dù bể dâu có mấy lần
biến đổi, lớp sóng phũ-hưng có
tràn ngập phủ-phàng, dân Việt
vẫn bảo nhau giữ vẹn lòng yêu
nhất địch không xiêu lòng vì lợi
danh bần-thiếu :

Đứng bên ni Hàn ngó sang
bên tê Hà Thanh,
Nước xanh như tàu lá,
Đứng bên ni Hà-Thanh ngó
sang bên tê Hàn,

Phổ xá nghênh ngang,
Kề từ khi Tây cướp cửa Hàn
Èo sóng Cù-Nhĩ đắp đàng
Bồng-Miêu.
Dẫn lòng em bậu chơ xiêu,
Gắng nuôi thầy với mẹ sớm
chiều có anh.

Và thống thiết gọi nhau quay
về hợp đoàn đề cứu dân vực nước
thu phục lại Sơn-Hà :

Chợ Động-Ba đem ra ngoài
giới
Cầu Tràng-Tiền đúc lại xi-
mông,
Ai người lữ vận chồng con,
Về đây gá nghĩa vương tròn
Nước-Non.

Hùng thay Ca-Dao. Đẹp thay
Ca-Dao tiếng nơi bất-khuất muôn
đời của dân-tộc VIỆT.



Công trình của Nguyễn - tấn - Long và Phan - Canh

● LAN-ĐÌNH

Nhất là đối với những quyển sách dày — như « Thi ca binh dân Việt-Nam » của Nguyễn-tấn-Long và Phan Canh, hơn 600 trang — tôi chỉ đọc để biết trước đã, chứ không đọc để viết phê bình. Bởi vì, tôi nhớ hình như A-Dumas đã phải bầy nhân vật của ông trước mặt, những con búp bê và sẽ đẹp bỏ từng con vào những lần tia bút từng người. Thì tôi sợ những quyển sách càng dày càng khó kiểm soát, càng dễ nhầm lẫn, nếu đọc bằng tinh thần phê bình, sẽ nặng định

kiến.

Tôi nói « định kiến », chứ không nói « chủ quan ». Nếu không có chủ quan thì viết phê bình làm gì ?

Xin nói thật tôi đã nhận nha đọc suốt quyển sách của hai ông Nguyễn-tấn-Long và Phan Canh. Thiện chí ? Ai mà có nỗi cái thiện chí kèn càng đó ! Tôi đã tò mò trước một vấn đề cũ trong một thể hiện mới Dĩ nhiên hai ông Nguyễn-tấn-Long và Phan-Canh phải có đủ

CÔNG TRÌNH

«thuốc thử» tôi mới tò mò đến cùng được.

Bây giờ, tôi có ba điều để viết về họ : tư tưởng, dụng công và vốn liếng.

„ Chúng ta không thể không tự mình xác định một lập trường, tư tưởng trước khi bắt tay vào công việc ấy (công việc khảo cứu văn học).

Tôi thấy tin cậy hai ông Nguyễn-tấn-Long và Phan Canh ngay từ ý thức của họ. Bởi vì tôi nghĩ, chỉ cần có tài liệu (thiếu gì), ai cũng có thể góp thành một quyển thi ca binh dân, nhưng rất ít người có thể lồng vào đó quan niệm, bản sắc tư tưởng của mình. Thuộc sách chưa phải là hiểu sách và càng chưa phải là luận được sách.

Đọc xong phần « ý niệm » của hai ông Nguyễn-tấn-Long và Phan Canh, tôi biết rằng quyển « Thi ca binh dân Việt-Nam », là một hệ luận, muốn

dẫn tới một chủ thuyết. Đại ý thi ca binh dân mới đích thực phản ánh nỗi niềm của dân tộc (quan niệm), phải thấu triệt nỗi niềm đó (lập trường), cũng là một phương tiện, một căn bản một cách « trang bị » để tự tồn, trường tồn (tư tưởng).

Tôi đồng ý về kết luận (tư tưởng), nhưng không đồng ý về lập luận (quan niệm, lập trường) của hai ông. Tôi xin viện dẫn :

Thật khó phân biệt ranh giới giữa thi ca binh dân với thi ca bác học. Đúng hơn, thật khó đoán chắc rằng thi ca bác học, vì ngoại lai, (?) hướng ngoại(?)

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

«Mên đã không phản ảnh tâm hồn dân tộc.

«Ranh giới»? Có hai ranh giới, hình thức và ý tưởng.

Hình thức, thì :

Cầu này cầu ái cầu ân,

Một trăm con gái rửa chân cầu này.

Cũng «lục bát» lắm đấy chứ? Và chẳng, «ái» và «ân» là «nói chữ» rồi, có «nói nôm» đâu!

Còn ý tưởng?

Có rửa thì rửa chân tay,

Chớ rửa lòng mày, chết cá ao anh!

Tuy không «lục bát» nữa, nhưng «đôi mắt sắc đến giết cá» cũng «bác học» lắm đấy chứ? Tôi nghĩ còn «bác học» hơn cả đầu tường lửa lụt bởi vì, từ màu đỏ đến ngọn

lửa, sức tưởng tượng chẳng có gì cao xa cả!

Ngay truyện Kiều cũng khó phân biệt giữa «bình dân» với «bác học». Nếu «bác học» ở chỗ chỉ sự... *bất tri tam bách dư niên hậu*, cũng sẽ «bình dân» ở chỗ *mua vui cũng được một vài trống canh*.

Tôi thiết tưởng người ta phải có một định nghĩa nào khác.

Trở lên, tôi mới nói hai ông Nguyễn-tấn-Long và Phan-Canh muốn phò cập một tư tưởng, chứ chưa nói đã phò cập được chưa, đây lại là chuyện khác.

Tôi cho rằng, đề đi tới đích (ở đây là tư tưởng), người ta cần phải có sức khỏe (ở đây là vốn liếng) và chọn lựa con đường (ở đây là dụng công).

Tôi phải nhìn nhận ngay rằng hai ông Nguyễn-tấn-Long và

Phan-Canh đã có đủ khả năng và đức tính đó.

Hai ông đã «chọn con đường» là *phương pháp khảo sát mời, phương pháp tổng hợp*, nó luôn luôn đòi hỏi ở khả năng lãnh hội và kỹ thuật của người áp dụng.

Phải tự tin lắm mới dám tiết lộ *phương pháp tổng hợp* này. Tôi cũng có thể bảo đảm được rằng hai ông Nguyễn-tấn-Long, Phan-Canh đã «tổng hợp». Ít nhất, họ đã đọc trên ba mươi quyển sách, quyển báo, cộng với vốn liếng sẵn có, để viết Thi ca bình dân Việt Nam. Tôi muốn nói họ đã dụng công, thận trọng.

Nhưng tôi lại không đồng ý với họ về sự phân loại thi ca bình dân. Chẳng hạn, loại *luyện ái giữa gái và trai* và loại *ý thức về cái đẹp cái xấu*, câu:

Ai xui mà đổ hồng hồng

Đề anh nhác thấy đau lòng

thương yêu

Có vẻ tán tỉnh (luyện ái) hơn là chiêm ngưỡng (ý thức cái đẹp, cái xấu) chứ? Thành thử tôi thấy, loại *luyện ái giữa gái trai* nói về tình yêu, thì loại *quan niệm về hôn nhân* cũng nói về tình yêu và cả loại *Tinh chất hồn dỗi ghen tương*... cũng nói về tình yêu nốt!

Đã đành, tôi công nhận phải có sự phân loại, người đọc mới dễ tra cứu. Nhưng nếu phân loại không ổn, sẽ trở thành... lung tung. Tôi lại nêu bằng chứng:

Trang 371, loại *ý thức về cái đẹp, cái xấu* đã có câu:

Ao anh đứt chỉ đứt khuy

Quần anh đứt đũng lấy chi hoa hòe?

Thì ở trang 399, loại *ý thức châm biếm và hài hước* lại

cũng có câu này, câu thứ 8!

Thêm nữa, tôi tự hỏi, tại sao câu :

*Ai làm cho bướm lìa hoa,
Cho chim xanh nở bay qua
vườn hồng*

Ai đi muôn dặm non sông

*Đề ai chữa chất sầu đong vơi
đầy.*

của loại mâu thuẫn giữa tâm tư và cuộc sống lại không thể thuộc loại *luyện ái giữa ái trai?*

Tất nhiên, trước một công trình đúng nghĩa một công trình, tôi nêu lên ít nhiều sơ sót không phải để trách cứ. Đề cộng tác. Hơn nữa, đề chứng tỏ rằng tôi đã đọc kỹ sách của hai ông Nguyễn tấn Long và Phan Canh.

Cho nên, những câu (tr 110): ước gì anh lấy được nàng, THÌ đúng phải là «đề» anh mua

gạch Bát tràng ANH đúng phải là «về» xây.

Trang 399 :

Bà bà đi chợ đường quai
vừa đi vừa **tĩa** (đúng phải là «bẻ» lá khoai **bưng** (đúng phải là «che») l...

Bà bà đi chợ đường cồn,
vừa đi vừa **tĩa** (đúng phải là «nhỏ») lông l... **bán trăm** (đúng phải là «xia răng»).

Vào trang 598 :

Ăn được, ngủ được là **tiên**
Không ăn, không ngủ là **tiên**
vứt đi đúng phải là «mất tiên thêm lo»)

...

Trong những trường hợp tương tự, tôi vẫn cho rằng đó là những nhầm lẫn khó tránh trong một quyển sách dày hơn 600 trang.

LAN ĐÌNH



Bài hát «HỒ KHOANG» của Nông-Dân Quảng-Ngãi

(Bài này luôn luôn được hát tập thể trong lúc đồng người cùng làm chung một việc mệt nhọc : tát nước, kéo gỗ, quét hồ, gánh củi v.v...)

*Lắng nghe câu chuyện (Trà)
sóng Trà*

*Í a hò (o) khoang
Quanh năm dòng (à) nước
(Là) Khoang hổ khoang
Triền miên (dòng) xuôi dòng
Í a hò (o) khoang.*

*Xa xa núi Ấn (hùng) kiêu
hùng*

Í a hò (o) khoang

*Thi gạn cùng năm tháng
(Là) khoang hổ khoang
Vẫn không (lòng) nao lòng
Í a hò (o) khoang
Dấu xưa Thiên bụt trời đã
dành*

*Í a hò (o) khoang
Cho dân miền khoai sắn
(Là) khoang hổ khoang
Chuyện hoang đường, hoang
đường*

*Í a hò (o) khoang
Xa xa Cỏ Lìu (buồn) u buồn
Í a hò (o) khoang
Có dòng (là) nước mát
(Là) khoang hổ khoang*

Rửa chân người qua đường.
 Í a hò (o) khoang
 Và đây Phú Thọ (lình) đã
 tỉnh

Í a hò (o) khoang
 Đến mùa (má) nắng cháy
 (Là) khoang hổ khoang
 Dừa xanh người che đầu
 Í a hò (o) khoang
 Những khi mưa gió mùa
 Đông về

Í a hò (o) khoang
 Che đầu nhờ nón lá,
 (Là) khoang hổ khoang
 Đùng quên vùng Sơn Trà
 Í a hò (o) khoang
 Mỹ Khê, xir đẹp (tư) muốn
 đời

Í a hò (o) khoang
 Giờ đây còn đâu nữa
 (Là) khoang hổ khoang
 (Bánh) đậu xanh và nước
 dừa

Í a hò (o) khoang
 Ta n thương cá bóng (dòn)
 ngon dòn

Í a hò (o) khoang
 Mía đường thì xin nhớ
 (Là) khoang hổ khoang
 Tư nguyên và Tư Bình
 Í a hò (o) khoang

Mai đây chinh chiến đã xa
 rồi

Í a hò (o) khoang
 Quê hương này hoang phế
 «Là» khoang hổ khoang
 Một tay mình lo tròn
 Í a hò (o) khoang
 Khách du khi đến miền sông
 Trà

Í a hò (o) khoang
 Xuyên qua là chợ An-Bá
 «Là» khoang hổ khoang
 Đùng quên (bò) bánh bò
 Í a hò (o) khoang.
 Không quên mạch nha dẻo
 (Là) khoang hổ khoang
 Kẹo gương kẹo gương dòn
 Í a hò (o) khoang.
 Quê hương vốn thật vùng khô
 cần

Í a hò (o) khoang
 Nhưg là vùng cắt rún
 (Là) khoang hổ khoang
 (Nên) quyết tâm (bồi) tô bồi
 Í a hò (o) khoang
 Nhưng là vùng cắt rún
 (Là) khoang hổ khoang
 Nên quyết tâm bồi tô bồi
 Í a hò (o) khoang.
 Sinh viên Quảng Ngãi
 sưu tầm



Phong
 hóa
 MIỀN



HOA HÀ-NỘI

□ CAO-NGUYỄN-LANG

Hà-nội có chợ Hàng-Hoa —
 Vàng; chợ Hàng-Hoa ở kế bên
 bờ hồ Hoàn-Kiểm.

Đặt chân đến chợ Hàng-Hoa
 khách không thể chỉ ngắm hoa,
 mà không ngắm người, những
 bông hoa bằng xương bằng thịt,
 lộng lẫy và tươi mát, không thua
 gì những đóa hoa bày trong chợ
 Hoa.

Trừ một số các bà các cô đi xem
 hoa, để mua hoa, phần đông

những anh con trai Hà nội
 mượn cơ đến đây coi hoa, để ngắm
 người.

Những cô gái hàng hoa Hà nội
 nhờ thế mà nổi tiếng không thua
 gì gái Hàng Ngang, Hàng
 Đào.

Có lẽ, các nghề bán hàng hoa
 phải chải chuốt cho tương xứng
 với những bông hoa, không riêng
 gì về mặt nhan sắc. Mà ngay đến
 cách mời mọc, lời ăn tiếng nói
 cũng phải làm sao cho thanh thư,

địu dàng.

Hầu hết các cô, là gái các làng phụ cận Hà nội, những làng thò sản về hoa, như : Ngọc Hà, Hữu Dệp, Hoàng Mai — nhiều nhất là làng Ngọc Hà.

Các cô tuy chẳng «tân thời» lộng lẫy như những cô gái bán hàng cửa tiệm, ăn trắng mặc thơm, mà chúng ta thường gặp thấy ở Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Bạc. Bởi vì, cái nghề của các cô, ngoài những khi đứng ở chợ hoa, cũng còn có những công việc khác cực nhọc hơn, khi chăm bón, vun tưới, cắt sén, chở hoa ra chợ Hà nội bán.

Các cô ăn mặc theo kiểu 2 «đờ mi», nghĩa là nửa què nửa tinh. Không phần sấp loè loẹt. Cùng lắm, chỉ với một chút son tô phớt, cho môi thêm tươi, cho má thêm hồng. Nhất là vào những mùa lạnh.

Tuy nhiên, nhờ sự sửa sang khéo léo, từ cặp lông mày tỉa gọn uốn vòng như lá liễu đến mắt tóe «tò lét vè», hay chài bông bành,

búi phía sau — Sắc đẹp «mộc mạc ưa nhìn nọ diễm trang»...

Bước chân vào chợ hàng hoa quả thật không khác nào bước chân vào thế giới hương sắc lộng lẫy của đủ mọi hoa. Từ những cánh hồng nhung đỏ mướt, Cho đến những bông sồi trắng ngạt ngào. Những bông cúc vàng báo hiệu mùa xuân tới. Những bông thược dược soè cánh đủ màu tím vàng, xanh. Những bông sen trắng, sen đỏ lúc đầu nấng hạ. Những chậu hoàng lan, bạch lan trổ cánh lung linh. Những cành bích đào, mai vàng, mai trắng lá ngọc lúc đông phông. Nói tóm lại là tất cả loài hoa thay đổi mỗi mùa. Về những bông hoa nở bốn mùa.

Nói đến nghệ thuật trồng hoa thì phải kể đến làng Ngọc Hà.

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

Một làng ngoại ô Hà nội.

Dân làng Ngọc Hà hầu hết sống về nghề trồng hoa. Nhà nọ nối tiếp với nhà kia. Khách bước chân đến đây không khác nào lạc vào một rừng hoa bát ngát.



Công việc hái hoa, và ra chợ bán hoa là công việc của các cô gái.

Hoa sau khi hái ở vườn về, các cô xếp ra từng loại, hoặc bó lại từng bó — Hoa nào là hoa lễ. Hoa nào là hoa bán cho khách cắm bình. Những bó hoa gói tặng thì lồng vô giấy bóng, tết những chiếc nơ màu, nơ tay cầm

cho mỹ thuật.

Lại có những bông hoa được gói thành từng gói cho khách về ướp trà hoa bưởi, hoa sồi, hoa lái, hoa cúc...

Trồng hoa đã là một nghệ thuật lựa hoa lại đòi hỏi sự tỉ mỉ. Song, sản sóc hoa càng cần có nhiều công phu và kiên nhẫn hơn.

Có những bông hoa phải cắt lúc chớm nụ, kim cho nó khỏi nở sớm, để ngày mai đem ra bán ở chợ, khách mua về nhà bông mới nở đều.

Song công phu nhất vẫn là cách gọt tỉa những giò hoa Thủy tiên ngày Tết.

Ngày xưa ở Trấn ba Đình, hàng năm, vào đêm giao thừa có

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

cuộc thi gọt giò hoa Thủy tiên.

Vào dịp này, các cô gái Ngọc Hà, Hữu Diệp Hoàng Mai tranh đua với các cô gái Hà nội.

Việc thi gọt cho hoa nở định giờ, không phải chỉ đơn thuần cho việc gọt tỉa giò hoa mà thôi. Mà còn có rất nhiều điểm phụ khác. Chẳng hạn chậu đựng hoa phải lựa chọn như thế nào cho thích hợp với màu hoa màu lá. Cách thức đặt giò hoa ra làm sao, cho những chồi xanh; và bông nở xum xuê. Nước phải pha ra sao cho đủ nhiệt độ, tùy thuộc nơi thời tiết để hoa nở đúng giờ.

Những giò hoa gọt nở đúng giờ giao thừa. quả đã nghệ thuật. Nhưng chưa siêu phẩm, bằng những bông hoa vào giao thừa chỉ hơ nở hàm tiếu; chờ đến sáng mừng một thì mới nở bung.. thật đều và thật đẹp!

Tài gọt giò hoa Thủy-tiên của những cô gái Ngọc Hà bao giờ cũng nhất!

Những ai đã từng đặt chân

đến Hà nội; đều không thể không đi thăm chợ Hàng Hoa đi thăm thế giới màu sắc của những bông hoa nở bốn mùa.

Những nàng con gái Hà nội những bông hoa làng Ngọc Hà quả thật đã tô điểm rất nhiều cho đất ngàn năm văn vật.

Bởi thế mới có câu :

Gái Ngọc Hà, Hoa Hà nội

Hoa Hà nội ở đây có thể là chợ Hàng Hoa. Cũng có thể là những bông hoa nổi tiếng của Hàng Hoa, Hàng Đào là của tất cả Hà nội. Ai muốn thế nào cũng được. Và cũng đều đúng cả.

PENI-V	200.000 đv
	400.000 đv
	500.000 đv
Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- G	

MÀU SẮC TRONG HỘI HỌA

● **TRẦN LỆ-TÀI**

TRONG vật lý học, người ta đề cập tới màu sắc khi nói về sự phân tán ánh sáng trắng và chiếc đĩa của Newton. Nếu ta rọi ánh sáng trắng qua một lăng kính, ánh sáng đó sẽ phân chia ra làm 7 màu: đỏ, cam, vàng, xanh, lam, chàm, tím.

Những màu mà ta thấy được nằm trong phạm vi những luồng sóng cực ngắn, từ 0,75 micron (đỏ rực) tới 0,4 micron (tím chói). Ngược lại nếu gom 7 luồng ánh sáng màu vào một điểm (bằng cách dùng một kính lồi chẳng hạn), ta sẽ tạo ra ánh sáng trắng.

Trong phạm vi của hội họa và trang trí, người ta loại bớt màu chàm (vì nó không rõ rệt) và giữ lại sáu thôi.

● **Màu bạc nhất, hai và ba.-**

Thiệt ra, chỉ có 3 màu là căn

bản. Người ta gọi chúng là màu bạc nhất (*couleurs primaires*) vì có thể dùng chúng để pha trộn tạo ra màu bạc 2 và bạc 3. Ngược lại, không thể dùng màu bạc 3, để trộn thành màu bạc nhất.

Màu bạc nhất gồm có: đỏ (*rouge*), vàng (*jaune*), lam (*bleu*) (1).

Nếu lấy 2 trong 3 màu bạc nhất trộn với nhau, ta sẽ có một màu bạc hai. Màu bạc hai (*cou-*

(1) Theo thói quen, chúng ta thường gọi nó là xanh dương, để phân biệt với xanh lá cây — nhưng không đúng. Xanh lá cây là một sắc biến (*nuance*) của xanh (*vert*), còn xanh dương thì chỉ nên dùng để gọi *vert bleu* (hoặc *vert bleuté outre-mer*).

leurs binaires) gồm có : cam (orangé), xanh (vert), tím (violet).

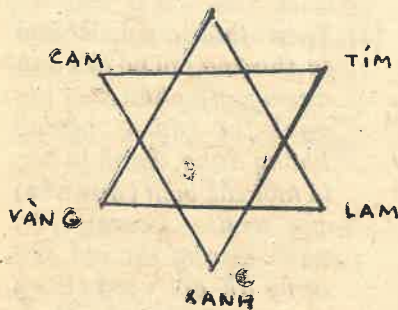
Còn màu bạc ba thì do 3 màu bạc nhứt pha trộn thành, theo một tỷ lệ :

— nếu màu đỏ nhiều hơn vàng và lam, ta có màu nâu (brun)

— nếu màu vàng nhiều hơn đỏ và lam, ta có màu vỏ trứng gà (beige).

— Nếu màu lam nhiều hơn đỏ và vàng, ta có màu xám (gris).

Màu mực do ba tiếng Pháp «couleurs ternaires» dịch ra



Để dễ hiểu sự liên lạc giữa

các màu bạc nhứt và bạc 2, người ta thường trình bày chúng theo một hình ngôi sao có 6 cạnh đều, như hình dưới đây, và gọi nó là cung màu (Rosace chromatique) :

● Màu nóng và lạnh.

Với 9 màu vừa kể (bạc 1,2,3,) người ta còn phân ra làm 2 loại, là màu nóng và màu lạnh. Màu nóng là những màu, nếu để chúng lẫn át trong một bức tranh (hay một hình có màu nào đó), chúng sẽ gây cho ta cảm giác ấm áp, nóng nực, bức bối... tùy trường hợp. Màu lạnh là những màu gây cho ta cảm tưởng ngược lại. Vì vậy, nhiều nhà trang trí đã sử dụng màu nóng hoặc lạnh để tạo nên một khung cảnh (ambiance) nào đó. Từ nhiều năm nay, tâm lý học cũng nhận ảnh hưởng của màu sắc đối với tinh thần con người và cần thú. Ở nhiều địa hạt khác (-hàng hạn đối với sự sinh trưởng của thảo mộc), màu sắc cũng giữ một vai trò hữu ích.

Ba màu nóng chánh là : đỏ, cam, vàng. Ba màu lạnh chánh là :

lam, tím, xanh. Màu nâu và vỏ trứng gà có thể xếp vào loại nóng, và xám vào loại lạnh.

● Màu tương phản và kế cận

Có những màu chống đối nhau và những màu bổ túc nhau. Hai màu chống đối nhau là khi nào đặt cạnh nhau, màu này sẽ làm cho màu kia chói rục lên thêm. Người ta gọi chúng là màu tương phản. Trong «cung màu» vừa nói qua, ta thấy đỏ đối diện với xanh, hoặc cam đối diện với lam. Ta có cả thấy 3 cặp màu tương phản là :

- đỏ tương phản với xanh
- lam tương phản với cam
- vàng tương phản với tím.

Cũng trong cung màu, ta thấy cam và tím ở vị-trí kế cận đỏ.

Vậy cam và tím là 2 màu kế cận đỏ. Và chúng ta có thêm :

- cam và xanh là 2 màu kế cận của vàng
- tím và xanh là 2 màu kế cận của lam

của lam

Nói một cách khác, màu kế cận của đỏ là màu trong đó có chứa đỏ, màu kế cận của vàng là màu trong đó có vàng v.v...

● Sắc và sắc biến.-

Mỗi màu có thể pha ra thành nhiều sắc, bằng cách :

— pha với (màu) trắng ra các sắc lợt

— pha với (màu) đen ra các sắc đậm (2)

Vậy sắc là một hình thức lợt hay đậm hơn của một màu nào đó.

Nếu lấy một màu trong «cung màu», pha với màu kế cận của nó ta sẽ có một sắc biến. Vậy sắc biến là một hình thức biến chuyển

(2) Trắng và đen, thiết ra không phải là màu. Trắng là sự tổng hợp của bảy màu, và đen là sự vắng mặt của 7 màu như ở đoạn đầu bài này có nói qua.

MÀU SẮC

của màu chẳng hạn :

— đỏ pha với cam, ta có sắc biến của đỏ

— cam pha với đỏ, ta có sắc biến của cam

— lam pha với tím, ta có sắc biến của lam, v.v...

● Hòa hợp màu và sắc.-

Sắp đặt màu sắc sao cho dễ xem, không «chườ» nhau. Đó là mục đích của các phương-pháp hòa hợp. Có 3 phương-pháp :

1) Hòa hợp cùng một màu (harmonie de tons sur tons) là dùng nhiều sắc của một màu, chẳng hạn : đỏ, đỏ lợt, đỏ sậm, trắng, đen. Phương pháp này dễ nhứt, và thường được sử dụng để tạo ra cảm giác êm dịu, nhẹ nhàng cho người xem.

2) Hòa hợp kề cận (harmonie do consonance) nếu ta dùng màn kề cận nhau, cùng các sắc của chúng. Ví dụ : đỏ, đỏ lợt, tím sậm, trắng. Phương pháp này được sử dụng để tạo ra cảm giác vui tươi, trẻ trung...

3) Hòa hợp tương phản (harmonie de contraste) nếu ta dùng 2 màu tương phản nhau cùng các sắc của chúng, ví dụ : đỏ, đỏ sậm, xanh lợt, đen. Phương pháp này tuy khó, nhưng nếu thành công, giá trị của bức tranh (hay vật được trang trí) thường vượt xa 2 phương pháp trên.

Tất nhiên, ba phương pháp trên đây có tánh cách «ổ đễ» và «giáo khoa». Nhiều họa sĩ hoặc trang trí gia vẫn phá luật lệ và sử dụng màu sắc theo sở thích và năng khiếu của mình, nhưng đó lại là chuyện khác. Giữa một thợ thợ với một thi sĩ, sự khác biệt cũng giống với giữa một thợ vẽ và một họa sĩ : nó tùy thuộc vào một năng khiếu đặc biệt mà người ta gọi là «sự tế nhị».



CHO QUÊ HƯƠNG

Một khúc bánh mì, một đồng tiền lẻ
Vứt vào tay kẻ khát thực cầu xin... !
Mấy mươi năm chiến tranh tràn vai mẹ
Biết bao giờ ! Mẹ tỉnh giấc có miền

Sao mãi năm yên, mẹ không lên tiếng
Có phải không mẹ run sợ cảnh này,
Bom nổ, đạn rên, máu loang thành biển ?
Cháu Lạc, con Hồng nếm đắng nuốt cay !

Một tiếng nổ tung, một người nằm đấy
Chẳng kịp than trong phút cuối biệt ly
Chỉ còn lại ngoằn ngoèo trên trang giấy
Tên tuổi người đã vĩnh viễn ra đi

Đàn nổi nhịp từng người xuyên thiên lý
Mang hành trang, từ bỏ chuỗi ngày vui
Ngăn dòng máu quê hương đang rên rỉ
Tạo màu xanh cho quê mẹ bớt ngậm ngùi

KIM-NGOC TRẦN-LÊ
(b.n. Tuổi Hóm Nay)

NGƯỜI ĐÀN BÀ CHẾT

của DAVID H. KELLER
GIANG-TÂN dịch

NGƯỜI ta bắt gặp chàng ngồi trong phòng, cạnh vợ chàng, vẻ mặt hơi ngờ ngác, nhưng bề ngoài không có gì dị thường cả. Chàng không có ý dấu giếm một điều gì, ngay cả việc trên tay chàng đang cầm con dao để lóc từng miếng thịt vợ mình để xếp ngăn nắp vào hòm.

Nhưng may mắn làm sao là viên thanh tra có trách nhiệm điều tra nội vụ có một trí thông minh vượt bậc, hơn cả óc thông minh của kẻ ở mức trung bình. Ông áp dụng một phương pháp điều tra «nhẹ nhàng», mà hết sức khoa học.

Con người bị nghi là hung thủ được săn sóc ăn uống đàng hoàng, được ngủ thẳng giấc... và sáng hôm sau, sau khi được tắm rửa xong, cạo râu xong, người ta mới dẫn hắn đi theo cùng một bác sĩ chuyên về bệnh thần kinh.

Bác sĩ đề hắn ngồi vào một chiếc ghế bành vững chắc, biết hắn thích hút thuốc, liền đưa cho hắn một điếu «xi gà»

Sau khi đã tạo được một không khí hết sức thân mật, bác sĩ lần lượt hỏi hắn :

— Ông Thompson ạ. Tôi biết chắc chắn rằng ông rất có lý trí khi ông hành động như

vậy. Vậy ông có thể kể đầu đuôi câu chuyện diễn ra như thế nào không ?

Hắn nhìn vị bác sĩ, hỏi lại :

— Bác sĩ có tin tôi khi chính tôi kể chuyện tôi đã làm ?

— Tôi vui lòng nghe ông và tin tưởng ông sẽ kể đúng sự thật cho tôi nghe.

Thompson lầm bầm :

— Tôi cũng không đòi hỏi gì hơn nữa. Nếu như tất cả những người trước đây mà tôi đã gặp và họ có một thái độ như bác sĩ, hay ít ra họ chịu khó suy xét lại câu chuyện tôi kể họ nghe thì đã không xảy ra chuyện gì hết. Nhưng người ta cứ xem tôi là kẻ bệnh hoạn và không ai đón những lời tôi nói ra.

Tôi đặt giả thuyết, dưới mắt một số đồng chí coi tôi được sống trong hạnh phúc gia đình đi. Lẽ dĩ nhiên, trong cuộc sống chồng vợ, có vài sự

bất đồng với nhau, nhưng sự thật, giữa vợ tôi và tôi thì không có những bất đồng nào quan trọng cả. Bác sĩ xin nhớ cho tôi điều này : vợ chồng tôi chưa lúc nào cãi vã nhau dữ dội cả.

Cách đây lối chừng một năm sức khỏe của vợ làm cho tôi khá nhiều lo lắng. Thưa bác sĩ, nếu bác sĩ đã lập gia đình, bác sĩ sẽ cảm thông điều tôi vừa nói. Chúng ta thường làm quen với sự xuất hiện của một người đàn bà, người ấy săn sóc đến chúng ta, và chúng ta cùng người ấy đi xem hát, đi dạo chơi, rồi chúng ta thử tự hỏi là chúng ta sẽ ra sao khi người đàn bà đó nằm xuống vì bệnh hoạn hay bỗng chết đi ? Chính cái băn khoăn lo nghĩ quá chừng cho tương lai đó làm cho tâm hồn của chúng ta không được bình thường.

Vợ tôi ngã bệnh thật. Vợ tôi mắc bệnh ho. Thân hình vợ tôi cứ mỗi ngày mỗi gầy đét lại. Tôi có ý săn sóc đến vợ tôi, mua cho vợ tôi một

chai thuốc bõ. Vợ tôi uống thuốc nói là để làm vui lòng tôi nhưng một mực bà ta nói rằng bà vẫn mạnh. Bà ta còn nói người đàn bà theo «mốt» mới là cần phải có một thân hình mảnh mai, nàng nói thêm, sở dĩ bà bị ho là chỉ vì thân kinh bị giao động.

Nàng không chịu đi khám bác sĩ. Tôi đem câu chuyện kể lại bà mẹ vợ nghe. Bà này chế nhạo tôi nói rằng con gái bà sẽ mập thêm nếu như tôi cứ quá chăm lo cho vợ. Thế rồi, không một người bà con thân thuộc nào, không một người bạn thiết nào nhận thấy rằng vợ tôi mỗi ngày mỗi héo hơn thêm. Tôi cũng không lo nghĩ gì đến sức khỏe của vợ tôi nữa. Nhưng rồi, những trăng ho xé phổi của nàng về đêm làm cho tôi rất khó chịu. Suốt ngày, tôi phải làm việc cực nhọc, vì thiếu ngủ, tôi đâm ra thần thờ như người mất trí. Cuối cùng, tôi bắt buộc phải tỏ ý kiến với vợ, yêu cầu nàng để tôi ngủ nhờ ở nhà một người bạn gần

nhà.

Nhưng tôi cũng không cảm thấy dễ chịu thêm một chút nào. Tôi vẫn nghe vợ tôi ho. Đợi đến khi vợ tôi thiu thiu ngủ, tôi rón rén bước vào phòng nàng xem sự thê ra thế nào. Con ho của nàng làm tôi khó chịu, nhưng khi nàng không ho nữa, tôi càng lo lắng hơn vì tôi nghĩ rằng có cái gì nguy hiểm đang đến với nàng.

Và một đêm nọ, nỗi lo sợ của tôi trở thành sự thật. Vợ tôi bỗng hết ho, sau một trăng ho dài. Im lặng đè nặng xuống căn phòng. Tôi nghe rõ từng tiếng «tic tắc» của chiếc đồng hồ treo trên vách. Tôi nghe cả tiếng chuột kêu rả rích ở nhà bếp. Tôi nghe cả tiếng tim tôi đập... nhưng ở căn phòng của

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CŨM

vợ tôi, không có một tiếng động nào vang lên.

Khi tôi bước vào phòng, thấp đèn lên, tôi biết rằng, không còn gì nữa ! Tôi có ý định gọi bác sĩ. Nhưng khi bước đến chiếc bàn có đặt máy điện thoại, tôi tự hỏi mình sẽ nói gì với bác sĩ đây vì ông này luôn luôn quả quyết nói rằng sức khỏe của vợ tôi được hoàn toàn, không có gì phải lo nghĩ cả.

Muốn được yên lòng, tôi khâm khoản bác sĩ đến nhà.

Một tiếng đồng hồ sau, bác sĩ đến. Có lẽ, ông bện cạo râu ? Bác sĩ bước vào phòng vợ tôi, còn tôi đứng ở ngưỡng cửa. Bác sĩ nghe tim, bắt mạch, xong đứng dậy đi ra và nói :

— Bà ấy vẫn mạnh, ngủ ngon. Không có gì đáng nói nữa. Nhưng tại vì sao ông cứ tin là vợ ông bị bệnh ?

Tôi ngạc nhiên đến sửng sốt, ấp úng không biết nói gì.

Vị bác sĩ cười, vỗ tay mạnh

vào vai tôi, rồi vừa đi, vừa nói :

— Ông Thompson ơi ! Ông quá lo lắng cho sức khỏe của vợ ông !

Từ lúc đó, tôi lại cảm thấy càng khó xử hơn. Ông bác sĩ kia, ông biết nghề nghiệp của ông, ông cho rằng vợ tôi vẫn khỏe mạnh. Còn tôi, một thợ kỹ kế toán tầm thường, tôi thấy sự thật trái ngược. Bây giờ, tôi phải làm gì ? Ông bác sĩ này có lầm lẫn không ? Tôi có nên gọi một bác sĩ khác không ?

Một ngày mới bắt đầu.

Tôi xuống nhà bếp, đun nước, pha cà phê. Tôi vẫn thường làm công việc ấy. Tôi chiên trứng gà. Điem tâm xong, cạo râu, chuẩn bị đi đến sở làm. Trước khi bước ra khỏi nhà, tôi tạt vào phòng vợ tôi, ngồi cạnh vợ một lúc. Quả thật, tôi rất lo lắng nhưng tôi tự nhủ là bác sĩ phải biết rõ hơn tôi về sức khỏe của vợ tôi !

Cần thận hơn, tôi gọi điện

thoại cho bà mẹ của vợ. Tôi yêu cầu bà ở lại nhà tôi vì tôi vẫn định ninh vợ tôi đang ở trong một trạng thái bất an. Tôi còn dặn bà có thể gọi điện thoại đến sở báo tin cho tôi bất cứ vào giờ nào.

Và tôi đến sở làm.

Bước ra ngoài trời, có ánh nắng ấm áp, tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Làm việc ở sở sau hai, ba tiếng đồng hồ, bỗng dưng tôi nghĩ mình quá thật ngây dại.

Suốt ngày hôm đó, tôi không nghe bà mẹ vợ tôi gọi điện thoại cho tôi một lần nào cả.

Sáu giờ chiều, tôi trở về nhà. Nhà cửa vẫn được thắp sáng như thường lệ. Bà mẹ vợ cùng vợ có ý đợi chờ tôi. Cả hai cho tôi hay là buổi cơm tối đã sẵn sàng. Lễ dĩ nhiên tôi rất ngạc nhiên khi thấy vợ tôi đi lại bình thường, không có một dấu hiệu nào chứng tỏ nàng đang lâm bệnh cả. Trong suốt bữa cơm, tôi chú ý quan sát vợ tôi, như giữ gìn khéo

léo không cho vợ tôi biết là tôi đang chú ý đến nàng. Theo thói quen, vợ tôi ăn uống thật diêm dúa. Tôi có cảm tưởng như nàng nhai thức ăn ở bên ngoài đầu môi. Tôi lại đề ý đến cử chỉ xê dịch của nàng. Lạ thay! Cử chỉ của nàng giống hệt như cử động của một con người máy.

Nhưng bà mẹ vợ thì không đề ý gì cả. Lúc tôi tiến chân bà ra cửa để chúc bà một đêm ngủ ngon, bà cũng không nói nửa lời về tình trạng sức khỏe của con gái bà.

Ăn xong, tôi đi rửa chén bát. Tôi vẫn thường làm công việc đó. Còn vợ tôi ra ngồi ở phòng khách, nhìn người qua lại trước đường phố. Soạn dẹp ở nhà bếp xong, tôi lên phòng khách, đứng gần nàng tìm một câu chuyện nhỏ ngộ cùng nàng cho không khí thêm vui nhưng nàng không trả lời. Từ giờ phút đó, tôi nghĩ rằng vợ tôi không tiếp chuyện với tôi, nhưng tôi lại định ninh là nàng sẽ nói chuyện rất nhiều với những

người khác?

Đốt xong điếu thuốc, tôi chúc vợ tôi ngủ ngon và lên giường nằm.

Mấy phút sau, tôi nghe vợ tôi cử động trong căn phòng. Rồi im lặng hoàn toàn. Có lẽ vợ tôi đã ngủ?

Nàng không còn ho nữa. Tôi cảm thấy vui vui vì như vậy, tôi mới có thể yên giấc hơn.

Nửa đêm, tôi thức dậy, đốt một cây nến rón rén bước vào căn phòng vợ tôi. Tôi nhìn thấy rõ ràng mắt nàng mở to, nhưng đôi mắt ấy mất cả sự trắng hiện ra. Hơn thế nữa, dường như vợ tôi không còn thở nữa! Tôi cầm mặt gương đưa ra trước mũi nàng. Không có làn hơi nào làm nhòa mặt gương cả.

Qua ngày hôm sau, cảnh cũ lại diễn lại. Nhạc mẫu của tôi tới thăm con gái. Tôi ở sở trở về nhà thì trời đã tối. Sau

khi dùng cơm với vợ và mẹ vợ, tôi làm công việc rửa chén. Thường nhật, tôi vẫn làm công việc ấy. Hôm nay, rửa chén bằng nước nóng, nên tôi rửa kỹ hơn nữa, vào lúc đó, tôi chưa muốn vội vàng lên phòng khách sớm vì tại đây, vợ tôi còn ngồi nơi cửa sổ. Nàng đưa mắt nhìn khách đi đường.

Đêm hôm ấy, tôi bước lên phòng riêng của tôi mà không hút thuốc «xi gà» như thường lệ để dễ đánh hơi tất cả mùi hương lạ trong phòng. Quả thật, có một mùi hương lạ phảng phất trong căn nhà tôi. Mùi hương đó giống mùi bông hoa đề lâu trong nhà, không rõ bạn có tưởng tượng ra mùi hương lạ đó không? Nó hơi nặng nặng, hơi ngọt ngào. Mùi hương đó tỏa mạnh hơn trong phòng của vợ tôi bắt buộc tôi phải đốt một điếu «xi gà» hút và tôi đã hút điếu này tiếp đến điếu nọ luôn trong hai ba giờ liền.

(Còn 1 kỳ nữa)

Tưởng nhớ cụ ĐÀO-TẤN

Tác-giả những tuồng Hát bội nổi tiếng

● HOÀNG TRÚC LY

TRƯỚC cuộc đời, tôi là kẻ cô đơn. Nỗi cô đơn khá lớn và nặng, khi đời dành cho tôi mọi ngược đãi, ngoại trừ một ân huệ duy nhất: tình mẹ. Trong vòng tay người mẹ, tôi tìm ra lẽ sống, tôi trở nên thi sĩ. Ngày hôm nay, tôi quả quyết không đến đời bàn tiện với đời hỏi kim tiền và đực cái. Tôi nhất thiết không bằng lòng nếp sống giản dị, dung dị: là giáo sư tỉnh lẻ, là công chức cần cù cưới vợ, để con, cần cù đợi cuối tháng lãnh lương, đợi già đời về hưu, rồi thừa hưởng số lương hưu trí, Và chết. Và hết.

Chính đôi mắt, tấm lòng và đức hạnh của mẹ tôi là duyên do rạch ròi giúp tôi thoát khỏi mọi công thức,

mọi ước lệ xã hội ấy. Tôi tôn thờ, mến yêu mẹ là cố nhiên. Bởi mến yêu mẹ, tôi yêu mến luôn cả họ hàng bên ngoài, cả con đường mang tên Đào Tấn, những buổi chiều tôi lang thang vùng Chợ Lớn, đi trên đường đầy kỷ niệm kia. Từ ấu thơ, tôi đã vô vàn hãnh diện được biết mẹ tôi, bà Đào thị Tiểu Tố, vốn giọng dõi cụ Đào Tấn, bậc thầy của nghệ thuật sân khấu cổ điển miền Trung. Đáng lẽ lịch sử văn học Việt Nam phải dành cho cụ Thượng Đào một vị trí vinh quang nhất, như người Pháp biết ngưỡng mộ Corneille, như người Anh biết tôn thờ Shakespeare. Tôi từng đọc qua những kịch phẩm «Trầm Hương Các», «Hộ Sanh Đàn», «Tam

TUÔNG NHỚ

quốc cổ thiên»: của Đào Tấn. Ngoài thành tích sáng tác và nhuận sắc trên mười vở kịch, mỗi vở dài từ hai, ba... đến mười nghìn trang, cụ Đào Tấn còn là thi gia lỗi lạc, thường làm thơ chữ Hán. Trường nam Cụ Đào Tấn là quan Án Sát Đào Thụy Thạch (đã từ trần) và một trong những ái nữ là bà Đào Trúc Tiên đều nức tiếng thơ hay. Tập thơ giá trị của cụ Đào Tấn hiện do bà Đào Trúc Tiên gìn giữ.

Trong phạm vi bài này, mến yêu và kính cần nhắc nhở đến bà cô, bà Đào trúc Tiên, nay đã 83 tuổi thọ. Những cơ hội hầu chuyện cùng bà bên tách trà sen, tôi cảm động nghe giọng ngâm của nữ sĩ tiền bối, tôi bàng hoàng trước những màu huyền vang bóng một thời. Xin trích đăng đoạn hồi ký của bà kể lại cùng các con — và hình ảnh «Ông ngoại» trong hồi ký chính là cụ Đào Tấn:

«...»

Những chuyện xa xưa

Trong khi thanh nhàn, Mẹ kể lại những chuyện xưa, hồi còn Vua Thành Thái:

Lúc ông ngoại con ngồi Tổng Đốc An-Giáp, lần thứ nhất, mẹ mới 2 tuổi. Mãi đến mẹ 7 tuổi ông ngoại mới được Chi triệu về Triều sung chức Bình Bộ Thượng Thư, nhưng ông

còn dưng số xin về quê tĩnh thân, (thăm Bà cô) nhân chúc thọ Bà Cố 80 tuổi.

Về Bình Định, & Vinh-Thạnh một tháng, lo làm lễ chúc thọ Bà Cố. Trước hết, thông báo cho thân thuộc xa gần tề tựu, và sắm sửa phẩm vật đầy đủ các khoảng, gia môn trang trí cho

huy hoàng, tôn nghiêm. Thiết một chiếc sập cần trái nệm gấm, đề rước Cổ ngồi, và 1 chiếc bàn phủ khăn thêu đề khay rượu, (Tứ Tửu Trường Xuân). Rượu của Vua ban, và mâm phẩm vật quý giá, ghế dài sơn thếp, để cặp Ngà Voi già, đó là lễ dâng chúc thọ Bà Cố.

Nguyên do cặp Ngà Voi là của ông Đề Niên, đồng chí của Đề Thám, ông Niên bị đả hộ Pháp bắt được, định xử án tử hình, song ông ngoại hết lời biện bác, che chở và bảo đảm, cho ông Niên khỏi tội. Rồi ông Niên đem cặp ngà Voi của ông ấy săn được, để cảm tạ và kỷ niệm tấm lòng công bình nghĩa khí của ông ngoại. Vì thế, ông ngoại mới đem dâng cho Bà Cố, để tỏ lòng đội ơn Bà cố đã giáo dục ông ngoại, nên ông mới có được những đức độ đó.

Rồi ông bà ngoại mặc lễ phục đứng lên dâng rượu, và dâng phẩm vật chúc thọ Bà Cố. Các con cháu từ thân đến sơ, toàn thể y phục chỉnh tề, đứng xếp

hàng theo thứ tự bày tỏ ý nghĩa vui mừng, kính cần.

Lễ mừng xong, yến tiệc khoản đãi trong thân lân hương tộc.

Lại xây châu hát ba ngày đêm. Ngày đầu tiên là các con cháu hóa trang đóng tuồng, ra sân khấu, trình diễn rất vụng về, dở ngớ, đề Bà cố vui cười. Qua ngày thứ 2, thứ 3, thì chọn chính danh ca nghệ sĩ, diễn những lớp tuồng thật đặc sắc, như lớp *Tây du tam tạng* sang Thiên Trúc cầu Kinh, thì Tam Tạng cỡi ngựa thiết. Lớp *Triệu tử Long* đoạt A Đầu, thì lấy nước vào dấm ruộng to trước cổng nhà, làm sông thả thuyền thiết xuống mà diễn tuồng v.v.. Ông ngoại nghèo, nhưng chẳng biết thế nào đề phi tấm lòng đối với đức sinh thành trong muôn một, mới đưa ra những cuộc vui lạ mắt cho Bà Cố vui. Sau 1 tháng hoàn tất, mới ân cần mời rước Bà Cố ra Huế phụng dưỡng trong lúc vắng niên.

Ông ngoại về Huế nhận chức Thượng Thư Bộ binh. Ông và

mấy cậu ở tại Bộ, bà ngoại, mẹ và mấy Di nhỏ ở vườn, tức là Mai Viên. Lại dựng riêng một biệt thự tiện nghi đầy đủ nô tỳ, đề Bà Cố ở, vì Bà cố thờ Phật, Mặc dù Bà cố ở riêng nhưng bà ngoại và tụi cháu vẫn thường vẫn au thị thiện. Như thế được 4 năm, vừa Bà cố từ trần, ông ngoại rất ai bị thống thiết. Sau 2 tháng mới cử hành tang lễ, thật long trọng tôn nghiêm. Đức Từ Dũ, Từ Cung và Vua Thành Thái, sắc tứ gấm vóc bạc vàng và Kim bội.

Ông ngoại xin về cư tang 3 năm, vừa mới 1 năm đã có chiếu chỉ đoạt tình: đức Thành Thái cử ông ngoại đi Tổng Đốc Nam Nghĩa. Được 8 tháng, lại có sắc chỉ thiên chuyển ra Tổng Đốc An Tĩnh lần thứ 2. Già từ Nam Nghĩa khởi hành từ bến sông Vĩnh Điện, tới nghỉ lại huyện Hòa Vang. Ông huyên sở tại đưa con hát tới hát hầu mừng một đêm. Sáng mai lên đường, bằng đường bộ ra Huế.

Ông bà, các cô cậu đi vắng, người tùy tùng đi cán, và ngựa,

theo đoàn hành trang. Đường từ Quảng Nam ra Huế, có những nơi gọi là «Đèo Cụt» nơi thì «Bãi Dài», nên ông có những câu mua cười:

*Đèo cụt qua rồi đến bãi dài
So đi tỉnh lại nhọc và hai,
Xinh xoàng ba chén đêm
nạp nghỉ
Đệ nhứt Hùng Sơn để đến
mai*

Sáng mai lại lên đường, vừa qua ải Vân, tức là «Đệ nhứt Hùng Sơn.» Ông lại có câu thơ nữa:

Quá Hải Vân quan

*Hải Vân quan thượng ngọ
phong vi
Tế vụ hàn yên bạn khách y
Hò hấp vạn sơn thanh lãnh
khí
Trường an gia cận hảo huê
quy.*

Mẹ tạm dịch:

*Gió nhẹ ban trưa giữa Hải
Vân*

Sa mù vương lạnh áo hành nhân
Thở hơi trong mắt muôn trùng núi
Mang hết nguồn xinh về Huế gần.

Về tới Huế thăm lại gia viên,
vui mừng quá, ở lại 10 hôm, bà con kẻ xa người gần, tôi đón đưa thăm hỏi, thật là rộn rịp.

Lúc đó vào khoảng tháng 12, năm Mậu Tuất, Thành Thái đệ thập niên. Sau 10 hôm lại tạm biệt Núi Ngự sông Hương, đăng trình hướng Bắc. Cũng Vọng, cán, ngựa, hành lý, gia nhân v.v.

Lần này chỉ đi bộ độ 2 tiếng đồng hồ, tới An Hòa còn địa phận Huế, ông ngoại lại muốn đi đường thủy để phong lưu ngắm cảnh giang hồ. Mới thuê đò từ bến sông Tam-giang tục gọi là đò Nhà Hồ, ba đêm ngày mới tới Tỉnh Quảng Bình. Trong lúc đi đò ba đêm ngày, cũng nhiều chuyện thích thú lắm! Thuê 6 chiếc đò có mui, to đại hạng, kết thành đôi, đi song

song ba cặp, thanh thang giữa trời rộng sông dài.

Đông đã tàn, xuân sắp tới, màu trời rất đẹp, vào những đêm trăng đã khuya chị em rủ nhau ra ngắm trăng lung linh dạo theo sóng nhẹ, một vẻ đẹp cao đài thanh tịnh, và nghe mấy cô lái đò hát những câu tâm sự, «Thương anh em cũng muốn vô, sợ trường nhà Hồ sợ phá Tam-giang» «Tôi đây đất nước lạ lùng, con chim kêu cũng ngại, con cá vùng cũng lo» giọng hát mái đày hay quá, nghe say mê.

Có những lúc đò ghé vào bến Chợ, mua thức ăn, mẹ mua mía, khoai, đi dề xuống đò nằm nghỉ mà vui cười. Một hôm thuyền đậu nghỉ bến Tam-giang, xảy có mấy chiếc xuồng nhỏ của kẻ cướp rượt tới tỉnh bề ăn cướp, kịp thời mấy người đội hầu đưa súng ra bắn chỉ thiên, bọn cướp tháo lui chạy hết, mà mẹ còn run như cây sậy, buồn cười quá! Tam-giang là một giòng sông có «phá» rất nguy hiểm, trái lại sông rất đẹp, ông ngoại có câu thơ:

Châu quá Tam-giang
Giang vân viễn cận thủy
Ngạn khúc thôn tà, tuế hựu canh.
Ai tuyệt Tam-giang phong
Cầu đương quy phóng nhứt
phần khinh.

Mẹ tạm dịch:
Làn mây dạo nước bóng xa gần
Xóm uốn quanh bờ, đã đổi xuân,
Đẹp tuyệt tam-giang mưa gió thổi
Thuyền về sóng nhẹ lướt ung dung.

Tới tỉnh Quảng-Bình lại rời thuyền lên đường bộ, 7 ngày nữa mới tới tỉnh Hà-Tĩnh. Hành trình trong 7 ngày này cũng lắm chuyện thích. Những đèo cao hố sâu, khe-cả, khe nước-nóng, đá nhảy. v.v. nhiều rừng rậm âm u, những đường quê khúc khuỷu ngày đi đêm nghỉ, thỉnh thoảng lại có một chuyến đò sang ngang. Mỗi khi vào quán trọ phải chiêm

cho được 3, 4 gian mới đủ chỗ, vì gia quyến đông, hành lý nhiều, và phải tính đường đi cho đúng cung đải, nếu không đúng cung đải thì không nhà cửa quán xá cho mà nghỉ.

Mỗi khi tới quán trọ nghỉ, là quanh vùng đó họ kéo nhau tới từng đoàn vây quanh rồi trầm trồ chỉ trỏ, coi cho đến khi mình bày mâm bát ra ăn cơm nữa. Buồn cười quá! Gần tới tỉnh Hà-Tĩnh, qua Hoàn-sơn, (Đèo Ngang) phải xuống vũng để trèo đèo. Đèo Ngang cũng một cảnh thiên nhiên xinh lắm, nghe chim kêu vượn hú hơi buồn, như thơ bà Huyện Thanh Quan đã tả. Khi qua đèo Ngang, trời mưa chưa dứt hẳn, lại ửng lên áng mây cầu vồng ngũ sắc rất đẹp, nên ông ngoại có bài thơ:

Quá Hoàn sơn
Hoành quan la hạ tiểu
Lục thọ tùng âm hữu thủy
Ngũ sắc hồng kiều sơn bán lạc

*Tình trung đời vũ họa
nan thành.*

Mẹ tạm dịch :

*Đèo Ngang trông xuống
có khe ngang*

*Xanh ngilit muốn cây rợp
bóng tàn*

*Núi ngậm nửa vành mây
ngũ sắc*

*Mơ màng trong nắng, giọt
mưa tan*

Tôi tính Hà Tĩnh, có đội ngũ tình tào đưa trống cờ tới rước, Sông Bến Thủy là địa đầu tỉnh Nghệ an, họ đã chực sẵn chiếc thuyền bông to tướng như một gian nhà, trang hoàng lịch sự. Quanh bến sông có bán nhiều quà bánh. mẹ tuy đói, không dám mua ăn, sợ mất nghiêm, may có người lính quen tôi nói : «*Bánh gai Bến Thủy ngon nước tiếng, xin các cô mua xơi thử.*» Mẹ cho mua, nhưng chưa dám xơi thử, về nhà mới xơi thì ngon thật. Từ Bến Thủy về đến Linh Đường, thiên hạ chen nhau đi coi đông như hội, bởi cuộc rước tân quan rất nghi vệ. Ông ngoại ngồi

kiệu, bà ngoại nằm võng, các con lại được ngồi xe kéo, về đến nhà. Người quen thuộc cũ, tới mừng rỡ ân cần, đường xa mới về, hành lý đang nghinh ngang bề bộn, họ sẵn lòng xếp đặt đầu vào đó.

Ông ngoại mới ra 2 năm đầu, công vụ bận rộn quá, đến 2 năm sau mới thư thả, rồi ông mới sáng tác tuồng hát, và huấn luyện cho ca công. Tuy ông cư xử phải theo thời, chứ tâm sự vẫn nhiều uất hận, có chí khí không thi thố được, có can trường không biểu lộ được, cho nên những bản tuồng của ông phần nhiều như hồ tâm tư vào văn chương. Ông ở Nghệ an được 4 năm, vừa có sắc phong Vinh Quang Tư Tước, và lại có chiếu chỉ về Huế, thăng Thái-Tử Thiệu-Bảo, Hiệp-Biện Đại Học-Sĩ, Sung Cơ-Mật-Viện Đại-Thần, lãnh Công-Bộ Thượng-Thư. Nghe tin về Huế mẹ mừng quá ! Lại chính trang thượng lộ, một dịp vui nữa ! Hành trình cũng vào tháng Chạp. Tuy vui thật, song ở lâu cũng có bạn bè quen biết, nhiều mỹ cảm, nên chỉ khư lưu còn quyển luyện.

Kỳ này hành trình như kỳ trước Văn Võng, cán, ngựa, đi đường bộ tới Quảng-Bình lại thuê thuyền về Sông Hương, tới sông Hương nhằm 30 Tết.

Lúc đó mẹ 15 tuổi, mẹ còn nhỏ. Trong chiếc thuyền, khoang rộng rãi, trải chiếu hoa rực rỡ, đoàn viên cả gia đình thật hân hoan, vô tư lự Bến sông Hương chiều 30 Tết, quang cảnh rộn rịp lạ lùng, đèn-lồng gương giăng khắp các ghe thuyền sáng rực, dọn xuống mặt nước lóng-lánh như muôn nghìn hạt minh châu. Người trong thuyền xôn xao lo dâng lễ cúng thượng-tiên, hương trầm nghi ngút.

Gặp buổi trời mưa hoa cải. Ông bà Ngoại đang ngồi đối ẩm, trông ra sông thấy mưa rơi lách tách giọt xuống mặt nước sông Hương, vừa xa xa vẳng tiếng chuông chùa, ông ngoại liền ngâm lên mấy chữ : «*Diệu-Đế thần chung, Hương giang dạ vũ*»

Mẹ dịch chơi

*Mưa đêm giọt xuống sông
Hương,*

*Chuông mai Diệu-Đế nhớ
thương thừa nào.*

Sáng ngày Mừng một, ông ngoại vào Triều bái mạng.

Ông ngồi bộ Công được 2 năm, nhân gặp chuyện bất bình dâng sớ xin trí sĩ quy hương. Đức Thành-Thái thương tiếc khuyên ông lưu lại, nhưng ông khần khoản xin về, xin hẹn một ngày khác sẽ lại Triều bệ kiến. Đức Thành-Thái đối với ông ngoại, tuy nghĩa quân thần, mà tình tương đắc. Khi bái biệt Vua Tôi, không ngăn được dòng nước mắt.

Khởi hành vào khoảng tháng 5 năm Giáp-Thìn, Thành-Thái thứ 16, Được giấy công tãi, đi tàu thủy hạng nhất 10 người, gia nhân hạng 3, 15 người, và hành trang miễn phí. Đi tàu thủy thật nhiều chuyện vui. Đức Thành-Thái ban cấp hươu bông cho ông ngoại, bằng 4 mẫu ruộng «*Lộc điền*».

Về Bình Định (Vinh Thạnh) ý cảm hoàn hương, cũng khá

phong lưu, cũng ăn mừng phần Huỳnh phong tặng tứ đại, hát bội khoảng dài thân lân. Ông ngoại thật nhân hạ, rất vui thú điền viên.

Lúc này ông 60 tuổi, đến 63 tuổi ông ngoại từ trần, vào ngày Rằm tháng 7, tiết «Trung nguyên» Đến ngày 24 tháng 9 mới cử hành tang lễ. Có quan Khâm sai sắc lệnh của Hoàng Đế, tứ tế theo lễ Công thần, diều văn và bò, heo, trà, rượu. Tỉnh, Tòa, Phủ Huyện đủ mặt. Ông ngoại mất đi, mẹ buồn rầu, thương tiếc quá. Một bậc tài hoa thanh khiết, phải lặn lội với đời, bất đắc chí, ba

mười năm hoạn hải ba đào, chung cuộc cũng vui sâu trong lòng đất!

Câu chuyện xưa mẹ kể trên đây là một hoàn cảnh đoàn viên của mẹ đã sống trong năm 18 tuổi. Đến cuối năm 18 tuổi thì mẹ đã về chung sống với Ba của các con một hoàn cảnh khác, như các con đã biết..

Hiện viết đây là ngày 4 tháng 3 năm Kỷ-Dậu (26-4-1969). Mẹ 82 tuổi. Đào-Trúc-Tiên

(Con Hoàng-trúc Ly, gởi đăng Tạp-Chí Phê-Thông)

(Kỳ sau tiếp)

Ăn ngon ngủ khỏe cũng nhờ thuốc bổ thận

Sâm-nhung Dược-Tĩnh

hiệu « ÔNG GIÀ »

Trữ bán khắp nơi

Viện Đông Dược-Phòng

115, Đường Phùng-Hung — CHOLON

K.N. Số 6731BYT117-1-64

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
 ★ **HỒ-XUÂN-HƯƠNG** ★
 ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
 Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

XIII — Hồ-Xuân-Hương tả cảnh

(Tiếp theo PT số 238)

DƯỚI đây, một bài thơ tả cảnh đặc-biệt nhất của Hồ-xuân-Hương mà lại ít người biết. Bài này không thấy sao-lục trong các sách xuất-bản về Hồ-xuân-Hương từ trước đến nay. Kể cũng lạ!

Tôi tìm thấy nó trong Bản thảo bằng chữ Nôm của Hồ-xuân-Hương, trong Thư-Viện Viện Đông-Bác-Cổ của Pháp, hồ ở Hà nội (Collection de textes et documents sur l'Indochine IX-Textes Nôm No 2), và trong quyển «L'oeuvre de la

Poëtense Vietnamienne Hồ-xuân-Hương» của Maurice Durand, Paris 1968 ; Trang 59, Bài thứ X).

Theo lời chú của M. Durand căn-cứ trên những lời truyền tụng thì Hồ-xuân-Hương làm bài thơ này trong một cuộc du hành lên Tuyên-Quang. Đọc đường, cô Hồ xuân Hương có thấy hai tảng đá lớn nằm dính vào nhau tảng nọ nằm chổng trên tảng kia giống như hai vợ chồng. Dân địa phương gọi tên hai cụm đá đó là «Ông Chồng Bà Chồng».

Hồ-xuân-Hương tức cảnh sinh tình, hạ bút làm ngay bài thơ.

«Vịnh Ông Chồng Bà Chồng».

**Khéo khéo bày trò, hỡi
hóa công !
Ông Chồng đã vậy, lại Bà
Chồng !
Tăng trên tuyệt đỉnh pha
đầu bạc
Thót dưới sương gieo
đượm má hồng.
Gan nghĩa giải bày cùng
tuế-nguyệt
Khởi tình cộ mãi với non
sông
Đá kia còn biết Xuân già
nhỉ !
Chớ trách người ta lúc
trẻ trung !**

Hồ-xuân-Hương

Tôi cho rằng bài thơ tả cảnh này đặc-biệt hơn cả vì nó đúc kết lại, cô đọng lại, tất cả quan điểm dí-dỏm của Hồ-xuân-Hương đã rải-rác phô bày nửa kín nửa hở trong các bài thơ khác của cô về phương diện dục-tình.

Chúng ta nên đi sâu vào bài

thơ. Điều này rất cần thiết đối với bất cứ bài thơ nào của Hồ xuân Hương. Vì Hồ xuân Hương chịu chơi thơ thắm thiết vào bề sâu chứ không hững hờ chơi thơ hời hợt trên bề mặt. Cho nên ta đọc thơ Hồ xuân Hương cũng phải đọc lút vào thật sâu. Đọc trên bề mặt không thể nào hưởng được toàn vẹn ý thơ u ần, nhụy thơ kín nhem, cảm giác khoái trá chuyển động trong Thơ cô.

Trong bài **Vịnh ông Chồng bà Chồng** trên đây, chúng ta lại nghe cô Hồ xuân Hương khen ông Tạo hóa.

Bắt đầu khen ngợi Ông Tạo hóa đã khéo bày ra cảnh tượng hấp dẫn là một thói quen của cô, mà ta đã gặp trong nhiều bài khác :

*Khen ai khéo đã tài xuyên
tạc...*

(Hang Cốc Cờ)

*Bày đặt کیا ai khéo khéo
phòm*

(Động chùa Hương)

*Khen thay con Tạo khéo khôn
phàm*

(Hang Thánh Hóa)

*Khen thay con Tạo khéo trêu
ngươi*

(Chợ trời)

*Khen ai khéo tạc cảnh cheo
leo*

(Đèo Ba Dội)

Ở đây, cô khen :

**Khéo khéo bày trò, hỡi
Hóa Công !**

Lời khen dí dỏm của cô thi sĩ, ta có thể nói là một phép xã giao Văn nghệ đối với Hóa Công, với «Ai», với «Con Tạo», nghĩa là đối với Thiên nhiên Huyền bí đã tạo ra cảnh đó. Trước khi tả cảnh, cô có lời khen Hóa Công đã bày ra cảnh. Một lời ca ngợi dâng lên Thượng Đế tạo ra muôn loài.

Nhưng, nhìn sâu vào ý thơ của cô Hồ xuân Hương, ta lại thấy rằng lời khen đó cũng chính là một biện minh khéo léo cho thi hứng của cô trước mặt những kẻ chỉ thích cô là... thế nọ thế kia... là kêu gọi cái này cái nọ.

Cô muốn nhắc đi nhắc lại cho

kẻ phạm tục nhớ rằng, dù ai có hiểu thơ cô lộn lẹo cách nào chẳng nữa, có đeo đá xuyên tạc, hay căng buồm trái gió, đó chẳng qua là một sự thể thiên nhiên, do tạo hóa bày ra, do «Ai» kia đã khéo khéo sắp đặt ra đấy thôi.

Nếu thấy đó là một «trò» trò trêu kỳ dị, thì kẻ bày trò trêu trêu là «Hóa Công» là «Ông Tạo»; chứ đâu phải là cô ! Bài **Vịnh ông Chồng Bà Chồng** là một chứng minh hùng hồn nhất.

**Ông Chồng đã vậy,
lại Bà Chồng**

Thì đây nếu không phải do Tạo Hóa sắp xếp, bày trò, sao lại có cảnh hai cùm đá «Ông Chồng Bà Chồng» hờn trên nằm

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại
mới PENICILLINE-V uống
dễ dàng mà công hiệu như
chích PENICILLINE- G

đề lên khóm dưới.

Ông Chồng đã vậy, nghĩa là «*Ông Chồng*» đã nằm sắp xuống, **Bà Chồng** cũng vậy nốt, lại cũng nằm ngửa lên. Đây chẳng phải một cái trò do Tạo Hóa đã bày ra là gì?

Khéo thật ! Khéo thật ! Hai chữ «*Khéo khéo*» mở đầu bài thơ nhấn mạnh cái dụng-ý thiên-nhiên tinh xảo tuyệt vời của sự-vật. Nếu là tiếng Pháp, thì có thể nói là một *Hommage vibrant au Dieu-Créateur* !

**Tầng trên tuyết điểm pha
đầu bạc
Thót dưới sương gieo
đượm má hồng**

Đá *Ông Chồng* nằm tầng trên lớn tuổi hơn, già dặn với tuyết sương, cho nên đầu đã bạc mà thót đá nằm dưới vẫn còn đượm má hồng. Máu đá của Bà còn mát tươi, nước da ửng hồng nhờ vài giọt sương từ tầng đá trên gieo xuống...

**Gan nghĩa giải bày cùng
tuế nguyệt,**

**Khởi tình cộ mãi với non
sông**

Hai câu này hay tuyệt ! Nhất là câu dưới. Chữ «*Gan*» đây nên coi là một trợ từ, *gan* nghĩa là cái nghĩa vợ chồng,

Vì có nghĩa, nên mỗi tình mới được lâu bền, trải qua năm này tháng nọ, *giải ra cùng tuế nguyệt* (Tuế nguyệt — năm tháng). *Giải ra*, nghĩa là phô bày ra, là không cần giấu giếm. Sự yêu đương, đến cả sự giao hợp giữa vợ chồng, là do luật thiên nhiên của Tạo Hóa, cần chi phải giấu giếm ? Kia hai cụm đá «*Ông Chồng bà Chồng*», bắt chấp cả thời gian, vẫn ôm nhau nằm hoài dưới tuyết sương. Từ đời này qua đời nọ, **khởi tình cộ mãi với non sông,**

Tôi cho rằng câu thơ này hay tuyệt. Đây là một trong những câu thơ hay nhất của cô Hồ Xuân Hương, và của Văn chương Việt Nam. Cũng như cả bài thơ này là một trong những kiệt tác của Văn Thơ Thế Giới, bất cứ ở

thời đại nào. (1) Hai chữ «*Non Sông*» đây là cả bầu trời, là vũ trụ, (l'Univers). Nghĩa chính của câu thơ là hai tảng đá *Ông Chồng Bà Chồng* ôm ghì lấy nhau, như hai khối tình cộ sát nhau mãi mãi giữa vũ trụ bao la.

Giảng nghĩa rộng ra, ta hiểu thấu đáo thâm ý cao xa của cô Hồ Xuân Hương muốn nói đến *ý niệm âm dương của vũ trụ*. Trong vũ trụ, trong khắp cả bầu trời cỏ, cây, non, nước, mọi vật đều sinh nở và trường tồn do hai huyền lực *Âm dương* giao cấu. Động từ «*Cộ*» trong câu thơ làm nổi bật lên, làm linh động hẳn lên, cái hấp lực của Âm và Dương thu hút vào nhau, *Cộ sát* vào nhau, do mãnh lực tình ái là động cơ trong hai khí Âm Dương. Tuy

(1) Trong một chương khác, tôi sẽ trích tất cả những câu thơ tuyệt bút của cô Hồ Xuân Hương mà không có một nhà Thơ nào từ Đông Tây Kim Cổ có thể so sánh được.

cô cầm bút chỉ vào hai hòn đá «*Ông Chồng bà Chồng*» ở Tuyên Quang mà phê rằng *Khởi tình cộ mãi với non sông*, nhưng chính là cô phát huy ra **quan niệm Âm dương của tình yêu.**

Tôi đã từng nhận xét trong những chương trước rằng cô Hồ Xuân Hương không bao giờ chú trọng đến tình yêu. Cô không thèm nói đến tình yêu. Ái tình, đối với cô, là vô nghĩa, cô coi như không có, mặc dầu cô là một Thi sĩ lãng mạn nhất, tự do nhất, bất cần đời nhất, trong tất cả các thi nhân của tất cả các thời đại. Bởi Hồ Xuân Hương là một thiên tài trên tất cả các thiên tài.

Dưới thời Vua Lê, Chứa Trịnh trước xa một y-sĩ-Triết-học nào đó tên là Sigmund Freud của Tây phương, cô nữ-thi-sĩ ở Thăng-Long đã nói lên với giọng hài-hước dí-dỏm :

Khởi tình cộ mãi với non-sông ! Là hai khối tình cộ sát vào nhau giao-cấu mãi, vào nhau hòa nhập với hai khí âm dương

của vũ trụ. Mãi sau này, các nhà văn Tây phương mới quan niệm tình yêu là «sự cọ sát của hai làn da» (Le contact de deux épidermes). Thế kỷ XIX, cô Hồ-xuân-Hương đã nói ra ý-nghĩ ấy rồi với một triết-lý sâu rộng hơn, thậm thía hơn, là sự cọ sát với non sông, với khí âm-dương của trời-đất.



Rồi nghe cô thi-sĩ kết-luận :
**Đá kia còn biết xuân già
nhỉ ?
Chớ trách người ta lúc
trẻ trung !**

Đây gần như một tuyên-ngôn ! Một lời phi-lộ. Một lập-trường. Đáng rắng tả cảnh cạm đá «Ông Chồng Bà Chồng» (1) ở đường lên Tuyên-Quang, nhưng cũng là

(1) Danh từ này chắc là do người Thái hay người Thổ, Mán ở Tuyên Quang đặt ra.

một cảnh-tượng điển-bình của dục-tình, một tượng-trung bằng đá của tình xuân.

«Ông Chồng Bà Chồng» đã lâu đời mà còn cọ nhau mãi hai khối Xuân già, thế thì trách chi loài người đương lúc trẻ-trung ham mê... Xuân trẻ. Sự cọ sát âm-dương còn với tuổi già, hưởng chi tuổi trẻ không hăng say sao được ?

Nhưng xin nhớ rằng đó không phải là «tình yêu», mà chỉ là một trò trô trêu của tạo-hóa.

**Khéo khéo bày trò, hỡi
Hóa Công!**

(còn nữa)



HOÀNG-THẮNG

• Dư âm của giải Văn Học Nghệ Thuật 67-69

Về Thơ : Trong giới trẻ, nhiều người tin rằng Trần Tuấn Kiệt sẽ được trúng giải. Và «độ ngửa» này đã về... đúng. Trần Tuấn Kiệt được giải nhất với tập *Lời gởi Cây Bông Vải*.

Về ngược, có giải nhất đồng hạng với nhà thơ sa di Hoàng thoại Châu...

Giải ba đồng hạng là Lê minh Ngọc với tập *Nước mắt CHO quê hương* (Trường Linh cũng được giải ba).

Ông Ngọc than phiền là ban giám khảo, khi tuyên bố kết quả đã thiếu mất một chữ của tên tác phẩm : chữ CHO — Nước mắt cho quê hương.

Theo báo Quyết Tiến số Tất Niên thì, ông Ngọc có những ý nghĩ như sau ! «...tập thơ Nước mắt cho quê hương của tôi gồm tất cả 83 bài, 80 bài viết về tình cảm con người nghĩ về cuộc chiến trên quê hương hôm nay. Ba bài viết về cảnh thanh bình. Bài dài nhất 70 câu. Bài vừa vừa 20 câu và 5,

6 bài ngắn 4 câu. Như vậy — tôi xin phép được nói thật — tôi chủ quan mà nghĩ rằng về lượng, tập thơ của tôi là vô địch, còn về phẩm — lại xin phép chủ quan thêm — cũng phải có một số bài — chắc là số đông — khá khá coi được. Về các thể thơ đề diễn tả tôi cũng sử dụng nhiều lối khác nhau.

Tôi không biết ban giám khảo lấy giải hơn kém theo tiêu chuẩn nào ? đề định giá nhất và ba giữa mấy cuốn đó ?...»

Về văn : giải nhất cuốn *Má Hồng* của ông Đỗ tiến Đức bị xăm xỉ hơi nhiều. Báo Con Ong số 97 viết : «... Đọc cuốn *Má Hồng*, người ta thấy toàn những nhân vật xấu. Công chức thì lấy công xa để di tán gái, quân nhân thì say rượu, chửi thề vung tí mạt, và tất cả đều ngoác miệng chửi xỏ chế độ...»

Về biên khảo, phẩm luận ; tác giả trúng giải phóng sự của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam năm 1969 là ông Lê Hương với tác phẩm *Chợ trời biên giới Miền*

Việt cũng than phiền là tác phẩm của mình không cả leo tới nấc ba giải Văn học nghệ thuật nên rầu rĩ... và suy bì !

● Báo chí

Đầu tháng 3-70 này, sẽ có thêm nhiều nhật báo và tuần báo ra đời. Mùa bầu cử sắp đến, sẽ có nhiều cuộc chạy đua trên... mặt báo, kể cũng hay nhưng chi phiền một nỗi là... số độc giả chỉ có hạn mà số lượng báo lại gia tăng thì lại ra sẽ... nguy đa.

Thêm nữa, hồi trong năm ông Tổng Kiểm Úc sau khi cho giá cả lên hàng loạt, có tuyên bố sẽ không có món hàng nào tăng giá nữa, ông lại còn cho giá xăng, dầu hôi và xe lam ba bánh xuống giá, nhưng mới đây lại cho giá xăng

REGAST .T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa.Lan

lên tí tí rồi tới lượt lade, thuốc bút và đặc biệt nhất là giấy in báo lên tới... «chăm phần chăm».

Đây là một món quà độc đáo của ông Tổng tặng giới «tiêu thụ món ăn tinh thần» đầu năm con Chó. Một món quà thiết... đáng giá !

Những người đầu tiên phản đối... món quà này là những ký giả được ông Tổng mời họp báo để biết một sự đã rồi.

Và sẽ còn nhiều giới phản đối nữa chứ : các ông bà chủ báo và nhất là các ông, bà giám đốc các nhà xuất bản. Kỳ này, các ông bà này tha hồ mà... chết !

Và độc giả nữa chứ ! sức mảy mà họ chịu mua giá báo cao hơn nữa ! Nếu có tăng giá báo nữa, thì... xin lỗi, chúng tôi đành coi... cộp vậy !

● Điện Ảnh

— *Chân trời Tim* của Liên Ảnh Công Ty đã quay xong đoạn đoàn quân chiến thắng trở về tại chân đồi 25, nơi đây là bài tập của sinh viên sĩ quan Trường Bộ

Binh Thủ Đức. Những «nhân vật lính» này đều là những sinh viên sĩ quan Thủ Đức khóa 5 cùng các sĩ quan chỉ huy trường.

Hiện nay, đoàn quay phim đang hoạt động tại suối Dầu Nha Trang. Nơi đây là chỗ sẽ xảy ra cảnh đánh tiền đồn.

— *Loan mắt Nhung* của Cosunam Films cũng đã khởi quay từ ngày 4-1-70 với Huỳnh thanh Trà thủ vai Loan mắt nhung, Thanh Nga, cô đào cải lương thủ vai Xuân và Tâm Phan, vai tay anh chị. Tâm Phan đã đoạt giải diễn viên xuất sắc điện ảnh vừa qua.

— *Người đàn ông gieo gió* của Hãng Việt Ảnh Phim chưa khởi quay được cảnh nào cả, lý do chánh là không có phim số 1. Theo hợp đồng ý kết giữa Bộ

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ★ NGON ★ NGỌT

Thông Tin và hãng Việt Ảnh Phim thì Bộ Thông Tin sẽ cung cấp phim sống, và hãng phim đã lo chuân bị mọi việc, từ tuyển chọn tài tử, máy móc dụng cụ v.v... và chọn ngày 11-2-1970 tức ngày mùng 6 Tết để khởi sự quay phim «Nhưng tới ngày nay thì trong kho của Bộ Thông Tin chỉ còn 15.000 feet phim mà thôi và đa số là những bảnh phim 100 feet là những cuộn phim chỉ quay cảnh người diễn viên cười hoặc nói một câu đối thoại thật ngắn, rồi lại phải thay bảnh phim khác...»

● **Sách mới**

Thi sĩ Trần Tuấn Kiệt, người trứơng giải nhất về bộ môn thơ mới xuất bản thêm một tập thơ nữa đó là cuốn :

Em còn hái trái.

Đây là cuốn thơ in trước khi giá giấy in «được tăng chằm phần chằm». Sau này, có lẽ thơ, truyện sẽ do ướt ra không nổi vì... giấy. Hãy chờ xem !

● **Chương Thiện ra báo**

Bắt đầu mùa xuân năm nay

(Canh-Tuất), một nhóm quân nhân đã chủ trương một tạp chí bất định kỳ mang tên LẬP TRƯỜNG. để làm diễn đàn chung các cấp đồng bào. Được biết chủ nhiệm của tạp chí là một sĩ quan chỉ huy cấp tá đứng đầu đình và nhóm chủ biên là một số quân nhân, công chức tại địa phương.

Tạp chí vẫn được các cây viết quen thuộc ở Miền Tây, Thủ-đô và các nơi hợp tác. Mong độc giả, nhất là những vị mạnh-thường quân giàu phương-tiền, ủng hộ cho Lập Trường được sống mạnh. Các bạn thi văn hữu bốn phương hãy viết bài gửi về đóng góp với LẬP TRƯỜNG theo địa chỉ :

Chuẩn-Ủy NGUYỄN-TẤN-THÀNH
KBC = 4885

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

**Sách
Báo
Mới**



Tòa Soạn đã nhận được :

● **NGƯỜI CHỒNG MUÔN THUỜ**

Truyện dài của
Dostoievsky.

Do Đỗ Kim Bảng dịch
Tô Thùy Yên viết bạt

● **KHUNG RÈU**

Tác phẩm mới nhất của
Nguyễn Thị Thụy Vũ

● **THỀM SƯƠNG MÙ**

Truyện dài của

Thanh Tâm Tuyền
Kẻ Sĩ xuất bản

★ **Đi tìm tự do**

Thơ của Hồng Liên Lê-xuân-Giáo. 1970 toàn là thơ Đường luật thất ngôn bát cú, thuật lại cuộc phiêu lưu mạo hiểm của tác giả thoát khỏi đất Bắc, di cư vào miền Nam tự do.

● Em còn hái trái

Thơ của Trần-tuấn-Kiệt. Trần-tuấn-Kiệt là nhà thơ đã trúng giải nhất giải văn chương nghệ thuật 1967-1969 của Tổng thống Nguyễn-văn-Thiệu. Có hình của tác giả in ngoài bìa Hồng-Linh X.B.

● Trên đỉnh đời huyền sử

10 bài thơ của Thanh và Tường. Quay ronéo.

● Lời than trong máu lửa

Thơ của Xuân-Mai,

Cơ sở xuất bản Da Vàng, Đà-nẵng.

● Bừng sáng

Thơ của Danh-Khương, bút hiệu của nhà thơ trẻ tuổi Dương-Khanh. Hộp thư 524, Saigon.

★ Đạo Phật

★ Tin Phật

Những câu hỏi trả lời về Đạo Phật, do Thầy Thiện-Châu soạn, Tất cả những điều cần biết về Đạo Phật. Thầy Thích-Thiện-Châu là chủ tịch Hội Phật-tử Việt-kiều Hải ngoại, (Association des Bouddhistes Vietnamiens d'Outre-Mer) 35, Bd Maxime Gorki-Villejuif, val-de-Marne.

★ Chiến tranh Quê hương và thân phận

Bút ký chiến tranh của Nguyễn hương Nhân. Nhiều hình ảnh tang tóc bi thảm của chiến cuộc Việt Nam. 200 trang. Văn Hiến X.B

★ Vùng Quê hương. Thơ của Vương anh Bình Kiên Giang — tác giả X.B.

● Minh Đức Học Phái thi tập

Của Tuyết vân Mạ: Khách (Bác sĩ Trương Kế An).

Do Minh Đức Tao Đàn X.B. 353 B.3, Võ Tánh. Saigon.

● Trong tháng ngày buồn

Thơ của Đinh thị Thụy Yên, Thụy Yên là em ruột của nhà thơ Hoàng Trúc Ly. Tập thơ do Hoà g trúc Ly đề tựa. gồm trên 20 bài khá đời dào thi tứ.

Nhân chứng xuất bản.

● Xích Bích trong khói lửa của Linh-Giang

Khảo luận về trận Xích Bích và « những âm mưu trị quân sự, ngoại giao, gián điệp giữa Ngô, Thục, Ngụy ». Đồng-Nai X.B. và phát hành,

● Sầu ở lại thi tập của Tạ-Kỷ

Giáo sư Việt văn Saigon.

Trình bày bìa và nội dung rất thanh nhã, Quế-Son, Võ-Tánh, xuất bản.

● **Người chinh phục**

Nguyên tác : *Les Conquistadors* của *André Malraux*. Dịch giả *Trần-Tử*. Phải có trình độ văn hóa khá cao mới dịch được *André Malraux* với lời văn lưu loát, đầy đủ ý nghĩa. *Trần-Tử* có trình độ ấy, một công trình dịch thuật rất đáng khen ngợi.

Minh-Cường X.B. liên lạc nơi Bà Đoàn thị Mùi, 10138144, Kỳ Đông, Saigon.

● **Quốc-hiệu nước ta, từ An-Nam đến Đại-Nam**

Của *Bửu-Cầm*, Giáo-sư diễn giảng Đại học Văn khoa Saigon.

Một công trình biên khảo của nhà thông thái, tài liệu sưu tầm chính xác và phong phú. Phủ Quốc-vụ-Khanh đặc trách văn hóa xuất bản.

Tác giả gửi tặng.

● **Tịnh-Minh thi cao. Quyển II, thi tập của Thượng-Tọa Thích-Tâm-Châu**, do tác giả gửi tặng. Toàn thơ chữ Hán phiên âm và dịch ra Việt-văn. Tác giả X.B.

● **Mẹ Việt-Nam** Thi truyện của Văn-nghệ-Đoàn. Xuân Canh Tuất, quay ronéo.

● **Vùng Quê hương.** Thi tập của *Vương-An-Bình*, Vĩnh-Long.

Giai phẩm Tết nhận được

● **Đặt san Xuân 70**, của Trường trung học tư thực Đồng Nai, do Ban giám đốc, giáo sư, và học sinh thực hiện.

● **Giai phẩm Nguồn Sống**, của Nha Tuyên Ủy Phật Giáo. Biệt Khu Thủ Đô.

● **Giai phẩm Nhập cuộc**, của Nhóm Việt Hán Đại học Sư phạm, Saigon chủ trương.

● **Xuân Canh Tuất** do Sinh viên Học sinh Quảng Ngãi ngụ học ở Saigon, viết.

● **Đăng Đàn** của *Đông Hồ* «ghi lại những buổi nói chuyện của chính tác giả tại các Trung Tâm Văn hóa và Đại học Văn khoa Saigon» Mặc Lâm xuất bản. Bản đặc biệt trên giấy ngọc chỉ, do Nữ sĩ Mộng Tuyết gửi tặng.

● **Văn nghệ Miền Tây Xuân Canh Tuất** Mùa ước mơ chim trắng. Bộ mới, số 1, do Nguyễn tấn Thành KBC 4885 ấn hành Cần thơ.

● **Lập trường Xuân Canh Tuất** Mùa chiến thắng. Do Đại tá Nguyễn văn Nguru, tỉnh trưởng Chương Thiện «Tập chí xây dựng chính trị, văn hóa, xã hội».

Bản đặc biệt.

● **Thế đứng** Do Trảng thế Hải chủ trương, Ngô cửa đầu trường Văn nghệ trẻ. Không có địa chỉ.

● **Khai Phóng**, Nội san của Hội Phụ Huynh học Sinh Khánh Hòa. Số Xuân Canh Tuất.

Quản nhiệm : Đạt Nhân Nguyễn Dương

Thư ký Tòa soạn : Trần ngọc Hai

Quảng lý : Phạm bá Thân

Tòa soạn : 40 Yersin Nha Trang

Văn phòng liên lạc 5 Phước Hải, Nha Trang. Bài vở có giá trị về văn hóa, giáo dục, xã hội, do nhiều cây bút nổi tiếng ở Nha Trang.

Hai chuyến phóng sự đầu năm

● PHAN-THỊ-THU-MAI

Đầu năm con Chó, tôi được ông chủ nhiệm hai lần phái đi làm phóng sự. Các bạn có biết ông phải tới đi vào ngày nào không ?

Mùng 2 Tết ! Theo phái đoàn :

● Tập đoàn phụ nữ văn hóa xã hội của bà Cả Tề, đi ủy lạo binh sĩ.

Y theo lời dặn của bà, 6 giờ sáng Hương-Lan và tôi đã lồm cồm bò dậy khấn gói xuống Hòa Hưng, trụ sở của bà. Bà nói với chúng tôi là 7 giờ phái đoàn lên đường. Nhưng khi hai đứa tụi này tới thì cả nhà hãy còn ngủ ! Buồn 2 phút !

Thế là chúng tôi ngồi chờ cho tới 9 giờ 30, mới có xe tới đón chở đi đồn Bến Đá, thuộc đặc khu 8, do Đại tá Vũ Xuân Quang Phân khu phó Phân khu Đô Thành và thiếu tá Toàn hướng dẫn. Trong khi xe đang trực chỉ Bến-Đá, các cô trong phái đoàn của bà Cả, luôn miệng nhắc nhở thiếu tá Toàn... «Ừ ! ông Thiếu

Tả đâu rồi ?

— Kia kia, thiếu tá kia kia... Các cô cũng kể chuyện abững chuyến đi trước : « chán lắm, mấy « *thằng lính* » nó cứ theo chọc tao toài.. »

(Thu-Mai ghi đúng nguyên văn)

Xe tới Bến-Đá hơn 12 giờ, chúng tôi thấy các anh lính đứng mang súng dàn hàng dài, dưới trời nắng chang chang, mặt người nào người nấy đỏ gay và cau có, bực bội. Lúc sau các anh cho tôi biết các anh buồn vì bị cho chờ từ 7 giờ rưỡi sáng cho đến bây giờ !

Đã thế, lúc phái đoàn tới, có được vào « ủy lạo » ngay đâu, vì còn phải... chờ bà Chủ tịch bị lạc đường hết gần 1 giờ ! Các cô trong phái đoàn đứng sắp hàng bên này đường, các anh lính bồng súng đứng bên kia đường trở mắt ngó nhau, cười giao duyên...

Trung úy Sự đại diện đồn Bến

HAI CHUYẾN

Đá, cho tôi biết các anh đóng ở đây gồm có Đại-Đội 93/799 ĐPQ, 3 Tiểu-Đội BĐQ ABC và 3 Toán Viên-Thám...

Cuộc lễ nào cũng như cuộc lễ nào, dĩ nhiên đều có diễn văn qua lại giữa khách và chủ gần hết cả tiếng đồng hồ. Các anh lính được « ủy lạo » mỗi người 1 miếng thuốc Bastos, 1 ly nước ngọt, vài miếng thèo lèo, 1 nắm hạt dứa, miếng bánh chưng và 1 cái hoa giấy gắn trên áo.

Tôi mang bao thuốc đi mời các anh hút. Một anh bảo : — « Cám ơn, lính ở rừng bệnh-hoạn không biết hút thuốc. » Anh khác : « Được phái-đoàn « *hành* » từ 7 giờ rưỡi sáng tới giờ, cặp giò đem nấu xúp được. Làm sao hút thuốc nổi. » Một anh cay đắng hơn : — «Ừ, thuốc Mỹ đâu hết chỉ không cho bọn tui hút lại cho hút Bastos ?.. »

Lúc đầu các anh đều có mặc cảm với chúng tôi, nhưng sau đó thấy Lan-Hương và tôi cười-mở nên các anh bu quanh nói chuyện thật vui và thân mật. Các anh lột cả nón, viết v.v. để tặng cho

hai đứa gọi là chút quà kỷ-niệm. Một anh thích lắm vì đã nhìn ra tôi là người đồng-hương. Các anh quây quần kể cho hai đứa tôi nghe về gia đình, về những ngày sống trong rừng... Trong khi đó thì 1 cô trong phái đoàn có giọng... như giấm lên hát cho các anh em nghe, Sau ấy Trung sĩ Bưng và anh Phấn, lên hát đáp lễ... Hai anh hát tương đối khá... Cũng trong lúc đó, Đại tá Đồ trưởng có ghé thăm anh em cùng với Hội đồng Đô thành, trong ấy có bà Thoa, mà một anh lính mới thấy, vui miệng bảo là sao giống đào hát bội quá. Đại tá Nh ều và các ông trong Hội Đồng Đô Thành lì xì cho mỗi người đại diện cho đồn Bến Đá một phong bì. Riêng bà Thoa đưa ngay 2 hay 3 tấm giấy Trần Hưng Đạo cho một ông, không cần bỏ bao thư. Phái đoàn của Đại tá từ già thì phái đoàn của bà cả Tề cũng lui quân. Chuyện tất nhiên là trước khi lui, chủ khách đều có dọc dít cua, dít cà... tổng tiền...

Chuyện vui nhất trong chuyến đi này của tôi là được các anh Viên

Thám cho hai chiếc nón thật đẹp, tôi dự định sẽ đội nó đi khắp... Bốn vùng... chiến thuật. Nhưng thật buồn, lúc về, cô... «ca-si» Ngọc-sơn của phái đoàn năn-ni mãi, mượn cho được cái nón đẹp nhất của T. sĩ Bưng cho tôi để đội cho oai. Chẳng lẽ cô nói mãi mà không cho mượn cũng kỳ. Tôi dặn cô năm ba lần bảo có đội thì nhớ giữ kỹ giùm, kéo bay mất vì cô đi Honda — Nhưng lúc tới Nhà Bè, cô bảo tôi — «Cái nón bay mất rồi.»

— Trời ơi / sao chị không ngừng xe lượm cho tôi ? —

— Quý giá gì đồ đó. Ở nhà tôi chắt thành đồng dưới xô bếp.

Tôi ghen cô không biết nói gì hơn là im lặng l...

Sau đó, phái đoàn đi Nhà Bè thăm tiền đồn Cây Bông. Phái đoàn tới Quận-đường Nhà-Bè thì đã 2 giờ. Tôi đã đói cồn-cào. may nhờ ông bà Trung-Tả Lê-Quang Hẩn, Quận trưởng Nhà-Bè mời Anh Lý, Anh Mạnh, Anh Đức, các anh đều là phóng viên Truyền-hình và tôi ăn cháo gà nếu không có lẽ tôi sẽ

ôm cái bụng rỗng mà khóc, vì phái đoàn chẳng cho chúng tôi ăn cái cóc khô gì hết.

Hơn 1 giờ đi tàu, phái đoàn tới đồn Cây Bông, gọi là Cây Bông, nhưng ở đây chỉ có cái bông nào cả, toàn nước với ruộng hoang. Tàu cập trước đồn, chúng tôi thấy 4,5 anh lính-nghĩa quân mặc quần xà lỏn, ra đứng dòm ngó ngác. Thiếu tá Cần nhay lên boong tàu, mặt đỏ bừng hét :

— «Đ. m. bọn bây làm gì vậy? Áo quần đâu không bận vô? Thăng Trung đội trưởng đâu?»

Thiếu tá Cần quá nóng nên không trông thấy áo quần của các anh đang giặt phơi trên hàng rào kẽm gai, tự nhiên tôi có cảm tưởng các anh chỉ có mỗi một bộ đồ, nên khi giặt các anh phải ở trần / Hoảng sợ, các anh giục đại áo quần ướt mặc vào người. Vì sợ quỳnh quáng nên các anh giục đại, làm rách cả ống và tay.

Để đỡ ngượng, Thiếu tá Cần làm ngay một màn thuyết trình tại

chỗ, theo T. tá thì tiền đồn này mới thành lập hơn 16 ngày, do sáng kiến của 6 Quận Nhà-Bè, ở đây có một Trung-đội Nghĩa-Quân đóng... Vì không có lính để ủy-lạo nên phái-đoàn bị thất-nghiệp. T-tá Cần bảo có lẽ lính đã đi kích hết rồi, nên Công điện tới không ai nhận. Bà Cả gọi lại tặng anh em 1 két la-de, 1 két nước ngọt, mấy trái dưa, mấy cái bánh chưng. Bà Quận dặn 1 anh lính :

— Đồ của Bà Cả ăn uống cho kỹ, coi chừng chai bẻ. Anh lính dạ như M 16 nổ. Đặ-biệt ở đây, không ai bị nghe discours...

Tôi lướt đi «ủy lạo» Đại-đội 865 B.P.Q của Đại-úy Vũ-văn-Thiện ở Cầu Nhị-Thiên-Đường thuộc Đặc-khu 8. Ở đây thì cũng vẫn bấy nhiêu nghi-lễ như ở Bến Đá, cũng có lính bồng súng đứng chờ từ 2 giờ cho tới 5 giờ rưỡi chiều. Nhưng không khí nhạt đến độ không biết tả làm sao. Có «ca-si» duy nhất của phái đoàn hát thì khán giả hình như đều bị ngủ gật quân võ tay, chừng Đại tá Quang quét

một tia nhìn thì pháo tay nổ âm ầm, tiếng b's bis la lên hồi !

Xong lại tới Cầu Chữ Y thăm Đại-đội 311 Công Vụ do Đại-úy Nguyễn minh Giáo chỉ huy, thì cũng vẫn bằng nhiều chuyện, đến đi diễn lại, nhưng có phần vui hơn, nhờ có màn tân cổ giao duyên của Hạ sĩ nhứt Tài, và bản đồng ca của Thiếu úy Danh. Anh Nguyễn Lập Chi mời hai đưa tôi hôm nào ghé cầu, sẽ câu cá đãi một bữa...

Hơn 8 giờ tối, hai đưa tôi tả tơi manh giáp dò về tới nhà. Bà Cả Tề muốn mời tôi ngày mùng 3 tết đi nữa, nhưng vì không muốn đầu năm bị lính... quờ nhiều nên rút lui cố trật tự. Vài hôm sau gặp một cô trong phái đoàn cô bảo : «Sáng mùng 3 đi thăm Sĩ quan Thủ Đức vui lắm, không phải buồn như đi thăm lính!» Ô hô ! !



LỄ ĐẶT VIÊN ĐÁ ĐẦU TIÊN XÂY TƯỢNG ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO TẠI VÙNG TÀU

THEO lời mời của Trung tá Bùi cửu Viên, Tư lệnh Vùng 3 Duyên Hải, và ông Nghiêm, Hội Trưởng Hội Thánh Trần Hưng Đạo VN, sáng 24-2-70, tôi được lệnh ông Chủ nhiệm phái đi Vùng Tầu dự lễ này. Khăn gói quả mướp tôi nơi hẹn của Hội, tôi thấy mấy chục ông bà nam phụ lão ấu với đủ sắc phục Tây, Tàu, Việt lẫn lộn, tân cổ giao duyên cũng không thiếu. Người nào cũng tay xách nách mang, nào chuỗi, nào xôi, nào bánh mì, con nít làm tôi có cảm tưởng đây là một cuộc... di cư.

Hơn 9 giờ xe bus của Hải quân tới đón, gặp anh Hải-quân Tổng Minh Phụng, cựu dân P.T. tôi có đôi phần yên lòng. Lên xe, cứ nhường cho các cụ đến lúc tới thì mình, bị dồn mãi phía sau cùng, cụ nào cũng dành 2,3 chỗ cho thân nhân, la oai oai. Ngồi sau đít chiếc bus lải lải thê, tôi cứ như đi trên chín tầng mây. Ra tới đền của Hội ở Bãi Đứa đã hơn 12 giờ, bụng

đói cồn cào mà còn phải ngồi nghe ông Hội-trưởng đọc... diễn-văn. 2 giờ mới cho ăn mấy chén cơm với thịt mỡ chấm muối,

3 giờ chiều, các cụ đóng trống đóng chuông mặc áo xanh, áo đỏ, đội khăn đóng, mang hài vàng, đeo vàng dây cườ, rước kiệu đức Trần-H-Đạo. Chẳng hiểu các cụ dành nhau đi trước đi sau, cầm cờ, cầm quạt gì đó mà cật như mỗ bò suýt đánh lộn. Ra công-trường các cụ tế đức Thánh với đầy đủ lễ nghi như trống kèn, bước tới bước lui, cúc cung bưng bái. Đủ cả cho tôi hơn 6 giờ tối.

Buổi chiều, Đại-úy Vũ-Ngọc-Yên, trưởng khối chiến tranh chính trị Hải-Quân vùng 3 Duyên-Hải mời ăn... cháo lòng (lạ thật, tôi xừ cá mà ai cũng chỉ dai thịt, hết thịt mỡ lại tới lòng heo.) Đ. úy Yên hứa sẽ tìm nhà cho bọn chúng tôi trú qua đêm, nhưng giờ chót, không có, đành bỏ về đình trái chiếu ngủ dưới gạch, nằm lộn đít lộn đầu với mây cụ, phần muối cần vì không mùng, lạnh vì không

LỄ ĐẶT VIÊN

mền, thêm các cụ đánh bài la lối sáng đêm, mùi thuốc phiện hay nòng nặc, kèm theo thuốc lào. Đố ai ngủ được. Các cụ Xổ ngay Tứ đồ trước đền thờ Đức T.H. Đạo.

6 giờ sáng theo xe bus lên công trường dù 10 giờ mới có lễ chính thức. Tới Bến Đình, xe hết xăng nằm ỳ chỗ, phải quá gian xe lính kèn ra công trường... coi mấy ông Hải quân thực tập nghi lễ. Thấy tôi xách cái sac mặt mũi lơ đãng đi lang thang, các ông tưởng tôi là vi-ci, nên cứ hỏi giã toảng cả lên.

10 giờ đúng, Phó Đ. Đ. Đức Trần văn Chơn Tư lệnh Hải quân tới. Trung tá Viêm đọc diễn văn chào mừng, tình bày công tác... Tôi diễn văn của ông Nghiêm, rồi ông Phó thị Trưởng và sau cùng là của Đ. Đ. Chơn... «Ngưỡng vọng sự nghiệp chói lọi của Ngài Hải quân đã tôn vinh Ngài làm Thánh Tổ Quân Chung...» Sau đấy là tới màn các cụ trong Hội Thánh Thần tế lễ. Cũng bằng nhiều việc như chiều qua, các cụ soạn lại gần 2 tiếng đồng hồ. Mấy quan khách người Mỹ thấy việc lạ thích lắm, ngồi ngó hoài, các ông cũng phải cau mày... C ính phủ cấm đốt pháo, thế nhưng các cụ cứ tình bơ đốt ngang mũi người nhà nước. Chuyện có

là không. Sau, cùng mới tới chuyện tó xi măng viên đá, đi xem tượng mẫu, và nghe Họa Sĩ Thái văn Ngõa trình bày đồ án lập công viên dựng bức tượng cao 15 thước, chi phí ước lượng 4 triệu, hoàn thành trong một năm.

Chuyện lạ trong buổi lễ là có một ông Mỹ, mặc đồ đen XDNT, mang dép tới dự lễ, chừng thấy ai cũng mặc đồ đại lễ oai nghiêm quá, ông hoảng hồn dắt cô vợ Mít đi ngó hông. Buổi lễ chấm dứt hồi 12 giờ.

Vì các ông bà trong Hội buổi chiều còn đi hành hương, đồng bóng, tôi xin ông Đại úy tủy viên của Đ. Đ. Chơn cho tôi về trực thăng cùng, nhưng Tổng Minh-Phụng đã mau chân dành chỗ trước. Anh Trần, phóng viên Truyền-bình cầu sôn đi gây sự với ông Đại-úy Tủy-Viên. Anh bảo tôi, lần sau đừng thêm xin xỏ ai hết, cứ leo đại lên, nếu ei đuổi, cứ nắm áo ông Tư-lệnh mà theo về. Thấy tôi bị bỏ rơi, dù đã được mời, anh và anh Quân tội-nghiệp, bảo theo các anh, về xe đò. Nếu không gặp hai anh có lẽ tôi đã khóc vì ức lòng. Các bạn đã thấy nghề làm báo đáng buồn chưa?

THU-MAI

BẠN ĐỌC

GỬI TỌA SOẠN

● của Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-CHÂU, chủ-tịch Hội Việt-Kiều Phật-tử Hải-Ngoại, PARIS :

Paris, 28 tháng Chạp Kỷ-Dậu :

Liên Đoàn Sinh viên, Liên Đoàn công nhân và Đoàn Thanh niên Phật tử tại Pháp,

Kính chúc thọ.

Đức Tăng Thống, Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất ; Mừng tuổi Thượng Tọa Viện trưởng Viện hóa đạo và toàn thể Tăng Ni và Phật tử trong nước một năm mới :

AN LÀNH và
THÀNH TỰU
PHẬT SỰ

Association des Bouddhistes Vietnamiens d' Outre Mer, 35 Bd Maxime Gorki 94 Villejuif.

● của ông Nguyễn Định-Quốc, Tây Đức

Tôi đã đọc ngẫu-nghiên và chuyển tay cho các bạn sinh-viên ở đây cùng đọc. Người nào cũng cảm thấy thích-thú, nhất là bài phê bình của ông về bài thơ « Bà Lang khóc chồng » của nữ sĩ Hồ-xuân-Hương.

Ông đã có nhiều khám-phá rất độc-dáo và xác đáng. Riêng chữ « bùi » (ngọt bùi...) khi đọc xong lời phân-tách của ông chúng tôi bỗng nghĩ đến « Củ khoai », một hình ảnh khác của chữ « bùi ». Vì ở Bắc Trung thường dùng tính-từ « bùi » để chỉ củ khoai ngon có nhiều bột. Không biết tôn ý như thế nào ?

Chúng tôi vừa hưởng xong một cái Tết Dương-lịch tại Tây-Đức và đang gom góp thêm tài liệu viết bài gửi về tạp-chí Phổ-thông. Tết Việt-Nam cũng sắp đến, nhớ đến bài thơ của ông, lòng cảm thấy buồn :

BẠN ĐỌC

« Xuân về ta chán thế ru này.
« Đất nước đây đưa mối hận thù
« Tài, đức xôn xao phượng tục-tử
« Vinh hoa nháy nhót bọn phàm phu »..

Một lần nữa, xin chân thành kính chúc ông...

Nguyễn Định Quốc

Brannenburg Dege'ndort/lobb

Rosenheimerstrasse 21.

Deutschland

● Của bạn Lê văn Liêm, Laos

Savannakhet, Đêm Giao thừa...

... Đám mây bất hạnh đang trùm lấy Gò quốc thân yêu của chúng ta, Việt nam quê hương yêu dấu giờ đây còn chỉ nữa ! Nghĩ đến con đau của đất Mẹ, con cảm thấy mình bất lực vô cùng. Phải chăng thể hệ của chúng con là « Thế hệ của những người sinh ra và trưởng thành trong đồ nát để rồi sẽ phải đem xương máu và mồ hôi để xây dựng lại ? »

Một mùa Xuân đã đi qua, một mùa Xuân nữa lại tới. Mùa Xuân này, con chỉ biết thành tâm chấp tay đê nguyện cầu cho Quê hương chúng ta mau sớm thanh bình trở lại, cho giọt lệ Mẹ già không còn đầm đìa trên xác lạnh giá, và cho Tình thương được phổ cập khắp muôn nơi.

« Quê hương chúng con đang rách nát vì bom đạn, vì đấu tranh, vì bạo lực xâm lăng,

Đã đến lúc mà dân tộc Việt Nam không muốn cho xứ sở bốc cháy thành hỏa ngục. Hãy nguyện cầu, hãy đứng dậy

*lấy tình thương và hy sinh mà dập tắt lửa chiến tranh đang
thương...*

Thương kính Mẹ Việt Nam !
Yêu Tổ-Quốc Việt Nam !

Nhiệt thành với lý tưởng xây dựng Dân tộc
Việt-Nam ! Xuân Việt-Nam 4849

Kính mến chào Bác, Đưa trẻ hoàn toàn tin tưởng nơi Bác !

LÊ VĂN LIÊM

(Savannakhet, Laos)

● Một Quân nhân miền Biên giới

Bác Nguyễn-Vỹ kính mến :

Thưa Bác, hai mươi lăm năm nay, người Việt-nam Quốc-gia
húng ta nỗ lực chống Cộng-sản và để quốc thực-dân thật can-dảm và
nh hùng.

Kết quả ngày hôm nay, người Quốc-gia Việt-nam mất miền Bắc
và suýt tí nữa thì đã mất luôn miền Nam này hôm tết «Mậu-thân» rồi.
Nếu không có quân đội, nhân dân Quốc-gia Việt-nam kịp thời cứu
guy, đánh tan quân đội cộng sản, giữ vững miền Nam. Tuy đây loại
trực lực-lượng cộng-sản ra khỏi thành phố nhưng đất nước ta vẫn ở
ong hoàn cảnh bi-thảm, gần như tuyệt vọng. Miền Nam Việt-nam
âm chìm trong máu lửa chiến tranh. Cộng-sản vẫn còn đe-dọa trầm
ng. Tại sao vậy ? Ai gây ra tình trạng này ?

Chính bọn Việt gian đội lớp Quốc gia dân tộc. Chúng lấy chiêu
i chống cộng-sản, chúng mượn danh nghĩa Quốc gia dân-tộc, lợi-
ng nhân-dân để mưu đồ quyền lợi riêng tư bản-thân của chúng !

Nhớ lại giai thoại đầu của cuộc chiến (45-54) một lũ Việt gian
i lớp Quốc-gia dân-tộc, hô-hào chống Việt-minh cộng sản, nhưng

kỳ thật là giúp thực dân Pháp đặt lại nền đô hộ lên đầu lên cổ nhân
dân ta. Chống lại kháng chiến.

Chín năm trời bán xương máu nhân dân cho thực dân Pháp. Để
rồi cuối cùng gục mặt chạy dài trước bọn Cộng sản.

Giai đoạn hai của cuộc chiến (60... ?) Lại cũng một tập đoàn Việt
gian như thế xuất hiện, tiếp tục sự nghiệp của bọn đi trước.

Đứng trước một tình thế như vậy, thử hỏi. Những người Quốc
Gia Việt Nam chân chính đành bỏ mặc cho lũ Việt gian thao túng phá
nước, hại dân mãi sao ? Để rồi cuối cùng túi hồ cúi đầu trước bọn
Cộng sản như năm mươi tư sao ?

Không ! Người Quốc gia Việt nam nhất định không cho phép
chúng tiếp tục sự mạng khốn nạn như thế nữa ! Người Quốc gia Việt
nam sẽ đập đầu chúng nó xuống, đứng lên lãnh trách nhiệm bình định
miền Nam, giải phóng miền Bắc, thống nhất nước nhà. Tổng cổ bọn
ngoại nhân và Cộng sản ra khỏi bờ cõi nước ta, đem hòa bình về cho
Tổ Quốc.

Thưa bác, bọn cháu đã sẵn sàng, bóng cờ linh «Rồng Vàng» còn
chờ gì nữa mà không phất lên hỗ trợ bọn trẻ ?

Lá thư cuối năm «Kỷ Dậu» cháu gửi về kính thăm và tâm sự
cùng Bác những ý nghĩ chân thành của tuổi trẻ. Nếu có gì quá đáng,
xin Bác bỏ qua cho.

Cuối thư, cháu xin chúc Bác một năm đặng nhiều sức khỏe để
lộ xây dựng Thanh Niên và Dân tộc...

HOÀNG QUỐC NAM

● Nhắn tin bạn Nguyễn văn Sơn KBC 6222

Ngày 18 tháng 4 Ấ.L. năm Canh Thìn, là ngày 20 tháng 5
năm 1940.

trị: **ỈA CHÁY NHỄM ĐỘC**
Ở RUỘT

KHẾT-LÝ CỎ ĐẪM MÁU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

PHÒNG-PMU

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

*Hợp với
người lớn
và trẻ em*

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
2066/BYT/17-8-67



MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt **CON CỌP** mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lăng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn iều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí.

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần dã dượi hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống **Lối Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên** Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sớ sai ngoài da mà hết. Uống **Giã
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3-9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTTINH ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN VỸ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231, Phạm-Ngũ Lão -- SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 40 đ

Công sở : gấp đôi